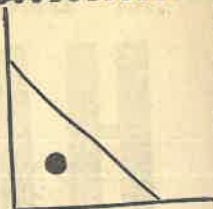


KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIỀN

TRỊ: Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cò khan tiếng, ho nhiều ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng An Tiễn.

Tổng phát hành: Lý Trắc, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)
Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ: Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành: Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt
Saigon, Lý Trắc. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số: 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bồi Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ: Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bái hoải mỗi mồi, đi mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành: Lý Trắc, nhà thuốc Quảng an Hòa, 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đễ bán ở các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số: 196 ngày 31-7-62

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 92 ★ 15-11-62

- 1.— Một hàn-lâm-viện Việt-Nam Nguyễn-Vỹ 7 — 9
- 2.— Nhân-vật xán thu: Thôi-Tử Thiệu Sơn 10 — 14
- 3.— Làm sao tránh được sự lộn xộn trong
việc phiên-âm danh từ ngoại quốc Nông Bằng-Giang 15 — 20
- 4.— Tiếng than của xác (thơ) Hoàng-Ẩn 21
- 5.— Đứa con cứng (truyện ngắn) Diệp Lan 22 — 28
- 6.— Một giấc mơ hoa Duyên-Hồng 29 — 34
- 7.— Trời tình (thơ) Nguyễn Văn Cồn 35
- 8.— Một ngôi sao sáng trong
y-giới Việt-Nam Phạm-kim-Tương 36 — 41
- 9.— Thơ thần đường đời (thơ) Tương-Phổ
Cảm thương thân (thơ) Chim-Hoàng
Cung huyền-mơ Thanh-Nguyên 42
- 10.— Giang sơn Việt-Nam: Tỉnh Phú-Yên Ng-đình-Tư 43 — 52
- 11.— Nhà vô địch (truyện ngoại quốc) Viên-Linh 53 — 58
- 12.— Sài-thành, Xóm nhỏ (thơ) Hỷ Khương, Thanh-huyền-Chi 59

13.— Danh nhân thế-giới : Winston Churchill	Tế-Xuyên	60 — 66
14.— Xót-hoa, Có những đêm buồn (thơ)	Hà-Hoa-Ộ	67
	Kiều-Đoan-Trang	
15.— Các bà có thai nên coi chừng	Phùng-lê-Anh	68 — 72
16.— Nỗi buồn trong tim (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	73 — 76
17.— Phê bình sách mới	Thăm-Thệ-Hà	77 — 82
18.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	83 — 87
19.— Bức tranh vãn cầu : Cá-Cặp	Tâm-Trí	88 — 89
20.— Tình xuân, muốn quên (thơ) T.T. Kiệt, C.T. Thương		90
21.— Cô đơn, nhân anh (thơ) Kim-Mai, Vương huyền-Trang		91
22.— Genève (tiếp theo)	Lê thị Đính	92 — 96
23.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	97 — 103
24.— John Steinbeck : giải thưởng Nobel văn chương 1962.	Phồ hồng	104
25.— Phồ-Thông vòng quanh thế-giới	Xuân-Anh	105 — 110
26.— Lợi ngược (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	111 — 117
27.— Thư bạn đọc	Phồ-Thông	118 — 121
28.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	122 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Xá-luận

một hàn lâm viện

VIỆT NAM



★
Ở mỗi lần chúng tôi đọc trong một tờ báo, hoặc một bài diễn-văn, một bản thuyết-trình, một lời thông cáo, những danh-từ lạ mà chúng tôi không hiểu nghĩa, những câu văn mà chúng tôi không tìm ra được văn-phạm, hoặc nghe những bài thơ quen thuộc

mà chúng tôi không biết đích tác-giả là ai, chúng tôi chỉ ngược mắt lên trời xanh mà than thở : « Bao giờ mới có một Hàn-lâm-viện để soạn một quyển tự-diễn Việt-nam cho ta học tiếng Việt-Nam ? »

Chúng tôi là những kẻ tìm thầy để học-hỏi mỗi ngày. Nhưng chúng tôi không giấu-giếm nỗi khổ tâm của chúng tôi, và có lẽ của đại đa-số đồng-bào, gặp rất nhiều thất-vọng trong sự trau-dồi văn-hóa.

● Thất-vọng thứ nhất, là thiếu một bộ **Tự-diễn Việt-Nam chân chính**. Chúng tôi muốn nói : một bộ tự-diễn đầy-đủ tiếng nói của người Việt-Nam. Góp nhặt, biên chép, và giảng-giải tất-cả các từ-ngữ Việt-Nam khắp ba miền Nam — Trung — Bắc, gồm tất cả các danh-từ Lịch-sử, Địa-dư, Khoa-học, Văn-ngệ, và các tiếng chuyên-môn về kỹ-thuật, nông-nghiệp, kỹ-nghệ, thương mại, v.v..., làm một bộ Tự-diễn đầy-đủ như thế cho xứng-đáng với một nước Việt-Nam có trên hai ngàn năm Văn-hóa, có lẽ khó lắm hay sao nên không mấy ai làm ?

Riêng chúng tôi tự biết tài hèn sức mọn chẳng làm được sự nghiệp gì, nên chúng tôi đã mượn diễn-đàn **Phổ-Thông tạp-chí** thốt lên tiếng gọi đôi ba lần, họa may các nhà Học-giả thông-thái trong nước lưu-ý đến chăng. Nhưng bốn năm rồi, không có người hưởng-ứng.

Phổ-Thông năm thứ Năm, chúng tôi không nản chí. Chẳng lẽ tiếng nói của chúng tôi kêu gào trong bãi sa-mạc mãi hay sao ? *Vox clamantis in deserto* ?

● Thất-vọng thứ hai, là tiếng nói Việt-Nam hiện trải qua một thời kỳ tao-loạn, đang rơi vào tình-thế « vô-chính-phủ », — *anarchie*.

Chúng tôi tự thấy có bồn-phận tố-cáo trước Lịch-sử, kéo nữa các Thế-hệ mai sau sẽ lên án tất cả thời-dại đương kim đã đồng-lỏa trong hiện-tình hỗn-độn.

Quả thật, trong Lịch-sử Văn-học Việt-Nam chưa có lúc nào

tiếng nói Việt-Nam bị chà-đạp, bị dầy-xéo, với một cuồng-hung xáo-trộn, vô trật-tự, vô quy-tắc, vô kỹ-luật như hiện nay.

Từ bài luận của một số học-sinh còn ngây-thơ, đến lời diễn văn của một số Dân-biểu Quốc-hội, tiếng mẹ đẻ của người Việt-Nam đã bị bốc-lật mất những đức-tính truyền-thống tốt-đẹp của giống-nòi.

Không những người ta mặc-nhiên đem nhét vào ngôn-ngữ Việt-Nam những tiếng nói vô căn-bản, và những tiếng ngoại-lai bị bóp méo, bị bẻ gãy, bị ghép chắp trơ-trên, người ta lại còn phá-hoại cả tiếng nói của Dân-tộc bằng mọi sự xáo-trộn bất chấp cả nguyên-tắc.

Cho đến một số ký-giả làm sách, làm báo, muốn dùng chữ thể nào tùy theo sở thích, muốn phiên dịch ngoại-ngữ thể nào cũng tự theo ý mình, không hướng theo một chủ-đích nào cả, biết rằng không ai có quyền bắt-bẻ được mình, không có giới-luật nào, văn-phạm nào buộc mình phải tôn-trọng.

Tình thế văn-tự vô kỹ-luật, văn-chương đại "phóng-túng", đang lan-tràn khắp các giới, và càng ngày càng tiến-triển công khai, trước thái-độ mặc-nhiên, vô trách-nhiệm của mọi người.

Một dịp khác, chúng tôi sẽ đề cập đến hiện tình hỗn loạn trong Văn-ngệ.

● **C**ẦN phải chấm-dứt, và chấm-dứt cách nào, hay cứ để buông trôi ? Chúng tôi chỉ là những kẻ làm chứng, không phải toan trút trách-nhiệm cho ai, nhưng vì thêm mong học-hỏi trong tiến-bộ.

Chúng tôi thất-vọng, để còn tìm hy-vọng, kêu van đề-mong có người nghe. Tự biết mình bất-lực nên tin-tưởng nơi những người có năng-lực. Và cầu học với tất cả những ai có thiện-chí.

N. V.

(kỳ sau tiếp ★★)



THÔI - TỬ

★ THIẾU-SƠN

THÔI-Tử và Khánh-Phong là hai tên quyền-thần ở nước Tề. Tề-Linh-Công ngộ bệnh. Hai tên quyền-thần liền rước Thôi-Tử Quang về để thế vị. Chúng giết hại nhiều người thân-tín của nhà vua khiến Linh-Công khiếp sợ mà chết.

Thôi-Tử Quang lên ngôi lấy hiệu là Tề Trang-Công. Trang-Công phong cho hai họ Thôi, Khánh làm chức thượng-khanh, nhứt nhứt việc trong nước đều

giao cho sắp đặt cả. Nhà Vua lại hay lui tới hai nhà chơi bời, trò chuyện, không phân biệt lễ chúa tôi. Một ngày kia Trang-Công đến nhà Thôi-Tử dùng tiệc. Thôi-Tử khiến vợ là Đường-Khương ra hầu chén. Trang-Công là phường háo-sắc thấy Đường-Khương mỹ-miệu liền động tình ngây ngất, say người nhiều hơn say rượu. Biết Đường-Khương là em gái một viên quan tại triều Trang-Công liền lo-lót với ông ta để thông tin qua lại. Việc này thấu tai Thôi-Tử. Thôi-Tử hỏi Đường-Khương. Nàng sợ oai chồng thú tội là cá đã mắc câu. Thôi-Tử có ý định giết Trang-Công và còn chờ cơ-hội.

★

Một hôm Trang-Công đánh người hầu-cận là Giả-Thụ 100 roi. Giả-Thụ mang lòng oán-hận. Thôi-Tử biết việc đó liền mua chuộc Giả-Thụ để Trang-Công làm gì thì báo cáo lại với Thôi-Tử.

Trang-Công thiết tiệc đãi chúa nước Cử và mời hết bá-quan.

Thôi-Tử nhà ở gần một bên mà giả đau không tới. Giả-Thụ thông-tin cho biết là sau khi mãn tiệc Trang-Công sẽ qua thăm bệnh Thôi-Tử. Thôi-Tử cười mà nói rằng : « Chúa-công

tới đây cốt ý để cợt phẩn, cười hoa, chớ đâu có lo gì đến ta ». Rồi ông kêu Đường-Khương ra mà nói rằng : « Ta đã định kế, mày phải làm theo thì ta sẽ dung thứ cho mày rồi lập con mày làm đích-tử. Bằng mày không theo ý ta thì hai mẹ con mày đều bị chém đầu » Đường-Khương riu-riu vâng lời. Thôi-Tử cất đặt phục quân ở trong nhà, trước cửa và chung quanh nhà và ra lệnh để nghe chuông báo hiệu thì ra tay.

Tiệc vừa mãn Trang-Công liền giục xé qua nhà Thôi-Tử, hỏi quân gác cửa : « Hiện bây giờ Tể tướng-quốc đâu nằm tại chỗ nào ? » Người gác cửa tâu : « Nằm tại nhà ngoài. » Nhưng Trang-Công lại đi thẳng vào nhà trong để mong được gặp người mà ông vẫn trọng nhớ, thăm yêu nhưng chưa được má tựa, môi kề. Ông vừa vào tới nội-thất thì Giả-Thụ báo bọn hộ-vệ nên đứng đợi ở ngoài. Cửa nhà trong đóng ập lại chỉ còn Giả-Thụ ở bên cạnh Trang-Công.

Đường-Khương tha-thuốt ra chào. Trang-Công như thú gặp mồi ngon muốn vồ lấy mỹ-nhân mà ăn tươi, nuốt sống thì thỉnh linh có thị-tỳ thừa tướng

quốc khô miệng, đòi uống mật làm cho Đường-Khương lật đật cáo lỗi ra ngoài đi rót mật cho chồng. Mỹ nhân vừa khuất dạng thì liền có tiếng binh khí chạm nhau. Phục binh đã nổi dậy tứ phía, ngoài đánh vào, trong đánh ra làm cho bọn hộ vệ bị bao vây và chết sạch. Trang-Công biết có biến kêu Giả-Thụ thì Giả-Thụ đã lẫn trốn. Ông rần sức phá cửa ra, lên lầu ngồi. Một tướng xông vào với đoàn giáp sĩ và lớn tiếng la lên rằng : « Phụng mạng tướng quốc tới bắt dâm tặc ». Trang-Công năn nỉ xin tha nhưng tướng đó bảo ông nên tự-xử. Ông buộc lòng phải nhảy xuống tính leo tường để chạy trốn nhưng liền bị một mũi tên bắn nhằm bắp vế. Ông ngã xuống, giáp-sĩ nhào tới đâm. Thế là rồi một đời dâm tặc.

★

Thôi-Tử thương-nghị với Khánh-Phong lập Công-Tôn Chử Cậ lên làm vua lấy hiệu là Cảnh-Công. Cảnh-Công còn nhỏ nên việc nước đều do Thôi-Tử cầm quyền, tự phong mình làm hữu tướng và cho Khánh-Phong làm tả tướng. Thôi-Tử hội các

NHÂN VẬT XUÂN THU

quan lại trước miếu Thái-Công
đề làm lễ tuyên thệ.

Tất cả đều răm rắp tuân theo.
Thôi-Tử truyền quan Thái-Sử Bá
chép vào sử rằng Trang-Công
bị bệnh chết. Nhưng quan Thái-
Sử lại chép rằng : « *Thôi-Tử
giết Tề quân mùa Hạ, tháng
Năm, ngày Ất-Hợi* ». Thôi-Tử
thấy vậy cả giận bèn giết Thái-
Sử. Thái-Sử còn ba người em
là Trọng, Thúc và Quý. Trọng và
Thúc cũng chép như anh nên
cũng bị giết luôn. Thôi-Tử lại
cầm cuốn sử kêu Thái-sử Quý
mà nói rằng : « Ba anh mày bị
chết là vì không theo lời ta.
Bây giờ, mày có tiếc thân thì
nên đòi mấy chữ này ta mới
không trị tội ».

Thái - Sử Quý thần - nhiên
thừa lại rằng : « *Làm chức Sử-
thần phải chép việc thiệt. Trước
kia Triệu-Xuyên giết Tấn-Linh-
Công, Triệu-Thuần làm chánh-
khanh mà không trị tội nên
Thái-sử Đồng-Hồ chép vào sử :
« Triệu-Thuần giết chúa là Di-
Cao ».*

*Soi gương ấy cũng thấy rõ
rằng việc tướng-quốc bây giờ,
nếu tôi không chép ra cũng có
người khác chép. Tướng-quốc
đã không che được tiếng xấu*

*mà tôi cũng không dám sợ chết,
tha thì nhờ, giết phải chịu chứ
không dám chép sai sự thật
được. »*

Thôi-Tử bèn liệng trả cuốn sử
cho Thái-tử Quý mà than rằng :
« Ta vì lo việc nước nên phải
giết chúa. Sự đã ra thế này,
chép thiệt cũng không hại. »

Thái-tử Quý bèn ôm sách về
sử-quán. Thôi-Tử đổ tội cho
Giả-Thụ mà giết đi.



Chuyện Thôi - Tử còn dài
nhưng kết-cuộc thì ông cũng
phải đền tội một cách thảm khốc
vô-cùng.

Ông có hai người con riêng
lớn tuổi, nhưng vì hứa với
Đường-Khương ông lại cho con
của nàng làm đích-tử khiến cho
hai anh nó bất-bình. Khánh-
Phong giúp quân-lực cho bọn
này tạo-phản rồi chụp luôn cơ-
hội giết luôn hai đứa, đốt phá
tan - hoang làm cho Đường-
Khương phải treo cổ tự-tử và
Thôi-Tử cũng uất-hận mà hủy
mình. Thế là loạn - thần chịu
chung số-phận với hôn-quân.

Một khi con người bỏ hết lễ,
nghĩa, liêm, sỉ mà chỉ sống với
nhau để lợi-dụng lẫn nhau thì

NHÂN VẬT XUÂN THU

cuộc sống chung nhứt-định không
thể nào tồn-tại được. Thôi - Tử
hại vua cũ, lập vua mới để gây
ảnh-hưởng và củng-cố địa-vị của
mình. Ý có công ông quên cả đạo
quân-thần và đối-xử thiếu lễ-
nghĩa đầu chỉ là lễ-nghĩa bề
ngoài. Và ông vua hoang - dâm
vô-dạo lại cũng thích buông-
lung đi tới chỗ chúa tôi bê-tha
nhậu nhẹt ngoài cung thất, tạo
điều-kiện cho loạn-thần thì vua
dễ-dàng như giết một tên ăn
trộm. Nếu không quá suồng-sã
thì đâu có vụ cho vợ ra hầu
rượu quân - vương để quân -
vương biến thành một gian-phu
để vợ mình thành dâm-phụ ?

Nếu chỉ vì ghen mà giết vua
thì còn có chỗ dung thứ. Đăng
này Thôi-Tử coi việc thí vua
như những cơ-hội tốt để thăng
quan, tiến chức và củng-cố địa-
vị của mình. Đường làm đại-
phu nhờ bức-tử Linh-Công mà
được lên làm thượng-khanh. Làm
Thượng-Khanh nhờ giết Trang-
Công mà lên làm hữu tướng.
Thôi-Tử liên - minh với Khánh-
Phong để gây nên tội ác thì hai
người này kết-cuộc là phải một
mất, một còn.

Thôi-Tử mưu-trí hơn, gian-
 ngoan hơn nên cũng đa-sự hơn.

Mà sanh sự thì sự sanh, nên đã
gây sợ hãi cho Khánh-Phong ra
tay trước.

Thôi-Tử không thể so sánh
với Triệu-Thuần được. Tấn Linh
Công chết đi là một hạnh-phúc
cho dân nước Tấn. Triệu-Thuần
nhiều lần can vua không được
nên cũng muốn cho ông chết đi
để đỡ khổ cho dân. Nhưng ông
trọng đạo quân thần không nỡ
xuống tay nên mới nhắm mắt
cho Triệu-Xuyên làm việc thí-
nghịch. Vậy mà ông còn bị ngọn
bút của Đồng-Hồ lên án. Đã
vậy mà đâu ông có dám giết
Đồng-Hồ ? Ông cũng không
dám trọng dụng Triệu-Xuyên là
cháu ông và đã chịu tiếng xấu
để đem lại hạnh phúc cho dân
Tấn.

Tề Trang-Công cũng không
đáng sống nhưng Thôi-Tử đâu
phải vì hạnh-phúc của dân Tề
mà thí ông ? Thôi-Tử giết ông
vì ghen ông nhưng cũng muốn
giết ông để gây thêm uy thế
Thôi-Tử không đồ thừa cho ai
được. Giả Thụ chỉ là một tên
điếm chỉ, một tay sai. Giết nó
cũng đáng đời nhưng giết nó vẫn
không gỡ được tội-ác. Hơn
nữa trước khi giết nó Thôi-Tử

đã giết chết 3 mạng người là những Sử-gia có lương-tâm, có can đảm, có khí phách. Ba anh em, Thái-sử Bá, Thái-sử Trọng và Thái-sử Thúc đã khinh thường cái chết để bảo vệ chơn-lý, chơn-lý của lịch-sử.

Tội này còn nặng hơn tội giết vua.

Thái-sử Quý đã chuẩn bị để chết theo ba anh. Ông được sống sót là một điều may mắn. Nhưng may mắn hơn hết là ông đã được nói ra những lời cho ngàn đời học tập:

«*Làm chức sử-thần phải chép đúng sự thật... Tôi không chép*

ra cũng có người khác chép. Tôi không dám sợ chết. Tha thì nhờ, giết phải chịu, chứ nhất định không được chép sai sự thật.»

Thôi-Tử làm bộ học đòi theo Triệu-Thuần. Ông nói: «*Ta vì lo việc nước nên phải giết Chúa...*» Nhưng ông đã nói láo. Ông mà lo gì cho nước, cho dân. Ông chỉ lo cho những quyền-lợi ích-kỹ và hèn-hạ của ông. Ông là điển-hình cho bọn loạn-thần, tặc-tử xấu-xa nhất của thời-dại Xuân-Thu.

THIẾU-SƠN



★ NHỮNG LỜI CHỈ LÝ

● Khoa-học ngày nay đã tiến triển mau chóng đến mức chỉ lùi lại 50 năm đối với các hình vẽ về khoa-học giả-tưởng (science — fiction).

● Ngày nay, nhân loại thường dùng chữ «*ít tốn*» để áp dụng cho những bánh «*xà-phông thật bự*» cũng như cho những loại xe hơi «*thật nhỏ*».

*làm sao tránh sự
lộn xộn trong việc*

PHIÊN - ÂM

danh-từ ngoại-ngữ

★ NÔNG-BẰNG-GIANG
(Tokyo)

(Tiếp theo P.T. 91)

S ẮN đây tôi cũng xin bàn sơ qua về lối phiên âm, dịch những danh-từ, riêng trong sử-học và địa-lý từ những danh-từ ngoại-quốc. Trước hết chúng ta phải nhìn nhận là việc phiên âm, dịch này, từ trước đến giờ các nhà viết sử, địa-lý đã dùng một cách hỗn độn, bẽ bối. Dù không phải là nhà khảo-cổ học, ngữ nghĩa học chẳng nữa, chúng ta cũng có thể nói việc phiên âm, dịch, của họ rất lộn-xộn. Giả như nhiều sách báo đã phiên âm dịch THAILAND là TIÊM-LA Xiêm-La, xứ Thái, còn nước Cambodia lại dịch là Cao-Miên, xứ Miên, Cam-Bốt. England thì

dịch là Anh-Quốc, Anh-cát-Lợi, Hồng Mao, hay giản dị là nước Anh.

Chúng ta nhận thấy phương pháp ấy đã vô tình xuyên tạc, làm nhục xứ sở họ, tỏ cho chúng ta thấy người viết sách sử-địa không đứng đắn. Đối với thế-giới hiện đại, thử hỏi nếu đất nước chúng ta thay vì phải gọi là Việt-nam, mà lại được gọi là AN-NAM hoặc Giao-chỉ chẳng hạn, chúng ta cũng cảm thấy nhục lắm chứ, vậy thì tại sao chúng ta lại dùng những danh-từ mà người dân nước họ không muốn gọi lại.

Sự phiên-âm, dịch trên chẳng

những không đứng đắn như
tính thần mong muốn của
người bản xứ, mà còn không
nhất định nữa. Giả như :

AMERICA dịch là Mỹ, Huê-kỳ
ENGLAND — Anh quốc, Anh
cát-lợi, Hồng Mao,

BURMA dịch là Miến điện,
Điện-điện

LAOS dịch là : Ai-Lao, xứ Lào

CAMBODIA dịch là : Cam-bốt,
Cao miên, xứ Miên

Trong lối phiên âm, dịch này
chúng ta nhận thấy người viết
sử-địa báo chí đều dùng tiếng
Hán Việt. Giả như :

TOKYO — Đông kinh

HOKKAIDO — Bắc Hải-Đạo

PEKING — Bắc kinh

NAGASAKI — Trường-khi

REPUBLIE OF
CHINA — Trung hoa
dân quốc

FINLAND — Phần lan

HOLLAND — Hòa lan

POLAND — Ba-lan

DENMARK — Đan-Mạch

LONDON — Luân-đôn

NEW-YORK — Nữu-ước

MOSCOW — Mạc-tư-Khoa

CANADA — Gia-nã-đại

BERLIN — Bá-linh

PARIS — Ba-lê

INDIA — Ấn-Độ

NEW DELHI — Tân-Đê-Li

AUSTRALIA — Úc-đại-Lợi

CAMBODIA — Cao-Miên

CHILE — Chí-Lợi

ITALY — Ý-đại-Lợi

BELGIUM — Bỉ

YUGOSLAVIA — Nam-Tư

SWEDEN — Thụy-điền

THAILAND — Xiêm-la

LAOS — Lào

Chúng ta nhận thấy phương
cách trên đây có nhiều chỗ vô-lý,
người dịch chỉ căn cứ vào lối
viết chữ Hán của người Trung
hoa, chứ không phải căn cứ
vào lối phát âm quốc-tế để
phiên âm. Giả như trên sách
báo, mặc dầu người Nhật-bản
viết :

Tokyo : 東京 (đông-kinh)

Hokkaido : 北海道 (Bắc-hải-
Đạo).

Nagasaki : 長崎 (Trường-Khi)

Nhưng người Nhật không

bao giờ đọc là Đông-Kinh, Bắc-

hải-đạo, Trường-Khi, mà khi

người Nhật gặp những chữ

Hán : Đông-Kinh, Bắc-Hải-Đạo,

Trường-Khi thì họ lại đọc là

Tokyo (To-ki-ô) ; Hokkaido (Hốc

Kai-Đô), Nagasaky (Na-ga-xa-ky).

Ngoài ra phương cách này

còn cho chúng ta một sự hoài

ngại về tiếng nói của chúng ta,
giả như những chữ :

Finland : Phần-lan

Holland : Hòa-lan

Poland : Ba-lan

Denmark : Đan-Mạch

London : Luân-đôn.

Thoạt mới nghe qua tưởng
chừng như dịch giả dùng lối
phát âm Pháp-Ngữ hoặc Đức-
Ngữ để phiên âm. Nhưng chúng
ta đã lầm, người dịch đã căn cứ
vào chữ viết của người Trung-
Hoa để dịch lại. Mà như chúng
ta đã biết người Trung-hoa một
phần vì kém ngoại ngữ, vì có

những mẫu tự họ không đọc
được, nên chỉ nghe loáng thoáng
lối phát âm của người ngoại
quốc rồi phiên âm thành ra chữ
viết của họ. Người Việt chúng
ta tưởng bở, nên mới dịch từ
những danh từ mà người Trung-
Hoa đã phiên âm. Làm việc này,
người dịch đã đặt tất cả tin-
tưởng vào văn-hóa Trung-Hoa,
mà họ quên nghĩ rằng đây chỉ
là lối phiên âm của người Trung-
Hoa từ tiếng ngoại quốc để cho
dân Trung-Hoa hiểu dễ dàng.
Thử xét một vài trường hợp :

Danh từ ngoại quốc	Tiếng Trung-Hoa		Dịch Tiếng Hán-Việt
Finland	芬	蘭	Phần lan
Holland	荷	蘭	Hòa lan
Poland	波	蘭	Ba lan
Denmark	丹	麥	Đan mạch
London	倫	敦	Luân đôn

Ngay trong lối dịch những
danh từ ngoại quốc này, từ tiếng
Trung hoa, chúng ta nhận thấy
không hoàn toàn lắm. Ví dụ như
những chữ 芬蘭 và 荷蘭 phải
dịch là PHÂN-LAN và HÀ-LAN,
chúng ta lại dịch là PHẦN-LAN
và HÒA-LAN. Hơn thế nữa

tiếng Trung-hoa mỗi ngày mỗi
thay đổi, lối viết này một đôi khi
tuy khác nhau, nhưng cách dùng
và nghĩa lại giống nhau. Giả như
chữ Mạch có đến ba lối viết
mặc dù nghĩa như nhau : 麥, 麥
và 麦 đều đọc là Mạch cả.

Và hơn nữa, như trên tôi đã

có nói là chữ viết của người Trung-hoa hiện tại đã thay đổi. Điều này chắc những ai đã nghiên cứu về ngôn ngữ học thì biết rõ ràng hơn.

Và do đó, nếu xét lại lỗi dịch

của những người viết sử-địa qua những ví dụ trên chúng ta cũng nhận thấy rằng họ đã dịch những danh từ ngoại quốc từ tiếng Trung hoa. Một vài thí dụ về lỗi dịch danh từ địa-lý từ tiếng Trung hoa :

Danh từ ngoại quốc	Danh từ Hán Việt dịch	Tiếng Trung-hoa và âm Việt
America	Mỹ	美國 (Mỹ Quốc)
Australia	Úc-đại-lợi	澳大利亞 (Úc-đại-lợi-á)
Belgium	Bỉ	比利時 (Bỉ-lợi-thì)
Berlin	Bá-linh	柏林 (Bá-lâm)
Cambodia	Cao-Miên	高棉 (Cao-Miên)
Canada	Gia-nã-đại	加拿大 (Gia-nã-đại)
Ceylon	Tích-lan	錫蘭 (Tích-lan)
Chile	Chí-lợi	智利 (Trí-lợi)
England	Anh quốc	英國 (Anh-quốc)
France	Pháp quốc	法國 (Pháp quốc)
India	Ấn-độ	印度 (Ấn-độ)
Laos	Lào	老撾 (Lão-qua)
Moscouv	Mạc-Tur-Khoa	莫斯科 (Mạc-Tur-Khoa)
New Delhi	Tân-Đê-li	斯德里 (Tân-đê-lý)
New York	Nữu-ước	紐約 (Nữu-ước)
Paris	Ba-lê	巴黎 (Ba-lê)
Yugoslavia	Nam-Tur	南斯拉夫 (Nam-Tur-Lạp-Phu)

Cứ so sánh lỗi dịch trên, chúng ta nhận thấy tuy người dịch đã cố gắng giản dị hóa rất

nhều, nhưng vẫn không tránh được những điều bất lợi, giả như Úc-đại-lợi-á, dịch là Úc-đại-

lợi; Bỉ-lợi-thì dịch là Bỉ, Bá-lâm dịch là Bá-linh. Nhưng ngay trong tiếng Trung-hoa có khi họ dịch một danh từ thành hai tiếng đề dùng. Ví dụ như chữ AMERICA người Trung-Hoa phiên âm là 美國 (Mỹ-quốc) và 米國 (Mã-quốc). Và có lẽ một đôi khi người Việt chúng ta chỉ căn cứ vào lỗi phát âm của người Trung hoa mà phiên âm lại. Giả như chữ 智 (Trí) lại phiên âm Chí, và chữ 比 khi thì đọc là Bỉ, khi thì đọc là tỉ, chữ 林 (lâm) phiên âm là linh... chẳng hạn.

Đến như những danh-từ riêng chỉ sông, núi, biển, hồ... thì người viết sách địa-lý cũng đã dùng hai phương pháp chính là: phiên âm và dịch.

EVEREST — Ê-vơ-rét
HIMALAYAS — Hy-Mã-Lạp-Sơn
MONT-ELANC — Bạch-sơn
MEKONG — Cửu long
JAPAN SEA — Biển Nhật-bản
PACIFIC OCEAN — Thái bình dương
FUJISAN — Phú-Sĩ-Sơn
MEDITERRA-
MAN SEA — Địa Trung Hải

Nhưng có nhiều danh từ mà

có lẽ họ chẳng biết dịch hoặc phiên âm ra làm sao, nên đành phải để nguyên ngữ, ví dụ như:

Sông : Missouri, Mississippi, Amazon, volga.

Núi : Kilimandjaro, Solimana

Thác : Angel, Terni, Ribbon

Hồ : Michigan, Lodoga, Caspian.

Trong trường hợp này ta lại thấy họ cố tình dịch cho bằng được, và cũng chỉ bằng cách vay mượn tiếng Trung-hoa. Nhưng thử hỏi đã có can đảm dịch Mont-blanc là Bạch-sơn. Fijisan là Phú-Sĩ-Sơn thì tại sao họ lại không dịch Dent-blanche là Bạch-xi và Wood Mountain là Mộc-Sơn.

Một lần nữa, chúng ta cảm thấy rằng sự phiên âm, dịch những danh-từ ngoại-quốc từ tiếng Trung-Hoa là vô lý. Vì những sự vô lý ấy chúng ta thấy có cần phải sửa đổi không? và nếu sửa đổi thì chúng ta phải sửa đổi như thế nào?

Dĩ nhiên là chúng ta cần phải sửa đổi cho hợp với hoàn cảnh hiện tại của xã-hội và tinh-thần văn-hóa ngày nay. Trong sự

sửa đổi này theo thiên kiến tôi, trước hết nên phân loại danh từ địa-lý ngoại-quốc :

- 1.— Tính chất quốc-tế.
- 2.— Tính chất quốc-gia.

Nếu những danh-từ địa-lý nào có tính chất quốc-tế như : Pacific Ocean, Atlantic Ocean, China sea, Mekong, Himalayas... thì nên dùng thứ ngôn ngữ nào thông dụng nhất thế-giới.

Nếu những danh-từ địa-lý nào có tính chất quốc - gia, địa-phương thì nên đề nguyên ngữ của nó. Giả như Mont-blanc, Fujisan, Missouri, Mississippi... thì đề nguyên ngữ. Dĩ nhiên phương cách này cũng được dùng cho trường hợp trên, nghĩa là tên các quốc-gia, đô thị... trên thế-giới.

Tuy nhiên đề cho vấn đề sửa đổi khỏi phải gây ra một sự phản đối. Chúng ta nên mềm dẻo hơn, nghĩa là những danh từ địa-lý nào gần như đã được Việt hóa rồi, và đã in sâu vào tâm-trí mọi người, thì có thể tạm dùng trong hoàn cảnh hiện tại, đề dần dần sửa đổi. Giả như những danh - từ :

Nhật-bản, Pháp, Mỹ, Nga, Anh, Đức. Còn những danh từ như Hong-Kong, Tokyo, Paris, Peking, Moscow, New-York hoặc Indonesia, Philippines, Iran, Iraq, Canada, Australia... tưởng ngay bây giờ chúng ta có thể đề nguyên âm hoặc nguyên ngữ của nó.

Cũng như phần đầu mà tôi đã trình bày, tôi nhận thấy việc sửa đổi này là đúng lúc, và đồng thời sẽ đem đến nhiều ích lợi cho học-sinh trung-học, và nếu có việc xuất ngoại, hoặc khi phải tham khảo sách báo ngoại quốc họ tránh được mọi sự bối ngỡ đáng tiếc. Tôi biết, bao giờ bắt đầu một sự thay đổi, dù ít hay nhiều, làm thế nào cũng có phản ứng, dư luận chống đối của mọi người, nhưng nếu chúng ta đủ sáng suốt để nhận định tình thế hiện tại, thì tôi tưởng việc thay đổi này phải là sự cố gắng của tất cả mọi người chứ không phải chỉ riêng những ai có trách nhiệm đối với nền giáo-dục quốc-gia.

NÔNG-BẰNG-GIANG
(Tokyo)

★ HOÀNG-ÂN
(Định-Quán)

Ta vất-vưởng giữa lòng đời thế-kỷ,
Đi tìm hồn than-thở một đôi câu.
Linh-hồn ơi, lạc-lỡng tận phương nào ?
Không đối tượng xác này đôi chút với !
Trong mưa khuya, hay hang cùng ngõ tối,
Giữa chiều buồn, hay đêm-đuối trong mơ ?
Hay lang-thang tìm kiếp dáng nàng thơ,
Đề bày tỏ những nỗi-niềm u-uẩn ?
Hồn lãnh-đạm hay là hồn hờn giận ?
Bởi cuộc đời không một chút yêu-thương
Mà bỏ ta với kiếp sống thê-lương,
Cho mưa gió phủ-phàng đầy-đọa mãi.
Hãy về đây nhìn ta mà thương hại,
Tắm thân gầy tàn-tạ héo-hoan rồi.
Mất thâm quầng chôn chặt tuổi đôi mươi,
Đôi má lồm nuốt trôi đời thơ mộng.
Hãy về đây cùng ta tìm lẽ-sống.
Chút thủy-chung nào sá kể chi đâu.
Tính toán chi câu chuyện mộng ban đầu,
Chỉ là chuyện thường tình trong nhân-thế.
Đời còn đẹp trên muôn ngàn sắc thề,
Tình bao-la trùm vũ-trụ, sinh-linh.
Sao không yêu cho cạn cả ân-tình,
Mà cứ mãi đắm chìm trong bể khổ.

Con lạy Chúa ! Xin Người giùm thấu rõ.
Gọi hồn về thương-xót xác con đây,
Dưỡng nuôi cho tươi đẹp tấm thân gầy,
Hầu trọn vẹn một đời yêu mến Chúa.



• truyện ngắn •

đứa con cứng

★ DIỆP - LAN

THÚY-Hằng là một nữ-sinh kều-diêm, đã trưởng-thành trong một gia-đình khá giả. Cha Hằng là một kỹ-sư Công-Chánh, mẹ Hằng trước kia dạy học từ khi sanh Hằng ra, bà cũng nghỉ dạy để săn-sóc gia-đình.

Hằng lớn lên và hấp-thụ ngay nền văn-minh « Đột sống mới ». Từ cách ăn-mặc đến lời nói, cử-chỉ tỏ ra Hằng là người quý-phái, tự-kiêu. Hằng kiêu-hãnh vì cha nàng là một kỹ-sư ! Hơn nữa, Hằng là con một, có sắc đẹp lại được chiều chuộng thì sự kiêu-hãnh ấy càng tăng. Không ai nhận thấy một vẻ buồn nản hay suy tư gì ở gương mặt Hằng.

Hằng luôn luôn vui vẻ và nô-đùa như một đứa bé lên năm, và lại tuổi của Hằng đã lên đôi chín, cái tuổi của mơ-mộng, của tình yêu !

Sự thật thì trái lại, sở dĩ Hằng làm ra vẻ ngây thơ để đánh lạc hướng xét đoán của gia-đình, nhất là cha Hằng, vì cha Hằng rất khó tánh.

Ông là người theo Tân-học, nhưng ông vẫn duy-trì đạo-lý nho-phong. Con người của ông đã có sự pha trộn giữa hai luồng tư-tưởng Nho và Tân-học. Ông rất chán ghét những sự lỗ-lãng mà thanh-niên Nam Nữ ngày nay đã đua đòi quá trớn, nên ông rất

ĐỨA CON CỨNG

ng nghiêm-khắc với gia-đình. Nhưng ông càng nghiêm-khắc với con cái bao nhiêu thì vợ ông lại càng dễ-dãi bấy nhiêu. Ông chán-nản dãi-b giao phó tất cả sự giáo-dục con cái trong gia-đình cho vợ ông, đôi khi thấy những việc trái tai gai mắt, ông cũng quát tháo ầm lên một cách nghiêm-khắc. Vì thế nên dù được sự tưng-tiu chiều chuộng của mẹ, Hằng cũng rất dè-dặt và kính sợ trước những lời quở trách nghiêm khắc hợp lý của cha.

★

Sáng nay vào trường, Hằng nhìn thấy có tên mình trên bảng nhận thư, Hằng vội-vả lên văn-phòng ký-tên vào sổ để lãnh thư. Nhìn chữ viết ngoài phong bì, Hằng biết ngay đó là thư của Hoàng - người yêu của Hằng - mặc dù ngoài phong bì đề tên khác. Hằng bồi-hồi tự nghĩ :

— Có chuyện gì mà lúc gặp nhau chàng chẳng nói đề gởi thư thế này ?

Lãnh thư xong nàng vội-vả về lớp bóc thư ra xem :

Yĩnh-long, ngày... tháng... năm...

Thúy-Hằng em !

Anh rất lấy làm đau lòng khi viết lá thư này gởi đến em. Có lẽ khi nhận được thư này em rất

oán ghét anh lắm thì phải ? !

Em ạ ! Hồi tưởng lại tình yêu giữa hai ta được bao lâu rồi em nhỉ ? Anh tưởng rằng sống gần em anh sẽ cảm-hóa được tính tự-phụ, tự-kiêu, x-m người như cỏ rác của em, nhưng... anh đã hoàn toàn thất vọng !

Đã nhiều lần gặp em anh muốn nói ra cho em biết nhưng anh không thể nào nói được nên lời ! Vì khi anh dự-định nói ra thì những lời thô-thể của em như rót vào tai anh : Nào « Đời ! C'est la vie, Tình ! C'est l'amour » « Ta hãy hưởng tất cả những gì ta có hiện thời rồi sau này sẽ ra sao cũng mặc !... » làm phai-nhạt ý-tưởng dự-định của anh. Nhưng anh đã suy nghĩ kỹ rồi em ạ ! Tình yêu của chúng ta là tình yêu tạm bợ, mà những gì tạm bợ thì không thể tồn tại lâu dài. Như em đã biết, anh đã sanh ra và trưởng thành trong một gia đình Nho-giáo. Còn em, em lại trưởng thành trong một gia đình « tân-tiến », khá giả và hấp thụ những tư tưởng của « đột sống mới », của « văn-minh » ! Thế là hai tư tưởng không đồng nhất với nhau thì không thể thông-cảm và bền chặt cùng nhau được.

Không phải anh cố ý đã kích những sự tiến bộ của những cái « mới mẻ », mà em đã hấp-thụ, nhưng vì anh là người của nho-giáo, con người lấy đạo-lý cương thường làm gốc cho nên nhìn thấy những cái tiến bộ của « văn-minh róm », « tự-do xằng » mà em đã đua đòi quá trớn anh không thể nào im được, và lại em là người yêu của anh thì những sự trái tai, gai mắt ấy càng làm anh thêm bất mãn. Anh cũng biết rằng : Lấy điều mình thích để phản đối điều mình không thích : đó là một cái hại nặng nhất cho tâm hồn. Em có xem qua chuyện con Éch đi giày, mặc áo, che dù... để sau cùng chết một cách thảm thương về những sự đua đòi quá trớn ấy chưa ? Ấy cũng là hiện-sinh của phong-trào hiện-dại, đó em ạ !

Hiện nay, tổ-quốc mong nơi ta những bàn tay biết tận-tụy, siêng năng, những tâm-hồn cao-thượng trong trắng để kiến-tạo xã-hội ngày mai, vì thanh niên là rường cột của nước nhà. Chứ xã-hội tổ-quốc không bao giờ dung-dưỡng những kẻ biếng khác, ươn hèn, mang những tâm hồn ích-kỷ, tự phụ, vụ lợi, khinh người, có đầu óc phong thực, giai cấp, chỉ lo bồi đắp và kiến tạo cho cá-nhân mình

mà không nghĩ đến những người chung quanh. Con người như thế đáng chà đạp, bỏ đi !

Người ta thường bảo rằng thân xác mình là một vật thừa thãi trong xã-hội, vậy mình phải cố gắng làm sao cho thân xác mình khỏi thừa thãi như người ta bảo chứ. Có lẽ đâu lại nhắm mắt hấp thụ « cần » như con Éch ! thì hóa ra mình là con người mà lại thua một con vật hay sao ? Vì con vật không có lý trí nên không biết xét đoán, còn mình là người thì phải biết xét đoán xem điều ấy có lợi hay hại như thế nào để nên theo hoặc tránh, chứ có lẽ đâu lại mù quáng như thế ? Hễ thấy những gì mới mẻ thì lập tức chạy theo không cần xét việc ấy hay, dở thế nào ; lợi, hại thế nào, thì thử hỏi lý-trí của mình đâu ? Nó còn vương-vấn trong thế xác hay nó đã ngao-du nơi chân trời mới lạ ? !

Hôm nay là lần đầu tiên và cũng là lần sau hết, anh cho em biết ý-tưởng của anh. Vậy khi nhận được thư này em đừng hòng tìm gặp anh nữa vì anh không còn ở đất Vĩnh này. Anh sẽ đi ! Anh đi tìm lại những gì mà người ta bảo rằng : đó là cồ-hủ, kém văn-minh để xem có khuây-khỏa

nổi lòng chẳng, chứ còn ở lại nhìn mãi những cái « văn-minh » sao lòng anh ngao-ngán quá ! Than ôi ! « Văn minh Đông-Á trời thu sạch, Nay lúc cương thường đảo ngược ru ! »

Vĩnh biệt em,

Anh :

Nguyễn-Huy-Hoàng

Đọc xong thư, bao sự kiêu-hãnh, tự phụ khinh người dường như đã biến mất, chỉ còn lại ở lòng Hằng bao nhiêu nỗi buồn dâng-dặc, nỗi sầu ngao-ngán, Hằng thở dài chán nản...

Chiều hôm ấy Hằng không đi học và bảo rằng mình đã nhức đầu chóng mặt. Mẹ Hằng cũng không để ý vì thường thường Hằng hay có chứng bệnh ấy !

Đêm ấy, tâm hồn Hằng chứa đầy đau khổ, tất cả những vật trong phòng nàng bây giờ hình như xa lạ, không còn ghi lại một dấu vết gì quen thuộc xưa nay. Những bức tranh xinh xắn đẹp để trên tường bấy giờ hình như những tấm văng diều tang, không còn đẹp nữa, nên thơ nữa.

Suốt đêm Hằng cứ lăn lộn trên giường không sao ngủ được. Hằng suy nghĩ miên man và cảm thấy cuộc đời mình trở nên vô vị.

Đồng-hồ trước phòng khách âm thầm lặng lẽ ngân nga, về oài buông mười hai tiếng như âm thầm, như nước nở, như thao thờ cùng ai giữa đêm dài cảnh vật xung quanh đều yên lặng.

Mẹ Hằng thức giấc nhìn qua thấy ánh đèn bên gian buồng của con còn sáng, bà lên tiếng hỏi :

— Khuya rồi mà con còn thức sao Hằng ?

Hằng trấn tĩnh để khỏi nấc lên và buông ra một tiếng : — Dạ !

Mẹ Hằng nói thêm :

— Con nói bịnh sao thức khuya làm gì, có chuyện gì dễ sáng sẽ làm. Ngủ đi con !

Hằng gạt nước mắt gượng đáp lại để mẹ khỏi nghi ngờ :

— Con còn xem dở quyền tiếu thuyết, một tí nữa xong rồi. Mẹ cứ yên tâm.

— Hừ ! cứ đọc tiếu thuyết mãi !

Mẹ Hằng chỉ đáp lại một câu rồi im luôn. Trong lúc ấy ánh đèn bên gian buồng của Hằng cũng vừa tắt...

Một lát sau, mẹ Hằng giật mình vì nghe có tiếng ủa mưa phát ra bên gian buồng của con. Bà hốt hoảng chạy qua bật đèn lên vừa kêu vừa hỏi :

— Hằng ! Hằng ! con sao vậy ?
Có sao không ?

Hằng không đáp lại, chỉ ối mửa trên giường làm bà thêm hốt hoảng. Bà kêu con ở dậy tức tốc chở Hằng đến bệnh viện.

Nơi đây bác-sĩ đã tận tâm cứu chữa vì Hằng đã tự-tử. Theo lời bác-sĩ thì Hằng không sao.

Mẹ Hằng khóc lóc sụt sùi vì bà sợ con mình chết khi nghe bác-sĩ cho biết con mình tự-tử chứ chẳng phải bệnh.

Hằng từ từ tỉnh lại...

Sáng hôm sau được tin, cha Hằng hối-hả lái xe về. Bước vào nhà gặp ngay vợ ông đang sửa soạn đồ để mang lại bệnh viện, ông nhanh miệng hỏi :

— Con nhỏ đâu ?

Vợ ông đáp :
— Ở đằng đường đường Thánh-Minh, nó đã tỉnh hẳn rồi. Rồi bà thuật lại chuyện đêm qua cho ông nghe. Ông chắc lưỡi đập tay xuống bàn và nói :

— Tôi đã từng bảo với bà từ trước mà bà có chịu nghe tôi đâu !..

Mẹ Hằng cướp lời :

— Ông đã bảo gì với tôi mà bảo tôi không nghe ?

Cha Hằng ngồi xuống ghế và nói :

— Thì tôi bảo với bà rằng : con gái lớn rồi phải dạy dỗ nó,

đừng cho nó đọc những tiểu thuyết dâm-tình, lãng mạn sụt-sùi, rùng-rợn, éo-le, những tiểu-thuyết « ba xu », những tư-tưởng giết người ! Mà bà có nghe đâu !

Muốn cứng nó thì dạy dỗ nó chứ đâu phải chiều chuộng nó. Hễ tôi nói ra thì bà lại cãi tôi và nói rằng :

— Nó lớn rồi, kệ nó !

Ài lại chẳng biết nó lớn, mặc dù nó lớn với cái tuổi của nó, nhưng tâm hồn nó vẫn còn là con nít, mà con nít dễ hay bắt chước, nó không biết những gì hay, dở hặc phải, trái, cứ thấy những gì lạ mắt là làm theo không cần đắn đo suy nghĩ !

Từ cách ăn mặc cho đến việc trau dồi kiến thức tôi cũng thường bảo với bà hoài. Người đời bảo rằng : « Cái nết đánh chết cái đẹp ». Đầu phải ăn mặc hờ hang, lộng lẫy, son phấn lòe-loẹt là đẹp, là sang. Đầu phải đẹp ở thân hình, ở tư thế đi đứng-ẹo. Mà là đẹp ở cử-chỉ, ngôn ngữ và đức-hạnh. Hễ tôi nói đến đó thì bà lại bác bỏ đi và nói rằng .

— Nó lớn rồi, để cho nó được tự-do ăn mặc, đua đòi với chúng bạn !

Còn đến việc trau dồi kiến thức cho nó, tôi bảo hãy mua

những sách có ích cho nó đọc thì bà lại không mua. Bà cứ cho tiền nó mua hoặc mượn những sách theo ý thích của nó, toàn là những tiểu thuyết « ba xu » đem về nó đọc, chứ nó có mua quyển sách nào có ích đâu ? Nếu tôi nói ra bà lại dùng lời ngụy biện để dẫn dắt nó đi theo con đường văn-minh của tuổi trẻ ! ?

Hừ ! Văn-minh ! Mà văn-minh cái gì chứ văn-minh ở thứ tiểu thuyết lãng-mạn ấy sao ? Bà nên nhớ rằng cái ngọn gió đầu mùa ai ai cũng không sợ, mà họ sợ là chỉ sợ cái ngọn gió cuối mùa có thể giết chết người thôi ! Cái phong trào lãng mạn sụt sùi từ Âu-Vỹ tràn sang đến nay đã gần dứt rồi mà sao không biết tránh ?

Thanh-niên nam-nữ thế hệ này đâu còn ủy-mị trong những điệu nhạc ru hồn, trong những lời thơ ân ái, trong những tiểu thuyết dâm-tình lãng-mạn, rùng rợn, sụt sùi, éo-le nữa.

Mình là bậc cha mẹ thì bắt buộc con cái phải theo mình chứ có lý đâu cha mẹ lại chiều chuộng con, làm theo ý muốn của con, hễ con đòi thứ gì là được thứ ấy. Như vậy là giết con chứ đâu phải

thương con. Người ta thường bảo :

« Thương con thì cho roi, cho vọt Ghét con thì cho ngọt, cho bùi »

Sao lại không biết noi theo, và lại bà là người có học thức chứ có phải dốt nát quê mùa gì sao mà không biết.

Bây giờ là kết quả hiển nhiên về sự dạy dỗ của bà từ lâu đó ! Đó là một bài học đích đáng cho bà, vậy bà hãy răn mà nhớ !

Phải chi hồi trước bà dạy dỗ nó thì bây giờ đâu đến nỗi. Đằng này bà lại bỏ rơi nó, cho nó muốn tự-do đi đâu thì đi không cần hỏi cha mẹ. Nó còn nhỏ thấy mình không rầy la dạy-dỗ nó thì nó tưởng rằng việc làm của nó là phải, là đúng và mình đã đồng ý với việc làm của nó. Rồi đến khi hư hỏng lại đổ thừa cho hoàn cảnh, cho nghiệp chướng, cho xã-hội !

Hoàn-cảnh nào, nghiệp-chướng nào, xã-hội nào lại đào tạo ra cái mầm hư hỏng ấy ? Nếu có thì chỉ một phần nhỏ thôi. Chính cái mầm hư hỏng là do sự bỏ rơi, sự chiều chuộng quá trớn của cha mẹ gây ra thôi !

Tôi biết mà ! Con nhỏ nó tự từ đây cũng chẳng quỵ vì tình

duyên của nó trắc trở ra sao mà thôi ! Chứ có chuyện gì buồn phiền lại không nói ra cho cha mẹ biết để đi uống thuốc tự tử như vậy ?

Với cái tuổi của nó là tuổi yêu đương. Nó yêu không ai có quyền ngăn cản nhưng phải giáo hóa nó, chỉ rõ cái tai hại cho nó thấy vì nó còn nhỏ. Hơn nữa nó còn học hành thì tình yêu đó không những không có hại mà còn có thể giúp cho nó học hành chăm chỉ hơn, vì nó biết và thấy những cái hại mà tránh hoặc có khi nó không dám nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Còn đằng này bà lại cho nó tự-do xem tiểu thuyết, xem xi nê, nó thấy những cặp trai gái mùi mẫn, ngất ngây càng làm kích thích tâm hồn nó ..

Nhưng đến khi có việc bất trắc xảy ra như hiện giờ thì nó không còn biết đường nào mà xử trí nữa, nó đành bắt chước theo tiểu thuyết. Một là đi tu. Hai là tự tử ! Vì những thứ tiểu thuyết mà nó đọc hàng ngày toàn là những tiểu thuyết ái-tình lãng-mạn

★ TÁC PHẨM

Một thanh niên đến đề nghị cầu hôn cô con gái của một nhà nấn tượng trứ-danh.

Anh chàng quá rụt rè, e lệ, không biết mở miệng nói sao, cứ đứng gãi tai mãi. Bí quá, anh ta cứ nhìn trừng trừng vào người yêu và cố gắng mãi mới nói được:

— Dạ thưa ông, tôi... rất yêu... tác-phẩm của ông ạ...

đến khi kết thúc cũng không ngoài một trong hai yếu tố trên.

Hai việc đó cứ lằng vằng trong đầu óc nó, nó chỉ có hai con đường tiến thoái lưỡng nan nên nó đành nhắm mắt làm liều ! Vì nó còn là con nít, nó chỉ có ý nghĩ nông cạn và nhất thời mà thôi, khi cơn xúc động qua rồi nó trở lại trạng thái bình thường chứ nó đâu có ý nghĩ sâu xa và hơn, thiệt như mình.

Bà nhớ xem, lâu lâu trên mặt báo có đăng những vụ tự tử hoặc đi tu ở chùa này, núi nọ đều vì tình cả. Mà người trong cuộc toàn là những thanh thiếu niên.

Đó không phải là nó muốn tự tử hoặc vì yêu mền lẽ đạo mà đi tu. Sở dĩ nó có những hành-động ấy là vì tiểu thuyết dạy nó, bắt nó tự tử hoặc đi tu đó !...

Tiếng ông kỹ-sư mỗi lúc một dồn, trong khi ấy mẹ Hằng chỉ thở dài lẳng tai nghe qua đôi dòng lệ từ từ rơi trên má...

DIỆP-LAN



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 91)

★ Chủ-Nhật 10-4-1960 — 3 giờ chiều

8 giờ sáng nay, Sửu, Mai, Ngọc, đến rủ đi chơi sở Thú xem con «đười-ươi». Xem một lúc chán, đi loanh-quanh xem vài con thú khác xong rồi mỗi chân, rủ nhau ngồi một ghế đá trên bờ hồ sen. Bỗng nhiên Sửu gợi chuyện riêng, tùm tùm cười hỏi:

— Thế nào Hồng, thầy X. có trả lời thư của Hồng không?

Hồng hết sức ngạc-nhiên, và bất mãn về câu hỏi của Sửu. Chuyện riêng của mình nói cho một mình Sửu nghe hôm trước, không dè Sửu lại đã đi mét với tụi Mai, Ngọc, rồi chứ gì! Nếu không, sao trước mặt Mai và Ngọc, Sửu lại hỏi câu ấy, làm cho Hồng khó chịu làm sao! Mình trở mắt nhìn Sửu, trong lúc nó và hai đứa kia cười, hóm-hỉnh... Nhưng tức giận Sửu mà chẳng nhẽ không giả nhời câu nó hỏi, đành phải gượng cười, bảo:

— Không.

Mai chụp cơ-hội hỏi luôn (mình biết, nó giả vờ...)

— Thư gì thế, bồ? Thầy X. nào đấy?

— Chắc Sửu đã mách lẻo cho tụi này nghe rồi, còn vờ mãi! Chuyện vớ-vẩn mà tụi này hỏi làm chi?

Ngọc:

— Chuyện vớ-vẩn thì nói nghe chơi cho vui, việc gì phải giấu, ta!

— Ai giấu! Có gì quan-hệ mà giấu! Người ta viết thư cho Hồng, Hồng không thích, thế thôi.

Mai:

— Nhưng giáo-sư X. nào thế?

— Hồng cũng chả biết hẳn là ai nữa!

Ngọc:

— Thế sao quen với mày?

— Mấy hôm tao tập ca vũ-kịch đấy, có hẳn trong ban hướng-dẫn, rồi hẳn làm quen, thế thôi. Chả có gì quan-trọng cả.

— Rồi hẳn mê cậu, thế là quan-trọng đấy chứ! Rồi viết thư cho cậu hả?

— Ừ, nhưng tao từ-chối quyết liệt.

Mai:

— Thư đâu, cho tụi mình xem cho vui đi!

— Tao xé vứt rồi.

— Sao không đề làm kỷ-niệm? Chắc là bản déclaration d'amour... văn-hoa bướm-bầy lắm nhỉ!

— Tiếu-thuyết cả! Thứ mơ-mộng rẻ tiền ấy mà! Tao đọc qua một lần, xé ngay.

Ngọc:

— Sao cậu làm «le» thế? Bề nào người ta cũng là giáo-sư, người ta «admirer» mình thì mình thích chứ!

— «Giáo-sư» gì! Thời buổi này, «giáo-sư» mọc lên như nấm. Cha-căng chú kiết nào cũng tự xưng là «giáo-sư» được cả!

— Ừ, nhưng biết đâu *admirateur* của cậu là giáo-sư chính-cống? Tao thì nếu có xừ Giáo nào viết thư cho tao, tao sẵn-sàng giả nhời ngay! Chả sợ!

Mai:

— Nhưng khốn nỗi, Hồng nhà mình có fiancé rồi cơ mà! Xừ Hải lầy mà biết được, xừ lầy ghen chết!

— Không phải Hồng sợ Hải ghen. Nhưng Hải tin-tưởng hoàn toàn nơi Hồng, lòng dạ nào Hồng phản-bội Hải? Mình quan-niệm trung-thành với một người yêu, nếu người ấy chân-thật với mình.

— Giả sử Hồng không có Hải, Hồng có giả-nhời thư của chàng giáo-sư ấy không?

— Sự thật thì Hồng cũng phải biết chút ít xã giao chứ, Hồng có hồi-âm đảng hoàng, nhưng Hồng lấy tư cách một đứa học trò lễ-phép giả nhời Thầy, nghĩa là...

Mai cười:

— Nghĩa là cậu theo phép luân-lý «quân-sư-phụ» của cái cụ Khổng gì đó phải hôn?

Hồng không nhin cười được với mấy đứa nó vì câu khôi-hài của Mai. Hồng kể lại qua-loa đại-ý thư gửi xừ X. Tụi nó cười rồ lên. Con Ngọc bảo:

— Sao Hồng ác thế? Không ưa người ta thì thôi, lại còn chọc tức người ta!

Mai:

— Hồng có fiancé rồi, Hồng làm «le», chứ nếu gặp Mai thì Mai sẵn sàng tiếp nhận. Đời nay đâu phải như đời xưa, Thầy giáo đời xưa là các cụ tuổi-tác khệ-nệ, dạy học trò với chiếc roi mây, hoặc các nhà mô-phạm cửa Khổng sân Trình. Thầy giáo đời nay phần

nhiều còn trẻ măng, cùng một lứa với mình, cùng một thế-hệ, cùng một quan-niệm hạnh-phúc và tình-yêu, tại sao lại theo thành-kiến cồ-lồ rằng học trò không được yêu Thầy ?

— Đời tiến bộ, mình cũng công nhận như thế được đi, khốn nỗi đa số hạng « giáo-sư » trẻ tuổi ấy không phải thật là giáo-sư, mà chỉ là những « giáo-sư nhảy-dù » kém cả học thức, cả tư-cách. Chẳng qua họ lợi-dụng nghề-nghiệp để gây tình thân-mật và quyến rũ những nữ-sinh ngây-thơ mà thôi.

Ngọc :

Ngọc cũng hoàn toàn đồng-ý về những trường-hợp đó. Đã biết bao nhiêu vụ Thầy-giáo quyến rũ học-trò vị thành-niên, lấy học trò cho có thai, rồi bỏ trốn mất, hoặc bị cha mẹ của nàng kiện thưa, rồi đi ở tù. Nhưng nếu gặp một vị giáo-sư đứng đắn, tha thiết yêu mình, và thành thật có ý định đi đến hôn-nhân, thì tại sao mình từ chối ? Tại sao một nữ-sinh không có quyền yêu một giáo-sư, nếu giáo-sư chưa có gia-đình, và thành-thật yêu cô học trò ?

Sửu từ nãy giờ chỉ ngồi nghe. Bây giờ mới lên tiếng :

Sửu :

— Cái vấn-đề không phải là học trò có quyền yêu thầy giáo hay không. Mỗi liên hệ giữa thầy và trò, thật ra, đâu có gì xúc phạm đến đạo đức luân lý. Thời buổi tiến-bộ, quan niệm nhân-sinh đâu có giống hẳn như thời phong-kiến « *quân sư phụ* ». Ngay như ba danh-từ kia cũng đã thay đổi rồi. *Vua, Thầy, Cha*, nhưng ngày nay đâu còn có Vua ? Người ta đập đổ Ngai vàng, thuyết « *Trung quân* » của cụ Khổng không còn đứng vững nữa, huống hồ là *Sư* ! Nhưng theo ý nghĩ thành-thực của Sửu thì Sửu cho rằng cần phải đặt vấn-đề cho đúng chỗ...

Mai :

— Nghĩa là sao ? Đặt ở đâu cho đúng chỗ ? Trên giường hay dưới đất ?

Cả bọn nãy cười rồ lên. Sửu trả lời :

— Nghĩa là mình có thể coi giáo-sư trẻ tuổi như một người anh, người huynh trưởng, người bạn lớn tuổi dẫu dặt mình. Nếu

là người đang hoàng, có tư-cách đứng đắn, và chưa có gia-đình thì không có pháp-luật nào, hay luân lý nào, cấm đôi bạn ấy thông cảm với nhau. Rồi từ thông-cảm đến tình-cảm, đâu có bao xa !

Ngọc :

— Mình, thì mình cho Sửu và Mai nói rất chí lý, mà quan-niệm của Hồng cũng có lý. Nghĩa là cần phải đến tuổi trưởng thành để nhận xét khỏi sai lầm về mỗi trường hợp. Ngọc hoàn toàn đồng ý với Hồng, về sự dè dặt trong việc giao thiệp tình cảm với các giáo sư trẻ tuổi đời nay. Đã xảy ra nhiều vụ nữ-sinh vị thành niên, còn quá ngây thơ, lại quá tự do, bỗng bột, bị một vài « giáo sư » quyến-rũ. Nhờ có hoàn cảnh thuận tiện nào đó, cô ả bí mật giao thiệp với « thầy giáo » mỗi ngày mỗi « bí mật » cho đến... ngày bắt mí !

(Cả tụi cười rồ !!!)

Mai (hãy còn cười đỏ mặt) :

— Rồi sao nữa, bồ ?

Ngọc (cũng còn cười) :

— Rồi ra có sự làm vậy, thì ráng mà chịu !

(cả tụi lại cười)

Ngọc nói tiếp :

— Trường hợp ấy xảy ra rất nhiều, có phải không nào ? Nhất là trong các trường mà kỷ luật không nghiêm chỉnh, lại có những « giáo-sư » vô lương tâm và kém tác phong đạo đức. Bọn « giáo-sư » tồi bại ấy chỉ cốt lợi dụng tuổi thơ ngây của mấy cô nữ-sinh nhẹ dạ, hoặc dùng những lời đường mật, những cử-chỉ cảm-đổ để lôi-kéo nữ-sinh vào vòng tình-dục tội-lỗi.

Hồng ngắt lời :

— Như cái xù « giáo-sư » X cứ theo tán-tĩnh tởm mãi đấy...

Ngọc :

— Mình không được hân-hạnh biết xử lụy, nên không dám phê-bình...

Hồng :

— Khả-ố lắm, các bồ ơi ! Hồng nhận-xét thấy toàn những cử-chỉ mất dạy, « kém tác-phong đạo-đức » như Ngọc vừa mới nói.

Ngọc :

— Trừ những hạng *Don Juan* vô liêm sỉ ấy ra, tụi mình phải công nhận rằng có những giáo-sư rất đứng đắn, tuy là độc-thân nhưng vẫn gìn-giữ tư-cách nhã-nhận đối với nữ-sinh, đâu có gì đáng trách, phải không ? Mình cho rằng với những giáo-sư có tư-cách

MỘT GIẤC MƠ HOA

đáng kính trọng của nhà mô-phạm, và đến mỗi của tuổi trẻ trong sự giao-thiếp thân-mật có thể tìm hiểu nhau và thông-cảm nhau, chả có hại gì cả, phải không nào?

Sửu (cười ranh mãnh):

— Ngọc thuyết ngon lành quá xá. Đố tụi bay biết tại sao không?

Mai:

— Mai biết. Tại vì Ngọc đang có... Mình nói, Ngọc lại giận cho xem!

Ngọc:

— Cứ nói, Ngọc chả giận, Ngọc đâu cần phải giấu giếm. Cũng như Hồng nó fiancé với Hải, nó có giấu đâu nào. Đó là chuyện thường, tụi mình chơi thân với nhau, việc gì phải bí mật!

Sửu:

— Cậu đang bồ-bịch với xừ « giáo-sư Phạm-văn-Kim » dạy Việt-văn lớp cậu phải không nào?

Ngọc đỏ mặt, bối rối không còn vẻ tự nhiên nữa. Cả tụi cười rồ...

Mai:

— Nhưng xừ Kim đứng đắn, phải công nhận thế. Hai ông bà giữ gìn kín đáo lắm, không có tỏ tình ý gì cho trong lớp biết đâu.

— Phải thế chứ! Ông ấy có vợ chưa?

— Chưa.

— Có định cưới cậu thật không?

— Nhất định rồi.

— Chừng nào cưới?

— Ngọc muốn thi Trung-học xong hẵng bàn đến việc đó. Bây giờ còn sớm, lo học đề thi đồ đã.

— Phải đợi một năm nữa lận à? Người ta có chịu không?

— Chịu chứ Hai bên hoàn toàn đồng ý như thế mà.

Từ chuyện của Hồng bắt qua chuyện của Ngọc, đến đây hình như Mai và Sửu suy nghĩ dừ, không còn vồn-vã hồi hán nữa. Câu chuyện trở nên lạnh nhạt dần dần và gượng gạo...

Hồng có cảm-tưởng như thế Sửu và Mai bắt đầu ghen hạnh phúc của Ngọc. Nếu có thể chẳng qua đây chỉ là một phản ứng tâm-lý thoáng qua, nhẹ nhàng và kín đáo, nhất thời thôi. Không làm sao tránh khỏi lòng ganh ghen tự nhiên lúc ban đầu trước hạnh phúc và tình yêu êm đẹp của bạn mình, dù là bạn gái chơi nhau rất thân!

(còn nữa)

trời tình

★ NGUYỄN-VĂN-CÓN (Paris)

Đây là nơi bụi trần không lướt tới,
Đây nơi quên danh lợi, bỏ phồn hoa,
Bức tường ngăn của thanh khí cao xa,
Không hề lọt sự đời vương tục lụy.
Bên sắc đẹp hương trầm bay tế-nhi,
Ánh tơ xanh trắng dệt mộng thần tiên,
Bóng Thời-gian ngừng bước giữa Vô-Biên,
Lầu mây biếc nghìn sao soi ý ngọc.
Người tiên-nữ đã nương mình xa cõi tục,
Hồn thanh cao thông cảm nhạc thiên-thai,
Liễu xanh tươi lưu-luyến chốn Chương-đài,
Dấu chung thủy trầm vàng cài mái tóc.

★

Cõi trần thế chỉ là nơi ô chọc,
Sẽ tan thành cát bụi bởi nhớp nhơ,
Từ hư-vô sẽ trở lại hư-vô,
Hết làm bần một bầu trời tình tú.
Người yêu thương đã xây riêng vũ-trụ,
Trên bề tình im lặng thả thuyền nan,
Giữa trời thanh tung nhẹ cánh chim ngàn,
Môi ép lại đề niêm tình luyện ái.
Lời ước nguyện bay tới trời quảng đại,
Giữa trăng sao theo đuôi mộng Đào-Nguyên,
Trời quang minh còn chứng tỏ lời nguyện,
Muôn sao sáng chuyển theo guồng mầu nhiệm,
Đàn nguyệt tiên tơ trắng không chùng phím,
Điệu Nghê-thường uyển chuyển dáng tiên nga,
Dưới gót sen thần diệu nở trăm hoa:
Nào hường, cúc, đào, lan, mai, lý, huệ
Đã huy-hoàng lột bước đi diễm lệ
Của đường tình đưa thẳng tới chờ-mong;
Bàn tay tiên hòa sắc bắc cầu vòng
Qua Ngân giang nối dịp cầu Ô Thước,
Tình mãi nguyện gặp nhau nơi hẹn ước,
Tin lòng trời che chở những tim trong,
Và cầu xin Thượng-Đế bớt đau lòng,
Vì đã chót sinh loài người quá gờ.

★

Trái đất kia chắc một phen tan vỡ,
Nhưng trời tình muôn thuở vẫn còn nguyên.

MỘT NGÔI SAO SÁNG TRONG Y - GIỚI V. N.



bác - sĩ

Phạm

Hữu * Chí

TRONG y-giới vừa nổi lên một trận phong-ba chỉ vì danh-y-sĩ. Đông-Y và Tây-Y có những nguyên-tắc khác biệt trong cách án-bệnh và trị-bệnh. Nhưng cả hai bên đều nhắm theo một mục-dịch là cứu-nhơn độ-thế. Bậc lương-y ngoài khả-năng chuyên môn còn phải là con người bác-ái, tận-tụy, biết hy-sinh và dám hy-sinh.

Bác-sĩ Phạm - Hữu - Chí trước đây trên 20 năm đã hy-sinh cho y-học là một vị lương-y tiêu-biểu, một ngôi sao sáng trong y-giới Việt-Nam.

Ông đã khuất mặt mà như còn sống mãi với ta đề nêu gương hy-sinh, bác-ái, tận-tụy với nghề, làm vẻ-vang cho đất nước và nhân-loại.

Phạm-Hữu-Chí sanh năm 1905 tại Saigon. Ông nội là một danh-nho và cũng là một danh-y. Ông

Bác-sĩ Phạm-kim-Tương

NHỚ BÁC SĨ PHẠM HỮU CHÍ

thân làm giáo-học kiêm thanh-tra các trường trong tỉnh Baria.

Lúc nhỏ theo học trường Baria Chí tỏ ra thông-minh xuất-sắc, ham đá dế nhưng vẫn thuộc bài. Đến ngày thi tiểu-học, Chí là sĩ-tử nhỏ tuổi nhất. Thi viết ở tỉnh xuống Saigon thi hạch miêng. Cụ Diệp - văn - Cương có chun trong ban Giám-Khảo lấy làm ngạc-nhiên khi thấy cậu nhỏ vào thi nên đã hỏi : « Thằng nhỏ này đi đâu đây ? » Thằng nhỏ còn làm cho cụ ngạc-nhiên hơn nữa khi nó trả lời xuôi rọt những câu hỏi mắc-mở của cụ. Năm đó Chí mới 9 tuổi, đậu tiểu-học rồi về nhà nghỉ một năm để dưỡng-sức.

Năm sau, 1915 Phạm-Hữu-Chí được 10 tuổi, vào học trường Cao-dẳng tiểu-học Gia-dịnh rồi ra học trường Trung-Học Chasseloup Laubat Saigon cho đến năm 1920.

Qua năm 1921, Chí ra Hà-nội học tiếp tại trường Trung-Học Albert Sarraut. Cuối năm 1922 đậu tú-tài toàn phần.

Năm chót ở ban tú-tài Chí lãnh gần hết những giải thưởng ưu-hạng và danh-dự. Ông Hiệu-

trưởng tức mình vì một trò nhỏ Việt-Nam lại đề đầu toàn thể học-sinh Pháp nên bày đặt thêm một giải thưởng về « tình giao-hữu ». Toàn thể học-sinh bỏ thăm đề bầu người bạn tốt thì người bạn tốt đó cũng lại là Phạm-Hữu-Chí.

Vào học trường Y-Khoa Hà-Nội, Phạm-Hữu-Chí gặp Bác-sĩ Henri Coppin là một giáo-sư danh-tiếng và tình tri ngộ đã thắt chặt hai người.

Nhưng Chí tha thiết muốn được tắm mình trong biển học tại Paris và năm 1925 ông qua Pháp.

Năm 1927 ông đậu ngoại-trú. Năm 1930 ông đậu nội-trú và đậu hạng 6 làm cho ông được nổi bật trong số những thanh-niên bác-sĩ của Đại-Học-Đường Paris.

Giáo-sư André Lemierre có chun trong Hàn-Lâm Viện Y-Khoa, quản-đốc Bệnh-viện Claude Bernad, một danh nhân trong Y-giới Pháp đặc-biệt chú ý tới Phạm-Hữu-Chí mà ông đã tìm thấy những khả năng xuất chúng và một tâm hồn phù hợp với tâm hồn bác-ái của ông.

Từ đó bắt đầu một mối tình

sự dẽ diễn hình, cao cả và cảm động vô cùng.

Trong mọi công việc khảo cứu, trong những hội nghị quan trọng, trong những buổi đi thăm bệnh ở Claude Bernard hai thầy trò luôn luôn ở bên nhau như hình với bóng. Một hôm Bác-sĩ Chí bị cảm thình lình không theo thầy đi coi bệnh, giáo sư thấy vắng mặt dứa học trò thân yêu liền thốt ra câu nói: « Việc làm thiếu Phạm không phải là việc làm ». Mà ngoài Phạm ra còn biết bao nhiêu bác sĩ khác theo thầy đề hợp tác và học hỏi.

Nhà bác học James Reilly, trưởng phòng thí nghiệm của bệnh viện Claude Bernard cũng thương Chí và nhận Chí làm con nuôi.

Nhờ có thầy hay, bạn tốt và do công-phu khảo-cứu của mình Bác-sĩ Phạm-hữu-Chí đã tìm ra loại vi trùng Bacillus terebrans và xây dựng Luận-án về bệnh lỵ máu do vi-trùng Bacillus funduliformis. Luận án này được ban giám khảo khen ngợi, được thưởng huy-chương đồng, được Y-giới quốc-tế ca-tụng và thứ nhất là được giáo sư Lemierre nhìn nhận là có giá trị.

Năm 1935 có kỳ thi tuyển 3

vị y-viện trưởng (chef de clinique) cho Đại học đường Y-khoa.

Phải là cựu nội-trú mới được dự thí nhưng ở Pháp thiếu gì nhơn-tài. Hơn nữa thí-sinh còn phải là công-dân Pháp.

Giáo-sư Lemierre khuyên Bác-sĩ Phạm làm đơn xin hủy-bỏ quốc-tịch Việt-Nam để được làm công-dân Pháp đăng dự cuộc thi quan-trọng này. Giáo-sư hứa sẽ vận-dộng cho đơn xin được chấp-thuận lệ-làng dẽ kịp thi.

Nhưng lần thứ nhất Bác-sĩ Phạm đã làm cho Giáo-sư phải buồn lòng vì ông không thể xin từ-bỏ quốc-tịch Việt-Nam của ông được.

Song buồn mà không giận vì Giáo-sư lại được dịp biết thêm một khía cạnh của tâm-hồn người học-trò thân-yêu của mình.

Tâm-hồn đó cao-quí toàn-diện và khả-kính biết bao nhiêu.

Giáo-sư liền kiếm một thể khác. Ông chạy tới kiếm ông khoa-trưởng trường Đại-học xin hủy điều kiện « phải là công dân Pháp » để học-trò ông được thi. Giáo-sư đưa ra một lý luận sắc bén như sau: « Khi người dân thuộc-địa đem xương máu hy-sinh cho chánh-quốc trong những giờ phút nguy-nan thì họ có quyền đòi hỏi được

học-tập đầy đủ và dự tất cả các cuộc thi chỉ giành riêng cho người Pháp ». Giáo sư còn hăm sẽ chất-vấn tại Quốc-Hội Pháp nếu lời yêu-cầu của ông không được chấp-thuận.

Ông khoa-trưởng suy-nghĩ rồi bằng lòng cho Bác-sĩ Phạm dự-thi. Bác-sĩ đậu thủ khoa. Thầy trò ôm nhau siết chặt tình sư-dẽ. Hai tâm-hồn cao thượng quấn-quít với nhau trên những dành tuyền-vời của trí-thức không đếm xỉa gì đến lòng tri-kỷ nhỏ-nhen của con người.

Đậu Y-viện-trưởng rồi Bác-sĩ Phạm được Bộ Pháp-ngoại biệt-phái qua Đông-Dương đề nghiên-cứu về những chứng bệnh dịch-hạch, thiên thời, phong-cùi và sốt-rét.

Trở về Pháp ông được làm giảng-viên ngay ở nhà thương Claude Bernard mà những kẻ thọ-giáo lại chính là những lương-y người Pháp. Hết thầy đều nhìn nhận ông là một nhơn-tài lỗi-lạc. Nhưng ông làm việc quá nhiều và sức khoẻ lại kém. Ông vướng phải một chứng bệnh hiểm nghèo là bệnh Scarlatine (một chứng ban đỏ) và bệnh phong-thấp.

Thầy ông chăm sóc cho ông tận tình và buộc ông mỗi năm phải

nghỉ mát 3 tuần ở suối Bourbon-Lancy để dưỡng sức và dưỡng tim.

Trong khi ông chuẩn-bị thi Thạc-sĩ thì bạn ông là Bác-sĩ Đặng-Vũ-Lạc ở Việt-Nam qua đề-nghị hợp-tác với ông đề mở Bệnh-viện Henri Coppin tại Hà-Nội.

Henri Coppin là tên thầy học cũ của hai ông ở trường Thuốc Hà-Nội.

Giáo-sư Lemierre và Bác-sĩ Reilly đều không muốn cho ông về nước mở nhà thương tư vì sợ công-việc dồn-dập sẽ làm hại sức khoẻ của ông.

Riêng ông, ông cũng không muốn. Nhưng Bác-sĩ Lạc nài-nỉ quá và hứa sẽ giữ ông ở Hà-Nội không quá một năm, chỉ cần ông đứng tên và có mặt lúc đầu, chứ không đề cho ông vất-vả. Nể lời bạn ông về nước nhưng Bác-sĩ Lạc không giữ được lời hứa vì một khi trương tên ông ra thì bao nhiêu con bệnh ngặt-nghèo đều bu vào mà đòi được ông điều-trị. Có khi chữa tại bệnh-viện mà cũng có khi phải tới nhà bệnh nhân. Có những bệnh-nhơn ở Huế, ở Saigon cũng đánh điện mời ông. Hồi đó phương-tiện xê-dịch còn thô-sơ, vất-vả lắm mà ông lại là

người có lương-tâm chức-nghiệp nên buộc lòng phải tận-tụy với nghề. Ông đem sức khoẻ cho người đề rồi sức khoẻ của ông bị hao-mòn kiệt-quệ. Ông mắc bệnh đau tim (endocardite), ông vào Saigon rồi ông chết ở Saigon.

Ông về nước cuối năm 1936. Ông từ-trần ngày 25/2/1938, hưởng-thọ 33 tuổi.

Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí không có gì lưu lại cho gia-đình, không vợ, không con, không gia-tài sản. Nhưng gia-đình ông vẫn coi ông là một gia-tài quý-báu làm rạng-rỡ tổ-tông và làm vẻ-vang đất nước.

Anh ông là dược sư Phạm-Hữu-Hạnh và em ông là Tham-tá Phạm-Hữu-Điệp đã hợp-tác với nhau để viết ra một cuốn sách nhỏ nói về thân-thể, sự-nghiệp, tâm-sự và chí-hướng của ông.

Bình sanh Bác-sĩ không quen đề-thi vịnh phú. Nhưng trên giường bệnh biết mình phải từ-giã cõi trần, Bác-sĩ đã viết 4 câu thơ :

*Phạm út sanh tử dễ gì vong,
Hữu trí vô tài mạng vẫn không
Chí dốc mong đền ơn xã-hội,
Than ôi! Để lại vết thương lòng.
Vết thương lòng đó chính kẻ*

chết đã để lại cho người sống. Chẳng những thân nhân, quyến-thuộc, bè bạn, đồng bào ngậm ngùi thương tiếc mà ở phía trời Tây còn có biết bao nhiêu tâm hồn tan nát vì ông.

Cha nuôi ông là Bác sĩ Reilly đã thắp một ngọn đèn sắp trước hình ông và ngồi khóc suốt đêm trường như ông đã khóc một đứa con ruột của ông.

Giáo-sư Lemierre nhận được hung tín liền thốt ra lời này : *« Mất Phạm tôi đã mất đứa học trò duy nhất trong đời giáo-sư của tôi ».*

Trên báo Presse médical, số 28 ra ngày 6-4-38 chính giáo sư đã viết một bài dài trong đó ông không tiếc lời ca-tụng Phạm về đủ các phương-diện. Ông nhìn-nhận Phạm là một danh-y, một thiên tài. Ông còn nhắc tới thái-độ khả-ái của Phạm khi từ chối không chịu ký tên xin thay đổi quốc-tịch. Nhưng còn một điểm về tư-cách và tác-phong của Phạm mà ta cần nhắc lại lời nhận xét của giáo sư :

« Bác-sĩ Phạm - Hữu - Chí chẳng những là một danh y xuất chúng, người lại có tư-cách phong nhã hào-hoa và một nền lễ giáo thanh-cao được nhuần tĩnh tủy

của nền văn-hiến cò-kính và thuần mỹ của xứ V.N. Người thông-hiểu văn gia và nghệ-sĩ của chúng ta mà người rất cảm phục. Nói chuyện với người và được sống bên người ta như được dự một bữa tiệc tinh-thần vô giá. Nhờ vậy mà người có rất nhiều bạn thân trong y-giới và luôn cả trong xã-hội kinh thành Paris... ».

Giáo-sư còn nói :

« Vừa trung-thành với phong tục cổ-truyền của tổ-phụ, vừa là con tinh - thần của nước Pháp. Bác-sĩ Phạm - Hữu - Chí kè như là một người thân của chúng ta. Người chết sớm làm cho giữa chúng ta có một chỗ trống không thể lấp được ».

Chỗ trống đó ngự trị rất lâu ở trong lòng giáo-sư.

Tháng 6 năm 1938 Giáo-sư nhận lời qua làm chủ-khảo cho kỳ thi Bác-sĩ ở Đại-học y-khoa Hà-nội để có dịp qua thăm mộ đứa học-trò thân yêu tại Bariạ.

Mười năm sau Giáo-sư Lemierre tạ-thế nhưng trước khi chết còn làm di-chức để lại tất cả thư-viện y-khoa của ông cho trường Đại-học Y-khoa Saigon dâng giữ làm kỷ-niệm. Kỷ niệm của một giáo-sư danh vọng người Pháp nhưng

cũng là kỷ-niệm của một đàn anh quá cố là học trò cao-đệ của người. Hai tâm-hồn cao-thượng đã biết nhau lúc sống và sẽ còn gặp nhau ở thế giới bên kia.

Dưới thời toàn quyền Decoux. Hãng tàu Chargeurs réunis hạ thủy 3 chiếc tàu mới và lựa 3 người trong y-giới để đặt tên : *Bác-sĩ Roux, Bác-sĩ Yersin và Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí.*

Hiện nay có một nhà thương ở Biên-hòa mang tên Bác-sĩ Phạm. Ở Bariạ và Chợ-lớn cũng có 2 con đường mang tên Bác-sĩ.

Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí than cho phần số vận với không cho ông đủ ngày giờ để hoàn-thành sự-nghiệp của ông. Nhưng chỉ sống được có 33 năm mà ông đã đi xa hơn nhiều người sống lâu và chết già. Ông cũng không phải là một nhơn tài duy - nhất. Nước Việt - Nam chẳng thiếu gì nhơn-tài. Nhưng ông có những đức-tánh cao-quí, không vụ lợi, không kiêu-căng, yêu đời, yêu người, yêu nước và quyết-tâm sống thanh bần để phục vụ y-học và nhân-loại.

Với những đức-tánh cao-quí đó ông vẫn còn là ngôi sao sáng cho y-giới nước nhà.

Bác-sĩ PHẠM-KIM-TUƠNG

thơ thần đường đời

★ **TƯƠNG - PHỔ**
(Nha-Trang)

Ta đi trên con đường vô hạn
Kề biết bao nhiêu bạn đồng hành
Nhưng ai đâu bạn tâm tình...
Ta đi, đi vẫn một mình thần thơ...
Người tri-kỷ kiếp xưa chưa hẹn
Kiếp này đây, ai hẹn, hẹn ai ?
Lạnh lùng năm tháng trôi dài
Con đường vô-hạn nào ai với mình ?

cảm thương thân

★ **CHIM - HOÀNG**
(Saigon 6-6-62)

Giờ đây mưa lệ đổ về đâu
Cuốn cả trần-gian nhận biển sâu !
Lời bút, phải chăng vì lỡ vận.
Tiếc Xuân, thôi cũng gượng tô màu !
Một đàn chim nhỏ, bao đơn lạnh,
Hai độ trắng tròn, mấy khổ đau.
Gót mỏng, vai ê, đường vạn dặm,
Bước như đắm cạn, bước chìm sâu !

cung huyền-mơ

★ **THANH-NGUYỄN**

Tình đẹp mãi vạn đường tơ lưu-luyến,
Gợn âm ba rung-động đắm không gian
Cung huyền-mơ hòa nhịp gió mây ngàn
Ôm vũ-trụ trong trời Thơ Diễm-tuyệt.



phù yểu

★ **NGUYỄN - ĐÌNH - TU**

(Tiếp theo P. I. 90)

Sau khi đã quan-sát xong phần núi non, mời du-khách trở lại đồng-bằng Tuy-hòa ngắm xem phong-cảnh. Miền châu-thỏ Tuy-hòa rộng chừng 80.000 mẫu tây là kho lúa của tỉnh Phú-yên. Nguyên xưa kia vùng này là một cái vịnh, bờ biển ăn sát vùng Gành Đá thuộc thôn Tây-phú (nay chia làm hai thôn Mỹ-hòa và Mỹ-thành) xã Hòa-thắng, cách bờ biển hiện giờ trên 10 cây sô, và cách chân núi Hương về phía Tây 5 cây sô, và vùng

Núi Sấm thuộc xã Hòa-trị. Bây giờ núi Nhận chỉ là một hòn cù-lao nằm gọn trong biển cả, dần dần đất phù-sa của sông Ba và sông Bàn-thạch bồi ra. Nhờ có dãy núi Đèo Cả ăn thọc ra biển, làm thành một bờ tường khổng lồ và kiên-cố án-ngự phía Nam, nên bao nhiêu phù-sa từ trên nguồn tuôn xuống biển đều được giữ lại, chồng-chất lên nhau mà tạo-thành vùng đồng bằng rộng bao-la này, nổi cù-lao Nhận vào đất liền. Ngày nay du-khách thăm Tuy-hòa, chiếu chiếu nhẹ bước trên đại-lộ Trần-hưng-Đạo, lên ngôi hóng mát trên những chiếc ghế xi-măng ở công-viên,

hãy tạm thời xếp lại một bên những lo-lắng về thời-cuộc, những tính-toán về kinh-doanh, hay những mơ-mộng về một cuộc tình-duyên tươi đẹp nào đó, thả tâm-hồn ngược dòng thời-gian, dùng óc tưởng-tượng hình-dung cảnh vật cách đây hàng mấy ngàn năm, du-khách sẽ có cảm-giác mình là một ngư-ông ngồi trên chiếc thuyền con, lượn quanh chân núi Nhạn, buông câu mà ca bài thu-diệu nhịp-nhàng theo tiếng sóng vỗ nhẹ nơi khe đá, chân đồi. Ngày nay cảnh ấy không còn nữa; đất phù-sa đã thay thế cho làn nước trong xanh, khoai lúa làng mạc đã thay cho những ngọn sóng nhấp-nhò.

Tuy gọi là vùng châu-thỏ, nhưng cách đây trên 30 năm, vùng này vẫn nghèo-nàn xơ-xác, mỗi năm ruộng chỉ cấy được một mùa, nhiều nơi thiếu nước phải bỏ hoang, cây bần-chải mọc lên thành rừng. Dân chúng hàng năm đã phải đề ra hơn nửa sô ngày lên rừng kiếm củ mài, hái chuối, tìm tổ ong và các thứ lâm-sản khác. Từ ngày có đập Đồng-

Cam, nước sông chảy về tưới khắp đồng ruộng, sức sản-xuất lúa gạo mới tăng vọt lên gấp bội, mang lại cho Tuy-hòa nói riêng, Phú-yên nói chung một sinh-khí mới.

Như trên đã nói, miền châu thổ Tuy-Hòa có được là nhờ con sông Ba. Sông này phát nguyên từ tỉnh Kontum, gần nguồn Trà-khúc (Quảng-ngãi): dài trên 300 cây sô. Trong bản-đồ của Ptolémée, một sử-gia trứ-danh Hy-Lạp vào thế-kỷ thứ hai, sông Ba đã được ghi vào và mang tên là Dairios.

Từ nơi phát-nguyên, sông Ba chảy theo hướng Bắc-Nam qua địa-phận tỉnh Kontum, tỉnh Pleiku, bao quanh sau lưng tỉnh Bình-định, quận Đồng-xuân, quận Sơn-hòa, rồi đổi theo hướng Tây-Bắc Đông-Nam, xuyên qua địa-phận tỉnh Phú-yên, chảy theo ranh-giới hai quận Phú-Đức và Sơn-Hòa, rồi thông-thả lướt qua vùng đồng bằng Tuy-Hòa, chảy ra biển Nam-Hải ở cửa Đà-Điễn, gần Tòa Hành-Chánh Phú-Yên.

Từ nguồn cho đến vùng Cung-Sơn, vì chảy quanh-co

theo chân núi, lòng sông hơi hẹp, nhưng nhờ sông khá dài, nước chảy không mạnh lắm, các sông nhỏ hay bẹ cây có thể đi lại được. Từ Cung-sơn, sông Ba bắt đầu chảy vào đồng bằng, lòng sông rộng dần, sức nước chảy nhẹ hơn, các ghe chở hàng-hóa có thể qua lại được dễ-dàng. Tuy-nhiên có một vài nơi, giòng sông sâu hơn và hẹp hơn vì bị kẹp giữa hai quả núi như vùng núi Lá, vùng Đồng-Cam, vùng Qui-hậu. Từ đập Đồng-Cam tới biển, sông Ba mang tên là sông Đà-rằng, dài 32 cây sô. Cửa sông tuy rộng, nhưng có nhiều cồn cát nổi lên, nên tàu và ghe lớn không vào được. Giữa lòng sông cũng có nhiều soi cát nổi lên, chia sông thành nhiều lạch nhỏ. Trên các soi này người ta trồng dừa hầu rất tốt, nên có câu :

*Muốn về soi Bún (1) ăn dừa
Sợ e soi Bún dãi dừa nhiều lời.*

Mùa nắng ráo, nước sông trong suốt, lòng sông cạn lưu lượng trung-bình 30 thước khối trong một giây, người ta có thể lội qua các lạch dễ-dàng mà không phải dùng ghe

thuyền. Ấy thế mà chàng ở bên này sông làm biếng không chịu qua bên kia sông thăm nàng, khiến nàng phải nhả lời trách móc:

*Đèo nào cao bằng đèo Phú-cốc,
Giốc nào ngược bằng giốc Xuân
đài,
Đèo cao giốc ngược đường dài,
Anh còn qua được hướng chi
vài lạch sông.*

Về mùa mưa, nước trên nguồn đổ xuống rất nhiều và rất mạnh, mang theo phù-sa để bồi đắp cho vùng châu-thỏ Tuy-hòa ngày càng phì-nhiều và rộng thêm. Lưu lượng trong mùa này vọt lên hàng ngàn thước khối trong một giây, gây nên lụt, phá hoại các thứ hoa màu trên hai bờ sông, cũng có khi lụt lớn, nước tràn vào làng mạc và đồng ruộng gây tổn-hại rất lớn.

Khi chảy tới địa-phận tỉnh Phú-yên, sông Ba tiếp-nhận các phụ lưu sau đây :

A. — Về tả-ngạn :

— Sông Ra R'Sai phát-nguyên từ Buôn Ay Hang, Buôn Ay Pênh thuộc xã Sơn-

(1) Thuộc xã Hòa-thắng quận Tuy-hòa.

hiều, chảy qua xã Sơn-thịnh quận Sơn-hòa, rồi nhập vào sông Ba.

— Sông Ba M'La, phát-nguyên từ núi Chư Blek thuộc xã Sơn-quang, chảy qua xã Sơn hợp, nhập vào sông Ba ở Buôn Ma-nhiu.

— Sông Cà-lúi, phát-nguyên từ núi Hòn Bà (2) thuộc Buôn Ma keim, xã Sơn-hội, dài non 30 cây sô, chảy qua xã Sơn-lộc, len lỏi qua một cánh rừng rậm rồi nhập vào sông Ba ở Buôn Ma-Tho.

— Sông Con, phát-nguyên từ xã Sơn-phước, chảy qua xã Sơn-hà, nhập vào sông Ba ở vùng Thạnh-hội, cách phía trên đập Đồng-cam chừng 5 cây sô.

B. — Về hữu-ngạn :

— Sông Ea Ur, phát-nguyên từ miền núi giáp giới tỉnh Darlac, chảy qua hai xã Đức-trị, Đức-thịnh.

— Sông Krong Nang là phụ-lưu lớn nhất của sông Ba, dài trên 80 cây sô, phát-nguyên từ miền rừng núi thuộc tỉnh Darlac, chảy vào địa-phận quận Sơn-hòa, theo hướng Nam-Bắc, qua các xã

Đức-Thắng, Đức-Hòa, Đức An, Đức Hưng, rồi nhập vào sông Ba ở vùng Buôn Xã Năm

— Sông Hinh cũng là một phụ-lưu quan-trọng, dài khoảng 50 cây sô, phát-nguyên từ dãy núi Mẫu-tử (mẹ bồng con) thuộc quận Khánh-dương, tỉnh Khánh-hòa, chảy vào địa-phận quận Sơn-hòa theo hướng Nam-Bắc, qua các xã Đức-dũng, Đức-thành, Đức-trung, Phú-bản (quận-ly quận Phú-đức), Đức-bình rồi nhập vào sông Ba ở vùng Bình-thanh, đối-diện với Cung-sơn (quận-ly quận Sơn-hòa). Sông này rất nhiều cá, cho nên mới có câu « cộp núi Lá, cá sông Hinh ». Nước sông Hinh lại rất trong, nên người thiểu-phụ đã ví giòng nước này với tâm lòng chân-thật của mình. Nàng nói:

Nước nào trong bằng nước sông Hinh,

Đố ai ăn ở thiệt tình bằng em.

— Sông Đồng-Bò, phát-nguyên từ dãy núi vùng Lạc-sanh, xã Đức-thành, chảy qua

(1) Núi Hòn Bà này khác, không phải Hòn Bà ở Đèo Cả.

xã Hòa-phong, vùng ruộng mía của Sở Trống mía Tuy-hòa, rồi nhập vào sông Đà-răng ở vùng Thạch bàn.

Trên sông Ba có hai công-trình kiến-trúc đồ-sộ và tột tân là cầu Đà-răng, một chiếc cầu sắt dài trên một cây sô, dùng chung cho cả xe lửa và xe hơi, mà du-khách tới Tuy-hòa đều có dịp mục-kích, công-trình thứ hai là đập Đồng-Cam, cách Tuy-hòa trên 30 cây sô về phía Tây.

Sau sông Ba, có sông Cái quan trọng vào hàng nhì. Sông Cái hay sông Cây Dừa, dài khoảng 150 cây sô, phát-nguyên từ dãy núi phía Tây, giáp giới giữa hai quận Đồng-Xuân (Phú-yên) và Văn-can (Bình-định), chảy qua Phú-giang, Kỳ-lộ, La-hai (quận-ly Đồng-xuân), đến Ngân-sơn thuộc quận Tuy-an rồi chảy ra biển.

Từ nguồn đến chỗ giáp giới tổng IA PIAO và xã Xuân-quang, khúc sông mang tên là suối La-hiên. Từ đó đến vùng Phú-giang lại có tên là sông Lá-vây, từ Phú-giang đến ngã ba La-hai, khúc

sông mang tên là sông Kỳ-lộ, vì chảy qua thôn Kỳ-lộ xã Xuân-quang. Hai bên bờ sông là núi liên-sơn, cho nên lòng sông hẹp và hơi sâu, không có ghềnh thác, ghe thuyền có thể qua lại được.

*Sông Kỳ-lộ vừa sâu vừa hẹp,
Nước Kỳ-lộ vừa mát vừa trong.*

*Thuyền anh bơi ngược giòng sông,
Tìm em cho thỏa tấm lòng nhớ thương.*

Tới vùng La-hai, sông Cái tiếp nhận một nguồn khác phát nguyên từ dãy núi Văn-can (Bình-định), chảy theo hướng Bắc-Nam, dọc theo liên tỉnh sô 6 và đường xe lửa, gọi là sông Cô. Từ La-hai trở xuống, mới chính-thức gọi là sông Cái, chảy qua xã Xuân-sơn, xã An-dân, xã An-định đến vùng Ngân-Sơn, chia làm hai nhánh, một chảy theo hướng Tây-Nam Đông-Bắc rồi ra biển ở cửa Tiên-châu, một chảy theo hướng Tây-Bắc Đông-Nam rồi ra đầm Ô-Loan ở vùng Tân-long.

Ngoài hai con sông lớn nói trên, tỉnh Phú-yên còn có các

sông khác, không quan-trọng lắm. Từ Bắc vào Nam, chúng ta thấy :

— Sông Tam-giang tức sông Cầu, dài chừng 20 cây sỏ, phát nguyên từ dãy núi Cù-mông (Hòn-Kè) chảy ra vịnh Xuân-đài, lòng sông cạn, ghe thuyền muốn ra vào cửa sông phải chờ nước lên.

— Sông Bàn - Thạch dài khoảng 30 cây sỏ, phát nguyên từ núi Hòn-Giũ mang tên là sông Đá-đen, chảy giữa Hòn Trông và Hòn Chảo, đến vùng Ngọc-lâm, đổi tên là sông Bánh-lái, chảy tới vùng Hội-cư, tiếp nhận thêm một chi nữa phát nguyên từ đèo Cúc-kịch với tên là sông Bàu-sắc. Từ Hội-cư, sông mới chính thức mang tên là sông Bàn-thạch, chảy ra biển ở cửa Đà-nông.

Sông Bàn-thạch quanh-co uốn khúc,

Núi Đá-bia cao vút từng mây.

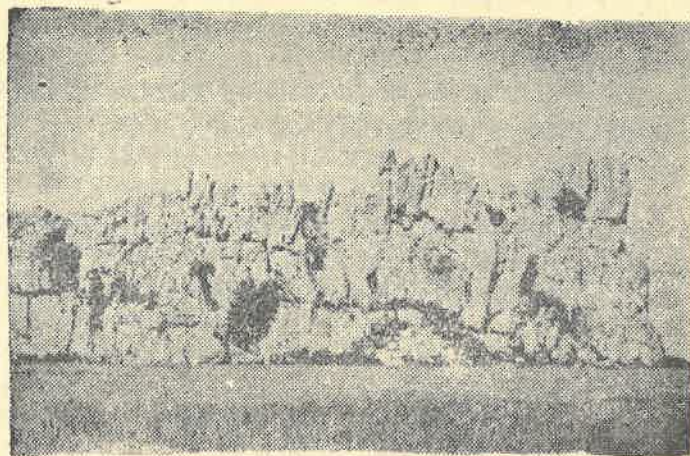
Non kia nước nọ còn đây,

Mà người non nước ngày nay phương nào ?

Sau khi đã quan-sát xong địa-thê và sông núi, mời du-khách trở về thăm bờ biển

Phú-yên.

Bờ biển Phú-yên dài trên 100 cây sỏ, quanh-co khúc-khuỷu không đều. Từ đèo Cù-mông vào giáp địa-đầu quận Tuy-hòa, vì núi nằm sát biển, nên bờ biển lôm-chôm những đá, có nhiều ghềnh nhiều mũi. Đặc điểm của bờ biển vùng này là có nhiều bán đảo ăn nhô ra biển làm thành nhiều vũng và vịnh, lập hải cảng rất tốt. Tại Cỗ-ngựa thuộc thôn Tuy-phong, một giải đất chạy dài ra biển độ 15 cây sỏ, theo hướng Tây-Bắc Đông-Nam, bọc phía ngoài đầm Cù-mông. khiến cho đầm này rất kín, ghe thuyền trú-àn và đánh cá rất tốt, không sợ gió bão. Từ Quốc lộ sỏ 1 tại vùng Trung-trinh, liền với chân núi Đông-bằng, một giải núi chạy dài ra biển như hình một con kỳ-lân, che chở cho vịnh Xuân-đài, khiến vịnh này thành một căn-cứ hải-quân rất tốt. Chính nơi này trong cuộc chiến-tranh giữa chúa Nguyễn và Tây-son, đôi bên đã nhiều phen dùng làm nơi đóng thủy quân, và năm 1832 tháng chạp, nhằm tháng 11 niên hiệu



*Cánh Đá ở xã Hòa-thắng,
nơi bờ biển xưa kia của Tuy-Hòa*

Minh-Mạng thứ 13, một phái-đoàn thương-mại Hoa-kỳ do Đại-úy Đức-Giai Tâm-Đa (Georges Thompson) làm thuyền-trưởng, đã buông neo tại Vũng Lâm. Bên ta Triều-định cử Viên-ngoại Nguyễn-tri-Phương và Tư-vụ Lý văn-Phức vào tiếp xúc với phái-đoàn và thương thuyết. Cuộc hội-đàm diễn ra trong bầu không-khí thân mật, nhưng vì có mây điểm bất-đồng ý kiến, nên cuộc bang-giao đầu-tiên ấy không thành-tựu.

Vào tới thôn Xuân-phú, một giải đất nhô ra biển như

hình vành tai, thong xuống Nam, và từ thôn Hội-son, một giải đất khác ăn lên phía Bắc, bọc kín đầm Ô-Loan làm thành một biển hồ rất lớn, có một lạch nhỏ thông ra biển. Nước đầm khi nào cũng xanh biếc và yên lặng. Về phía Tây có nhiều quả núi nằm san-sát nhau thuộc đèo Quán Cau là chỗ tựa sau lưng, phía Đông có mỏ Cao-Biển là một địa-danh tên tuổi mà người địa-phương coi là một linh-địa. Cánh-tri đầm Ô-Loan thật là ngoạn-mục. Chính tại vùng này, trước kia ông Tú Phương

đã dựng cờ khởi-nghĩa Cần-vương, nêu cao chí-khí bất-khuất của người dân Phú-yên trước cuộc xâm lăng của đế-quốc thực-dân. Ngày nay người dân Phú-yên vẫn còn ghi mãi hình ảnh nhà cách-mạng trong tâm-khảm họ, và họ đã dùng ca-dao để nói lên nỗi thương-cảm của họ đối với nhà ái-quốc.

*Ô-Loan nước lặng như tờ,
Thương người chiến-sĩ dựng cờ
Cần-vương.*

*Trải bao gổ đất mần sương,
Một lòng vì nước nêu gương
anh hùng.*

Dọc theo bờ biển từ ngoài vào, có nhiều đảo nhỏ như cù lao Hòn Nán trên đó có miếu Công-thần thờ các chiến sĩ trận vong của chúa Nguyễn, Nhật-tự-sơn, cù-lao Ông Xá, hòn Mái-nhà, hòn Yên, và xa ngoài biển phía Bắc có hòn Poulo-Gambir.

Tại vùng này có nhiều đầm nhiều vịnh, thuận-tiện cho nghề đánh cá như phá Tuy-phong (xã Xuân-lộc), đầm Vĩnh-cửu (xã Xuân-cảnh), vũng Trích (xã Xuân-thịnh), vịnh Xuân-dài, vũng Lâm (xã Xuân-thọ), đầm Ô-Loan.

Từ đầm Ô-Loan vào đến cửa Đà-nông, bờ biển bằng-phẳng, và đặc-biệt có viền một bờ cát khá cao, mà du-khách đứng trên xe lửa có thể trông thấy và tưởng lầm là những đồi núi. Sở dĩ có hiện-tượng ấy là vì bờ biển Tuy-hòa rất trũng trải, hàng năm cứ mỗi mùa lụt, đất phù sa đổ ra biển bị sóng và gió nổi đánh quật trở lại, vun cao thành đồng, rồi đến mùa gió Lào thổi mạnh, cát lại bị dồn trở ra. Do đó cát bị trong tăn ra ngoài đây vào chắt cao thành núi. Vì lẽ đó mà ở đây không thể xây-dựng được một bãi biển đẹp như vùng Sông Cầu hay đầm Ô-Loan.

Từ cửa Đà-nông vào đến Vũng-Rô giáp Khánh-hòa, vì có dãy núi Đèo Cả chạy thẳng ra biển, nên bờ biển cao và gồc, gheñh đá ngồn-ngang rất nguy-hiểm cho tàu thủy qua lại, nên ở mũi Nảy có tháp hải-đăng.

Tỉnh Phú-yên ở vào khoảng giữa vị-tuyến 12 và 13. Nói chung khí-hậu quanh năm nóng bức, nhất là vào hè, mùa hè. Nằm vào khu-vực

gió mùa, tỉnh Phú-yên gồm có hai mùa rõ-rệt: mùa nắng từ tháng 2 đến tháng 9 dương lịch, nhiệt độ thay đổi từ 26° đến 37°. Trong mùa này có gió nổi thổi theo hướng Đông-nam Tây Bắc, mát mẻ. Vào khoảng tháng 6 tháng 7 dương-lịch, có gió Lào thổi từ miền lục-địa qua dãy Trường-sơn, mà dân chúng địa phương gọi là « Nam cổ », vì gió này thổi rất mạnh, làm bay cả tranh sập cả nhà, lại nóng bức làm cho đồng điền khô cạn, hoa-mẫu héo rụi.

Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng giêng dương-lịch, nhiệt độ từ 20° đến 22°, lạnh nhất là tháng giêng dương-lịch. Về mùa này có gió Bắc thổi mạnh, mưa nhiều. Thường năm vào tháng 10 tháng 11 dương-lịch hay có mưa giông và bão, gây nên lụt lớn. Về mùa này dân chúng địa-phương có kinh nghiệm xem mây trên núi Chập-chài và núi Đá-Bia để đoán trời mưa, nên có câu :

*Chập-chài đội mũ
Mây phủ Đá Bia
Cốc nhái kêu lia
Trời mưa như trút.*

Hoặc nhiều khi ban đêm, thầy chớp về phía Mũi Nảy (gần Đèo Cả) thì biết là trời sắp mưa, rủ nhau đi đơm cá đồng, nên có câu phương-ngôn :

*Trời chớp Mũi Nảy
Thức dậy mà đi.*

Trái lại thầy chớp về phía Tây, thì chắc chắn là trời không mưa, cứ yên tâm nằm ngủ cho yên giấc, vì họ thường nói :

*Trời chớp Bà Đa (?)
Ở nhà mà ngủ.*

Nói chung khí-hậu Phú-yên không được tốt lắm, về mùa nắng thì nóng bức khó chịu, về mùa mưa có gió bắc thổi mạnh mang khí độc tới, dân chúng thường hay bị trúng gió. Miền nước độc như Phú-sen, Quan-quang, Cù-m, và Phú-đức, chỉ được vùng Sông Cầu là tương đối mát-mẻ mà thôi.

Tóm lại tỉnh Phú-yên vì như một cái thành kiên-cô, ba phía có núi non trùng-diệp bao quanh, hai địa đầu có đèo cao ngăn trở, còn lại phía Đông thì có biển cả bao la, ở trong có cánh đồng lúa cò

bay thẳng cánh, có rẫy khoai rẫy bắp trên các sườn đồi. Nhờ vậy, nếu có bị phong tỏa từ phía thì nhân-dân Phú-yên vẫn sống được no đủ. Tuy nhiên, cũng vì cái địa thế đóng kín ấy mà sự xúc tiếp với ngoài bị hạn chế rất nhiều. Ngày nay, nhờ giao-thông thuận tiện, người dân Phú-yên đã bắt đầu tiêu thụ nên văn-minh mới khá nhiều, nhưng so với các tỉnh khác thì vẫn còn chậm lắm. Còn ngày xưa thì thật là quá thua thiệt. Quanh năm chỉ tháng người dân chỉ làm bận với con trâu đám ruộng, rất ít ai dám đi ra khỏi tỉnh. Mặc dầu dân cư trù-phú, nhưng vì bị đóng

chặt trong cái khung thiên-nhiên kiên cố ấy, nên không mấy người được học hành đến nơi đến chốn, các bậc khoa giáp thì cũng đậu đến Cử-nhân là cùng.

Nhưng ngày nay thời thế đã thay đổi khác, đường xe lửa và Quốc-lộ số 1 đã nối liền Phú-yên với các thành phố lớn, với Thủ-đô Saigon, với cô đô Huế, người dân Phú-yên không còn bị giam chặt trong cái thành thiên-nhiên ấy nữa. Luồng gió văn-minh tiên-bộ đã thổi tới mảnh đất này, báo hiệu một ngày mai đầy tươi sáng.

NGUYỄN-ĐÌNH-TƯ



★ SỮA MẸ VÀ SỮA BÒ

Một ông giáo-sư Đại-học Y-khoa hỏi sinh viên :

— Hãy kể ra năm lý do vì sao sữa mẹ tốt hơn sữa bò để cho trẻ sơ sinh?

Một sinh-viên trả lời :

— 1) Pha chóng hơn vì chẳng cần nước sôi, bình chứa, nuốm vú cao-su.

2) Sạch sẽ hơn

3) Giữ gìn kín hơn, khỏi sợ mèo, sợ kiến.

4) Cho bú dễ dàng hơn.

và... và... (sinh-viên đang ngập ngừng cố tìm ra lý do thứ năm).

Giáo sư lại thúc :

— Và gì nữa ?

— Dạ, và đựng trong cái bình coi... đẹp và hấp dẫn hơn ạ!

★
Ernest Hemingway
VIỄN - LINH dịch

n h à

v ò

đ ị c h



Lúc Nick bị già coi phanh hắt từ trên tàu xuống thì nó cũng chẳng còn cách

Mancelona là bao xa nữa. Năm hoặc sáu cây số đường đầm. Nick đã nhảy lên chuyển tàu chở hàng đó vào lúc nó đang chạy chậm chậm qua một trạm vùng Walton Junction. Khi trời chập choạng tối, con tàu và Nick đã vượt qua Kalkaska.

Nick lại tiếp tục cuộc bộ dọc theo đường xe hỏa, bỏ lại phía sau những tấm tà-vet giữa những khoảng trải đá, những ao hồ ma quái trong lớp sương

mù đang bắt đầu bao phủ. Mí mắt Nick nặng trĩu. Nick đói nữa.

Nick băng qua một chiếc cầu. Nó trông thấy ở sâu tít bên dưới là mặt nước đen ngòm. Nick đá chân vào một cái bù-long trên tấm tà-vet và làm nó rớt xuống nước. Phía bên kia cầu là những ngọn đồi cao và tối xám. Nick chột nhìn thấy một đốm lửa đang trước mặt.

Nick men theo đường rầy tiến lại. Nó vượt qua một ụ đất, đi vào lối đi giữa rừng cây. Đó là những cây dẻ gai. Nó tới mép rừng nơi ngọn lửa bốc sáng. Nơi đó Nick trông thấy một người đàn ông đang ngồi sau ngọn lửa. Nó đứng lấp vào một

thân cây để quan sát người kia. Anh ta có vẻ ngồi một mình. Anh ta ngồi đó, tay ôm đầu, nhìn chăm chăm ngọn lửa.

Nick đi ra, bước vào giữa khoảng rừng thưa.

Người đàn ông, vẫn ngồi, nhìn ngọn lửa. Khi Nick dừng lại sát anh ta, anh ta vẫn bất động.

Nick nói :

— Kìa ông.

Người đàn ông ngừng đầu lên. Anh ta hỏi :

— Cậu ở đâu mà nhìn thấy đốm sáng này ?

— Người coi phenh «phút» tôi xuống phía dưới kia.

— Ở tàu chở hàng à ?

— Vâng.

— Thăng chó, tôi đã thấy nó qua đây khoảng hơn một giờ rồi. Nó đứng trên nóc tàu vừa vỗ tay vừa hát hồng.

— Thăng chó !

— Thế ra nó ném cậu ở dưới ấy à ?

— Tôi bỏ nó ở đây đấy chứ.

— Liệng cho nó một phát. Những lần sau thấy nó qua đây cứ ném cho nó một phát.

— Tôi sẽ cho nó một phát.

— Cậu dữ lắm nhỉ ?

— Đâu có, Nick nói.

— Cậu hay bắt cứ cậu lại nào cũng thế mà.

— Dám lắm.

— Đó, tôi đã nói mà.

Người đàn ông ngó Nick và cười. Trong ánh mù mờ của ngọn lửa Nick thấy khuôn mặt anh ta néo mó. Cái mũi gầy bẹt, đôi mắt nứt vỡ, cặp mắt trông rất kỳ quái. Tóm lại Nick thấy cả khuôn mặt người đàn ông như bị cắt xẻ một cách kỳ dị, màu da như bị trám, trông như chết rồi.

Người đàn ông bỗng hỏi :

— Cà-phê dở lắm hả ?

Nick lúng túng :

— Được vậy.

Người đàn ông nhắc mũ ra :

— Nhìn coi.

Anh ta chỉ có một tai. Cái tai dầy và dính bẹp vào sọ. Ở chỗ tai bên kia chỉ có một nhánh thịt.

— Cậu đã trông thấy ai thế này bao giờ chưa ?

— Chưa, Nick nói, lòng xốn xang.

Người đàn ông nói :

— Tôi biết kiếm tiền. Cậu có

tin rằng tôi biết thâu tiền không, nhỏ ?

— Tin. Như ông nói.

— Bọn chúng vẫn tôi mệt lử, mỗi thằng một tay. Nhưng không hại gì.

Anh ta nhìn Nick :

— Ngồi xuống đi. Ăn gì không ?

— Thôi khỏi phiền ông. Tôi mới ăn trên tỉnh.

Người đàn ông nói :

Nghe đây cậu, gọi tôi là Ad.

— Vâng.

— Nghe đây cậu. Không phải lúc nào tôi cũng yên lành như thế này đâu.

— Rồi sao ?

— Tôi điên.

Anh ta đội lại mũ lên đầu. Nick buồn cười, nói :

— Ông không có gì mà.

— Có. Có chút mà. Tôi điên. Ê ! Cậu không điên khi nào sao ?

— Không. Tại sao ông bị như thế ?

— Tôi không biết, Ad nói. Nhưng nếu cậu bị nó, cậu không nhận ra đâu. Hiểu không, hả ?

— Không.

— Cậu tin không ?

— Cũng tin.

Nick cảm thấy rằng anh ta

nói thật.

— Cậu biết sao tôi lại thế không ?

— Không.

— Tim tôi nó đập lừ đừ mà. Nó chỉ đập bốn mươi cái mỗi phút. Sờ xem.

Nick ngẩn ngừ.

— Sờ xem.

Người đàn ông vừa nói vừa nắm tay Nick đặt lên cổ tay mình. Anh ta hỏi :

— Có đồng hồ không ?

— Không.

— Tôi cũng không, Ad nói. Nhưng ta làm thế này cũng được.

Nick rút tay lại. Ad Francis nói :

— Đặt lên đi. Cậu đếm mạch tôi còn tôi đếm đến sáu mươi.

Nick thấy dưới tay mình một mạch máu chảy chậm mà vững trong khi người đàn ông đếm thông-thả, một, hai, ba, bốn, năm và đếm tiếp theo, cao giọng, cho đến số sáu mươi.

— Sáu mươi, Ad nói. Thế là bằng một phút. Cậu đếm được bao nhiêu ?

— Bốn mươi, Nick nói :

— Thấy chưa ? Cứ thế, không nhanh hơn mà.

Ad nói về hài lòng.

Một người đàn ông vừa từ trên ụ đất trên đường sắt đi xuống, hướng về phía ngọn lửa.

Ad nói :

— Ê, Bugs !

— Ờ! Bugs đáp.

Giọng đó là giọng một người da đen. Trông dáng đi Nick cũng biết đó là một người da đen.

— Đây là Bugs, bạn tôi, Ad nói. Hân cũng điên.

— Hân hạnh quen ông, Bugs nói. Ông từ đâu lại đây ?

— Chicago, Nick nói.

— Đó là một đô thị bảnh, người da đen nói. Tôi chưa được biết quý danh ông.

— Adams, Nick Adams.

Ad nói :

— Bugs à, cậu ta nói rằng chưa bao giờ điên.

Người da đen nói :

— Cậu ta chưa biết thế nào là hạnh phúc khi chờ đợi nó Bao giờ chúng ta ăn ?

— Ăn luôn đi

— Cậu đói chưa, Nick ?

— Đói gấu rồi đấy.

— Nghe gì không, Bugs ?

— Nghe. Tôi biết *gentleman*

này nói gì mà.

Hân đang đặt những miếng jambons vào chảo, rồi hân đập trứng vào khi mỡ sôi. Hân nói :

— *Mister Adams* (1), giá ông cắt bánh dùm, ở trong sắc.

— Được mà.

Nick lấy bánh cắt ra làm sáu miếng. Ad nhìn Nick, nghiêng về phía cậu nhỏ :

— Cho coi con dao của cậu nào, Nick.

— Không, đừng dớn. Ông Adams, hãy giữ lấy dao lại

Người da đen nói vậy với cậu nhỏ.

Người vô-sĩ đứng lên.

Bugs nói :

— Đưa dùm bánh cho tôi, *Mister Adams*. Bánh nhúng mỡ jambon, ông thích không ?

— Thích mà.

— Ông làm sandwich và đưa dùm cho ông Francis.

Ad cầm bánh và bắt đầu ăn.

— Đây của ông, *Mister Adams*. Chỗ còn lại của tôi. Cần thận trứng chảy mất nào.

(1) Nguyên văn trong bản Pháp-ngữ.

Viên vô-dịch quyền Anh vẫn im lặng. Anh ta không hề mở miệng từ lúc người da đen ngăn không cho anh ta lấy con dao của Nick.

Ông dừng nữa ? Ông Adolph Francis ? Bugs nói và cúi nhìn chảo bánh.

Ad không trả lời. Anh ta nhìn Nick.

— Ông Francis ? Người da đen lại nói giọng dịu dàng.

Ad vẫn nhìn Nick. Cái mũ lưới trai chụp xuống mắt. Nick cảm thấy lo ngại.

— Cậu cầm cái gì đó, hả ? Giọng nói cứng ngắt phát ra dưới cái mũ lưới trai. Đây là một thằng lỏi bần thiêu. Không ai mời đề mầy đến đây đề dự tiệc của người ta rồi người ta mượn mầy con dao, mầy lại dờ trò bần thiêu.

Những tia nhìn của anh ta chăm chăm vào Nick. Mặt anh ta trắng bệch ra, và hai con mắt hầu như biến mất sau cái mũ.

— Mày là một gã cặn bã. Ai mời mầy đến đây hả, lỏi ?

— Không ai mà.

— Lý do bần thiêu : không ai mà ! Mầy đến đây ăn bánh của tao, uống cà-phê của tao, hút

xì gà của tao rồi mầy nói như một thằng nhãi. Mầy tưởng thế là xong hả, Trời ơi !

Nick không trả lời. Ad đứng lên. Nick lùi lại. Người đàn ông tiến tới bằng những bước vững vàng :

— Nào, thử đụng tào coi !

— Tôi không thêm.

— Mày sắp ăn đòn, đi đâu được.

— Bỏ tay ra, Nick nói.

— Mặc xác mầy, du côn.

Trong khi người đàn ông nhìn Nick và tiến tới thì gã da đen đã dời đồng lửa, dơ cao tay và quật xuống gáy anh ta. Anh ta ngã sấp xuống cỏ. Người da đen để rơi cây gậy và vác anh ta lại gần ngọn lửa.

— Tôi sợ đã đánh hơi mạnh tay. *Mister Adams*, tôi rất buồn.

— Không sao mà.

Bugs nhờ Nick lấy nước và vỗ lên mặt người đàn ông. Đôi mắt anh ta nhắm nghiền.

Nick nhìn cái chuỗi trên cổ và nhặt lên. Đó là một cái chuỗi ngắn bọc da đen lột trong một chiếc mùi-sòa. Người da đen cười nói :

— Cái chuỗi răng cá voi mà.

Tôi phải làm thế. Tôi thấy ông ta nhiều lần thế này rồi.

— Tại sao ông ta điên? Nick hỏi.

Người da đen nhấp một ngụm cà-phê, nói:

— Đầu tiên vì bị đánh nhiều quá. Và rồi chính em gái ông ta đã nê chiều ông ta quá và người ta vẫn thường thuật lại trên báo chí những chuyện về anh em ruột và người em thương anh mình ra sao và hẳn yêu em gái mình như thế nào và rồi đám cưới ở Nữ-Ước và đó là một vết nhơ.

— Tôi nhớ chuyện đó.

— Chắc chắn. Đã từng nghe. Còn hơn là anh em một con thỏ, nhưng còn một chút con người, và bởi đó mà một ngày kia nàng ra đi và chẳng bao giờ trở lại.

Người da đen nói rồi uống cà-phê và lau môi trong lòng bàn tay hồng.

— Ông ta trở nên điên. Ông uống một chút cà-phê nữa, Mister Adams?

— Thôi, cảm ơn.

— Tôi đã trông thấy nàng

một hai lần. Nàng giống ông ta hết như anh em sinh đôi.

Câu chuyện có vẻ sắp kết thúc. Nick hỏi:

— Anh gặp ông ta ở đâu?

— Trong tù, người da đen nói. Ông ta gặp ai đánh nấy từ khi nàng bỏ ra đi. Còn tôi ở đó vì tôi đã làm đổ máu một người.

— Rồi hai người bây giờ làm gì? Nick hỏi.

— Ô! Không làm gì. Đi dạo thôi. Ông ta có tiền. Nàng gửi tiền cho ông ta. Đó thật là một người đàn bà bảnh. Nàng giống ông ta gần như sinh đôi. Thôi tạm biệt, Mister Adams. Mancelona chỉ còn cách đây ba cây số thôi. Chúc ông may mắn nhé, Mister Adams.

Nick dờ xa ngọn lửa và đi theo hướng đường xe hỏa. Từ trên cao nhìn xuống Nick thấy con đường ngoằn ngoèo giữa những ngọn đồi. Nick nhận thấy ánh sáng của đồng lửa vẫn còn chiếu sáng trong khu rừng thưa.

VIÊN-LINH dịch.

Sài-thành cảm tác

★ TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

(Kính họa nguyên vận bài thơ « Thời loạn cảm tác » của Vô-Danh đăng trong Tạp chí Phê-Thông số 88)

Thành-đô tấp-nập biết bao người,
Ai kẻ u buồn, ai đẹp tươi?
Xe ngựa lấp ngăn lời thán oán,
Lâu đài vang dậy tiếng reo cười.
Nghèo hèn chẳng biết chi là thú,
Sang trọng bày ra lắm chuyện chơi.
Thử hỏi nước non, non nước lặn:
Âm-thầm nhỏ lệ khóc thương đời!

xóm nhỏ...

★ THANH-HUYỀN-CHI (Saigon)

Tí tách hạt mưa tuôn
Trong cơn gió loạn cuồng
Xóm nghèo xơ xác lạnh
Nặng nặng hạt mưa tuôn...
Đây nếp sống lắm than
Bao kiếp người đa-mang!
Đời cơ hàn khổn-khở,
Rên-rỉ tiếng than-van...
Mái xiêu vẹo phũ phàng vì mưa gió
Ăn mập mờ trong xóm nhỏ vắng tanh
Ánh đèn đêm hiu hắt chiếu qua màn
Đây nếp sống của bao người bất hạnh
Thương-đế hời! có nhìn đây những cảnh
Tê tái lòng đói lạnh của nhân-gian
Sống khổ đau sự thật quá bề-bàng
Ôi số kiếp phũ-phàng chi lắm hời!!!...

Danh-Nhân Thế-Giới

Tiền-bản Thế-Kỷ Hai-mươi

8. — Winston CHURCHILL

● CON NGƯỜI CHIẾN ĐẤU

Winston Churchill là một chiến-sĩ, sống một cuộc đời chiến đấu không ngừng. Tinh thần chiến-đấu đã ăn sâu vào xương máu ông nên luôn luôn ông bắt chập cả những nguy hiểm, tìm đến chỗ nguy-hiểm là khác nữa.

Trong những giờ đen tối nhất của nước Anh, từ mùa đông 1940 đến mùa xuân 1941, thủ đô Anh đang quy xuống dưới những cơn mưa bom của phi cơ Đức trút xuống, các khu phố, các bến tàu tan nát, Thủ-tướng Churchill đích thân đến các nơi bị tàn phá, chia xẻ đau khổ với đồng bào. Căm hờn, oán hận nổi bật lên nét mặt ông, truyền cảm sang những người trong đám quần chúng mà ông tiếp xúc; ông

đã gây cho họ một tinh thần chiến đấu chống nghịch cảnh và kích-thích mạnh thêm tinh-thần ấy ở những người đã sẵn có.

Trong các cuộc oanh-tạc dữ dội, ông vẫn làm việc như thường. Một đêm vào tháng 10 năm 1940, ông tiếp ký-giả Pháp Michel Saint Denis, phụ-trách về phần phát thanh tiếng Pháp của đài BBC, để thảo một bản tuyên bố của Thủ-tướng Anh gọi cho nhân dân Pháp, hiệu triệu Pháp tiếp tục cuộc chiến đấu. Tiếng nổ của bom đình tại, nhức óc, mà ông Churchill vẫn cùng ký giả Pháp chạy bộ đến dinh Thủ-tướng.

« Tôi đây là Churchill, nói với toàn dân Pháp.. » Bản tuyên bố bắt đầu bằng câu ấy, ông Churchill nói xong rồi quay lại nói riêng với ký giả Michel: « Tôi vừa viết xong một trang Lịch-sử ».

Có lần ông đi kinh-lý một bến tàu trong khi cuộc oanh-tạc

DANH NHÂN THẾ GIỚI



của quân thù đang mãnh liệt. Vệ sĩ riêng của ông, chàng Thomson to lớn như con bò mộng, bỗng ôm ông kéo ông ngã xuống, lấy cái thân hình to lớn, vạm vỡ của anh, che cho thân chủ. Một trái bom vừa rớt xuống gần nơi ông đứng và nổ tung lên. Thoát hiểm rồi, ông Churchill còn cau mày «chỉnh» anh vệ sĩ: « Lần sau tôi cầm anh kéo ngã tôi như thế ». Vì ông có thầy gì là nguy-hiểm, đáng sợ đâu.

Churchill là người tự-hào là tham-gia cả hai cuộc Thế-Chiến, từ cuộc Thế-Chiến số 1 đến cuộc Thế-Chiến số 2. Khi Thế-Chiến thứ nhất bắt đầu, Roosevelt mới chỉ là một «tay mơ» trong chánh-giới, Musso-

lini một tay quày rồi, theo chủ nghĩa xã-hội, tiếng tăm chưa lan ra khỏi biên-giới, Hitler một anh bình nhĩ, Staline một tên tù lưu đày ở Sberie, còn Churchill đã chỉ huy hải-quân Anh, đem hết khả năng và sức làm việc hăng hái ra tăng cường thế lực của nước Anh trên mặt biển.

Từ Thế-Chiến số 1 đến Thế-Chiến số 2, chiến-sĩ già dặn ấy đã «trui» tinh thần chiến đấu trong máu, lửa, nên ông là một chiến sĩ giàu kinh-nghiem, sau này khi ông về nghỉ dưỡng già, Thủ tướng Eden vẫn thường phải đến xin ý-kiến về các vấn-đề khó-khăn, tế-nhị.

Cuộc đời chiến đấu của Churchill có lẽ là một định-mạng.

Ngay từ thuở còn bé, khi

★ TẾ-XUYEN

cậu Churchill còn nằm trên sàn gạch chơi. Churchill đã thích lấy bộ đồ chơi gồm những tên lính bằng chì mà giằn trận. Thân phụ cậu thầy thề, hỏi cậu một câu :

— Sau này lớn, con có

thích vào nhà binh không ?

— Ô ! Còn gì sùng sượng bằng nữa ! Con sẽ cầm đầu những binh lính thật chứ không phải những anh lính bằng chì như bây giờ.

● LÀM CHUẨN-ÚY THẬT

CÁI hứng thú làm một chiến sĩ, chỉ-huy một đạo binh, đã chớm nở trong đầu óc Churchill từ thuở bé, khiến thân phụ cậu thầy trước không hy-vọng gì con sẽ thành một luật-sư hay một kỹ-sư.

Và lại nếu con có làm một võ-tướng sau này, ấy cũng là nỗi được nghiệp nhà vì giòng họ Churchill đã có một tên oanh-liệt ghi trong lịch-sử : De Marlborough, một vị võ-tướng có nhiều công trạng, đã được Nữ hoàng Anne phong tước Quận công xứ Marlborough. hồi đầu thế kỷ thứ XVIII.

Quận công De Marlborough tục-danh là John Churchill, là cô-tổ của ông Winston Churchill ngày nay vậy.

Sanh ngày 30 tháng 11 năm

1874, Winston Leonrad Spencer Churchill là trưởng nam của Lord Randolph Churchill, một chánh khách bước vào Nghị viện Anh hồi năm 1874, sau giữ chức Bộ-trưởng phụ-trách về Ấn-Độ rồi bước lên ghế quan trọng nhất trong chánh-phủ : Bộ-trưởng tài-chánh.

Sau này Winston Churchill có là một Thủ-tướng giúp phần lớn trong cuộc chiến thắng của Đồng-minh hồi Thế-Chiến thứ nhì và cũng là một nhà chánh-trị lỗi-lạc nổi danh trên Thế-giới, cái đó không có gì là dị-thường : Winston đã chịu ảnh-hưởng của cô-tổ và gần hơn thì chịu ảnh-hưởng của phụ-thân.

Lúc bé, sức-khỏe Winston không được khá-quan cho lắm. Vì sanh thiếu tháng nên cậu

yếu đuối, không được lực-lưỡng như nhiều trẻ khác. Song cậu có một nghị lực sắt đá, một sự quả cảm mãnh-liệt, xuất hiện hẳn ra nét mặt và cử-chỉ.

Gia-đình mời một cô giáo dạy la-tinh cho cậu. Lắm khi cậu hỏi cô những câu thật là « lý sự » làm cô giận phải thốt ra câu : « Trò này bướng bỉnh nhất đời ».

Winston cũng ghét học la-tinh vì khó quá, mệt trí quá. Lớn lên, học các môn khác, cậu cũng thấy không có hứng thú. Cậu thường than phiền : Nếu như ba mình làm một anh bán tạp hóa, mình đi làm thợ nề lại khỏe ru !

Nhưng ông Randolph lại làm đến Bộ-trưởng tài-chánh, nên con ông phải thi vào trường trung-học Harrow để thành người trí-thức sau này.

Lúc thi đến môn la-tinh, cậu Winston nộp giấy trắng, với một cái vòng tròn do tay cậu vẽ, có lẽ dụng ý nói là mình chắc chắn « ăn trứng vịt ». Nhưng ông hiệu trưởng Welldon vị tình ông Bộ-trưởng Tài-chánh, không nổi đánh rớt

cậu Winston. Ông kêu cậu tới văn phòng mà khuyên cậu cố gắng học. Ông ngạc nhiên nhìn kỹ từ đầu đến chân cậu thiếu niên mới 12 tuổi, chú ý nhất bộ mặt cương nghị của cậu rồi nói : « Cố học nghe con ! Con sẽ có một tương-lai tươi sáng, con sẽ khác người thường ! ».

Ông hiệu-trưởng nói câu ấy với một niềm tin. Chắc trực giác của ông mạch bảo ông : Cậu bé này không như các trẻ em khác đâu.

Học 4 năm ở trường Harrow rồi, thân phụ cậu không biết cho con học nghề gì và đã có ý định gởi con sang Mỹ vì đất Mỹ là đất mới, có thể thành công dễ hơn. Sau cùng, ông nghĩ cho con học về binh bị có lẽ dễ hơn là học các ngành khác.

Vậy cậu Winston phải thi vào trường Sandhurst, như các trường Võ bị ở các nước đào tạo sĩ-quan. Song còn phải thi vào, mà kỳ thi ở đây gay go lắm, không thể có sự vị nể, sự « nâng đỡ » được.

Winston rớt luôn 2 kỳ. May sao lúc đó có một lớp « luyện

thi » của đại-úy James mở ra chuyên luyện tập cho thí sinh muốn vào trường võ bị Sandhurst. Đây là một mảnh lối « học tử » — học chuyên cần vào mấy môn thi và những mục nào có thể « trúng tử » được.

Nhờ học lớp ấy mà cậu Winston đậu được trong kỳ thi nhập học (lần thứ ba). Cậu lựa ngành kỵ binh. Năm nay cậu mới 17 tuổi.

Cuối năm 1894 tốt nghiệp ở trường Sandhurst ra, cậu số 8 trong 150 tân khoa, đáng kể là một bước tiến quan trọng làm hài lòng song thân.

Lúc này, thân phụ cậu đang trải qua một cuộc khủng hoảng tài chánh, có những món nợ cần phải trang trải. Năm ngàn cổ phần của gia-đình mua trong các công ty khai mỏ ở Phi-châu, đang lên giá mà cũng phải bán hết đi để trang trải công nợ.

Trước cảnh gia đình quần bách, chuẩn úy Winston Churchill đành xin cha mẹ cho tự lập và sống với số lương tháng của mình.

Bữa tiệc liên hoan của đám

tân sĩ-quan với tất cả sự linh đình, huê dạng làm cho Winston Churchill hăng-hái thầy đời vui tươi, nồng nhiệt. Mới bước chân vào trường đời với bộ nhung-phục viên đỏ của sĩ-quan binh kỵ mã Hoàng gia, Churchill rất lạc quan, sung-sướng.

Nhưng sau đó, cậu thanh-niên đầy nhựa sống thầy cuộc đời trong quân ngũ buồn tẻ vì cậu là một võ quan không bao giờ phải đụng võ, một quân-nhân không ra trận. Lúc ấy là năm 1893. Âu-châu đang sống trong cảnh hòa - bình, phẳng lặng. Họ chẳng chỉ có trận giặc nhỏ Cuba. Dân đảo này nổi dậy đánh với « mẫu quốc » Tây-ban-nha, để đòi lại quyền tự chủ. Một chiến tranh nhỏ mà danh từ thực dân gọi là một cuộc dẹp loạn.

Chuẩn-úy Churchill nghĩ đến Cuba nhưng lấy tư-cách gì mà đi tới mặt trận bây giờ? Cậu không phải là người Tây-ban-nha tề xin đi đánh giặc, dẹp « quân phiến loạn ». Một sáng kiến nảy ra trong đầu óc cậu giúp cậu được tháo cũi sổ lồng. Cậu biết có người quen

cũ của gia-đình đang làm đại sứ Anh ở Madrid, thủ đô nước Tây-ban-nha, cậu bèn nhờ ông vận-dộng cho cậu được đến Cuba với tư cách quan sát viên.

Churchill được chánh phủ Tây-ban-nha chấp nhận. Cậu còn rủ một bạn trẻ tuổi tên Keginald Barnes cùng đi cho vui. Hai thanh-niên bước chân lên đường, lòng tho-thới như hai hươu dạo sanh đi cắm trại một buổi bình-minh vui đẹp.

Tới tổng hành dinh quân-đội Tây-ban-nha, hai cậu được tiếp đón như hai vị khách quý vì tinh thần quân-viễn chinh đang xuống thấp sau những trận du-kích ác-liệt của dân quân Cuba. Người ta đang cần một sự khích-lệ của ngoại-quốc, một liều thuốc « chiến-tranh tâm-lý ». Do đó mà hai quan sát viên không chánh thức từ nước Anh tới mặt trận đã được « thời phủng » lên trên các báo như hai đại-diện của một nước bạn, một sự ủng hộ tinh-thần quý giá.

Churchill lo ngại các báo sẽ đăng lên những lời « tuyên bố » mà người ta có thể gán cho mình mà thật ra không đúng với ý-kiến của mình, thì thật nguy to. Hai quan sát viên vội vàng xin phép đi gấp ra mặt trận.

Đây là một cuộc mạo hiểm liều mạng hơn là một cuộc quan sát vì ở Cuba không có mặt trận ở đâu hết; dân quân Cuba đánh du-kích có thể gây cho hai thanh niên những chuyện bất ngờ, những hăm dọa trực tiếp đến tánh mạng. Không sao! Họ cứ tiến tới.

Một hôm bỗng nhiên con ngựa của Churchill « hí » vang một khu rừng rồi ngã xuống như một đồng thớt. Một viên đạn từ đâu bay đến, trúng ngay bụng nó. Churchill nhìn bạn mà nói:

— Con ngựa chết mất, khó sống nổi. Nó chết hôm nay đúng ngày 30 tháng 11 là sanh nhật của tôi. Hôm nay tôi đúng 21 tuổi và nhận được viên đạn đầu tiên người ta tặng tôi.

Sau cuộc quan-sát này, kéo

dài mây tháng, quan sát viên Churchill trở về nước, và một nhận xét kết luận : Không thể nào Tây-ban-nha đẹp xong được cuộc nổi dậy ở Cuba vì sau lưng dân Cuba còn có tay người Hoa-kỳ ngầm giúp.

Không quan-sát với con mắt một quân nhân, Churchill không nhận xét được gì quan-trọng về chiến thuật hay chiến lược. Churchill chỉ nhìn bằng con mắt tò mò của một thanh niên muốn tìm biết. Bởi vậy chỉ có khía cạnh vui đẹp của trận giặc được nêu ra trong một loạt bài có tánh cách « bài đăng báo ». Churchill bèn gởi cho tờ báo Daily Graphic.



★ NHIỀU LÝ DO CẦN SỐNG

Một bà được cảnh-binh đến cấp báo rằng chồng bà đang cheo leo trên mép cửa sổ tầng lầu thứ 6 và nhút định dõn tự-tử.

Bà vội vàng ba chân bốn cẳng chạy đến và thấy ông chồng đang tòn-ten dưới cửa sổ trong khi một cảnh-binh đang cố gắng níu tay lại.

Bà khóc than thảm thiết, van lạy ông chồng :

— Mình ơi, mình định dứt cuộc đời làm chi, mình còn có biết bao lý-do cần sống, mình ạ. Mình biết không ?

Chiếc xe hơi mưa chịu góp cũng chưa hết, máy ra-dô, chủ hãng mới cho người đem phắc-tuya đến sáng nay, và... còn cái tủ lạnh nữa... còn 5 tháng mới trả xong, mình ơi... là mình ơi... !

Chủ bút báo này đọc loạt bài thầy lỗi hành văn còn câu thả, những câu viết còn có nhiều danh từ dùng không đúng, nhưng sự quan sát của tác giả thì không có chỗ nào chê được và làm nổi bật lên giá-trị của mây bài ấy. Đây đúng là một tập phóng sự sống, với những câu văn linh-động, nhiều điều quan-sát tinh-vi. Churchill không dè lúc đi học rất dở về văn chương mà nay lại có bài đăng lên báo với lời khen nồng hậu của tòa soạn. Chuẩn úy Churchill chưa có đất dụng võ thì phải dụng văn vậy và bắt ngờ thành công về nghề viết báo.

(còn nữa)

xót hoa

★ HÀ-HOA-MỘNG

(Nha-Mân — Sa-Đéc)

Hoa chẳng lên hương chẳng sắc màu,
Hoa sầu hoa héo kể từ lâu.
Hoa sao ướp lệ tình sương sớm,
Hoa khéo vương đời cuộc bể dâu.
Hoa đến tả-tơ ngoài gió lốc,
Hoa dần tan-tác giữa mưa Ngâu.
Hoa riêng lẫn tránh tình ong bướm,
Hoa đại trong hoa nhụy đậm sâu.

có những đêm buồn...

Đ.T.L. Hoài-Nhân KIỀU-ĐOAN-TRANG

(Châu - Phú)

Có những đêm buồn ngủ chẳng yên,
Năm nghe mưa diêm giọt bên hiên,
Nghe đồng hồ đồ từng hồi một
Nghe tiếng lòng tuôn nỗi lụy phiền !

Có những đêm dài tận tít-tê,
Năm nghe hơi gió lộng tư bề,
Thương người tay trắng đành dang-dỡ.
Lỡ ván cờ, thôi, chẳng hẹn về !...

Có những đêm buồn ngắm trăng thanh,
Đường khuya xa vắng gió lay cành.
Âm-thầm thương cánh chim giông ruổi,
Lạc-lỡ về đâu lúc trở canh ? !..

CÁC BÀ CÓ THAI NÊN COI CHỪNG

« thuốc

đưỡng thai »

THALIDOMIDE

• « AN-MẠNG NHÂN-ĐẠO »

Tại Liège (Belgian), hồi tháng năm vừa qua SUZANNE VANDEPUT COIPEL kiều-diêm, hạ sanh một cô con gái đã không có một cánh tay nào lại còn mọc thêm ít ngón tay ở hai bả vai.

Bà SUZANNE là một trong hàng ngàn sản-phụ tại Âu-Châu đã dùng thuốc DƯỠNG-THAI THALIDOMIDE.

Bà đã ngất xỉu đi khi lần đầu tiên bà nhìn thấy đứa con xấu số của bà. Bà la-khóc và than rằng vợ chồng bà không thể đẻ quái thai đó sống được ! Các bác-sĩ cố giải-thích để an-vui bà nhưng

vô-ích, bà vẫn sầu não lắm !... Thế rồi câu chuyện tang-thương xảy ra vào ngày bà rời nhà hộ-sinh : Đứa trẻ sơ sinh không tay kia lia đời vì bà đã bỏ quá liều thuốc ngủ vào bình sữa của nó ! Ngay sau đó bà SUZANNE bị xét hỏi và bị ghép tội sát hại trẻ sơ-sinh. Mẹ, chị và chồng bà bị xử tội đồng-lỏa. Về vụ này, tòa-án tại « Palais » đã nhận được hàng ngàn lá thư liên-hệ của quần chúng. Đại đa số bênh vực người mẹ, cho rằng đó là một vụ án-mạng nhân-đạo. Tin này như làn

★ Phùng - lê - Ảnh
(Đại-học Philippines)

(Theo tài liệu của Life)

CÁC BÀ CÓ THAI NÊN COI CHỪNG

sóng tràn-ngập Âu-Châu và lan sang tận Hoa-Kỳ.

« An-mạng nhân-đạo » là một đề tài làm xáo-trộn tư-tưởng luật-pháp của các nước có theo đạo Thiên-Chúa. Vì theo họ, sự hủy hoại đời sống là một trọng tội. Luật-pháp không tha thứ những kẻ phá thai, giết người, ngoại trừ khi cần cứu nguy người mẹ...

Trong một phiên họp y-học quốc-tế vừa qua các bác sĩ của phòng nhóm đã bị hỏi câu hỏi sau này : « Có bác-sĩ nào chưa hề áp dụng « EUTHANASIA » trong nghề ? ». Không một ai giơ tay cả !!

Trước hậu quả kinh-hãi của độc dược « THALIDOMIDE », nhiều Bác-sĩ, luật-sư không phản đối việc dùng phương-pháp « EUTHANASIA » để chấm dứt cuộc đời của một quái-thai, trong khi nhiều nhà giáo-lý, đạo-sĩ cho rằng đó là một trọng tội.

Tuy-nhiên quần chúng có chiều ngả về hành-dộng : « GIẾT QUÁI THAI LÀ NHÂN-ĐẠO ». Đài phát-thanh « Luxembourg » đặt câu-hỏi : « Theo các bạn, hành-dộng của bà SUZANNE tại LIÈGE đáng - trách hay không đáng trách ? » Và đài-phát thanh đã nhận được 16732 câu trả-

lời là : « KHÔNG ĐÁNG TRÁCH », đáng tha bà SUZANNE, so với 938 câu trả lời là bà này có tội.

Tại Anh-Quốc hai phần ba số thính-giả ngả về tư-tưởng « phá hủy quái-thai » !

Tại Hoa-Kỳ tuy không có sự trắc nghiệm chính thức song ý-kiến cá-nhân cũng cho ta thấy họ có chiều xu hướng giống nhau : Doctor Helen Taussig tại Đại-học Johns Hopkins phát-biểu ý-kiến về vụ hủy-hoại quái-thai, cho rằng tùy từng trường-hợp, nó được gọi là nhân-đạo hay không, nhưng không phản-đối về hành-dộng của bà SUZANNE. Tại VANCOUVER, Bác-Sĩ BROCK CHISHOLM, nguyên chủ-tịch hội-đồng Y-tế Quốc-tế tin rằng « TỐT HƠN CHẴNG NÊN GIỮ TRONG NHÂN LOẠI NHỮNG THẺ XÁC MÀ CHÍNH NÓ KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỂ GIỐNG LOÀI NGƯỜI » !...

Tư-tưởng giữa giới y-học, luật sư có phần ngả về quần chúng, nhưng tư-tưởng của đại đa-số các nhà GIÁO-SĨ, ĐẠO-LÝ Công-giáo vẫn cho rằng đó là một trọng tội.

● SƠ-LƯỢC LỊCH-SỬ THỊ-TRƯỜNG THALIDOMIDE

Thalidomide, một sản phẩm Âu-đức được phát-minh tại Đức năm 1953 và được tung ra thị-trường năm 1957 sau khi trắc-nghiệm bằng phương pháp thường dụng cho các sản phẩm Âu-đức do một hãng bào chế Âu-đức danh tiếng tại Tây-Đức. Thuốc này được coi như « thần dược » huyền diệu trong việc DƯỠNG-THAI ; vì thuốc có phản ứng rất công hiệu : NGƯỜI ME

ngủ yên, không bị đờ ỉa trẻ chưa sanh quấy phá. Thuốc không gây công-phạt, không làm người dùng quen nó.

Sau 3 năm thí-nghiệm, theo dõi tác-dụng của thuốc dưỡng thai « THALIDOMIDE » hãng bào chế « MERRELL » tại Tây-Đức hành-diện phúc trình về kết quả tốt đẹp của « thần dược » ; và vì thế dân Đức tiêu thụ 15 triệu viên « THALIDOMIDE » trong một tháng. Thế giới tiêu thụ sản phẩm này dưới các nhãn hiệu khác nhau sau đây có cả tấn mỗi tháng :

HỌ-HÀNG CỦA THUỐC DƯỠNG-THAI THALIDOMIDE

Algosediv	Grippex	Poly-giron	Sediserpil
Asmadion	Poligripan	Imidan	Sedoval KI7
Asmaval	Imidene	Predni-sediv	Softenil
Bonbrin	Imidene - Ipnótico	Profarmil	Softenon
Calmore	Isomin	Psycholiquid	Talimol
Contergan	Kevadon	Psychotablets	Tensival
Coronarobetin	Lulamin	Quetimid	Thalin
Distaval	Neonibrol	Quietolex	Thalinette
Ectiluran	Neosydyn	Sanodormin	Thephicholine
Enterosediv	Nevrodyn	Sedalis	Ulcerfen
Gastrinide	Noctosediv	Sedimide	Valgis
Glutanon	Noxodyn	Sedin	Valgraine

● HẬU QUẢ XUẤT - PHÁT

Sau một thời-gian, hậu-quả đầu tiên gây bởi thuốc dưỡng thai THALIDOMIDE được phúc-

trình. Đó là một triệu-chứng đầu tiên gây bởi thuốc dưỡng thai này : trẻ sơ-sinh có thân thể khác thường , chân vẹt (ngón dính liền với nhau) hoặc bị quẹo, thọt. Tuy nhiên không có phúc-trình về ảnh hưởng của thần-kinh.

Làn sóng nguy-hại này bắt đầu được theo dõi ráo-diết. Tại Arizona, bà Sherri Finkbine lo sợ khi được biết rằng đứa trẻ bà sẽ sanh không có tứ-chi. Tại Britain, Cậu Richard Satherly đã chào đời được 8 tháng, nhưng gia đình cậu không vui, vì cậu thiếu cả hai chân...

● THALIDOMIDE BỊ THÂU - HỒI

Tháng 11/1961 thị trường thuốc dưỡng thai THALIDOMIDE cùng đồng-loại tại Đức-Quốc bị thu-hồi, và lần lượt tại Anh-Quốc vào tháng 12/1961, tháng 3/1962 tại CANADA...

Tại Hoa-Kỳ, vì áp-lực của quyền-lợi thợ-thuyền, thuốc vẫn được bào-chế nhưng giới hữu trách vẫn can-đảm cất giữ trong kho, không phân phát ra thị-trường trước khi có kết-quả xác đáng của cuộc thí-nghiệm về hậu-quả của tác-dụng thuốc thalido-

mide. Bất-cần lý-do chậm trễ của thị-trường nhiều gia-đình Mỹ đã xory sở đề mua cho được thuốc dưỡng thai, cho rằng « thần-dược » này từ Âu-châu hoặc từ các phát điếm thuốc để thí-nghiệm, vì thế mà trường hợp nguy-hại sanh quái-thai đã xuất hiện nhiều và có thể hàng vài ngàn gia-đình đã đau-khổ vì có những đứa con bất hạnh do thuốc THALIDOMIDE. Và vì thế tư-tưởng hủy-hoại những quái-thai này đã làm chần-động các giới trên thế-giới, nhất là các nước mang màu sắc đạo Công-giáo.

● TIỀN DƯỢC THÀNH ĐỘC-DƯỢC

Hiện tại người ta đã ngăn cấm sự dùng thuốc THALIDOMIDE để dưỡng thai vì người ta biết chắc rằng thuốc này có tác-dụng làm ngưng sự phát triển của các bào thai. Tác-dụng nguy hại nhất là khi dùng thuốc này vào thời kỳ bào thai phát triển tứ chi nghĩa là vào tháng thứ hai sau thời kỳ thụ-thai vì nó sẽ làm ngưng sự phát triển các tế-bào liên-hệ nguồn gốc của tứ chi một cơ-thể. Tác dụng của thuốc cũng gây-sự cháy sém các đầu giây tủy-não, gây bệnh

PHOCOMELIA tức EPIDERMIC. Có công trong cuộc khám phá hậu quả nguy hại này là Dr. LENZ, Dr. KELSEY. Dr. KELSEY đã được ban huy chương vàng do tổng thống Hoa-Kỳ KENNEDY, cùng giấy tờ ban khen vì là người đã cần thận không để thị trường độc được Thalidomide lan tự-do vào đất Mỹ, mặc dầu dưới áp-lực của hãng

bào-chế danh - tiếng, được tin nhiệm tại Đức-Quốc. Chẳng hiểu ở Việt-Nam đã có gia-đình bất hạnh nào chịu hậu quả của Thuốc THALIDOMIDE không ? Các bà mẹ nên coi chừng khi dùng thuốc dưỡng thai và đừng có dùng một thứ thuốc nào trong bảng kê trên là họ hàng của THALIDOMIDE.

PHÙNG-LÊ-ÁNH



* CẮT NÓN CHÀO

Một sinh viên sĩ quan hàng hải tập sự, chưa rành nghề lắm, đi thực tập trên tàu thủy, một hôm được ông thuyền trưởng giao phó cho nhiệm vụ định hướng trong lúc tàu đang đi ngoài khơi, gần vịnh Cam-Ranh.

Tính toán một lúc, sinh viên này đem tờ phúc trình đến cho ông thuyền trưởng.

Ông này xem, cau mày và nghiêm trang nói:

— Cậu hãy cắt nón và đứng yên lặng. Chúng ta hiện đang ở một nơi thánh-địa.

Sinh viên hết sức ngạc nhiên, lễ phép hỏi:

— Dạ, xin lỗi thuyền trưởng... nói gì ạ ?

— À, nếu bản phúc trình của cậu là đúng thì hiện thời... chúng ta đang ở đúng giữa Vương-cung Thánh-đường Saigon.

• Truyện ngắn

nỗi buồn trong tim

★ HOÀNG THẮNG

M IỆNG làm bầm « phải cố ngủ mới được » nhưng Hà không thể nào nhắm mắt nổi. Nàng không muốn nghĩ gì cả

nhưng hình ảnh của Huy lại hiện ra rõ ràng hơn bao giờ hết.

Đã hai tuần nay, Hà cố gắng quên Huy nhưng khi muốn quên lại chính là lúc nàng nhớ người yêu nhất.

Theo thường-lệ, cứ mỗi chiều thứ bảy, Hà lại tới nhà người yêu. Hai người ngồi nói chuyện huyền-thuyền, có khi không nói gì cả mà chỉ ngồi nhìn nhau rồi mỉm cười cho tới khi trời chạng-vạng tối, Hà mới ra về.

Nhưng chiều thứ bảy vừa qua, Hà đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy Huy không có nhà. Nhìn căn nhà vắng tanh, Hà bứt dứt khó chịu. Đây là lần đầu tiên Huy đã phá bỏ thông-lệ đó.

Hà liên tưởng lúc này Huy đang ngồi nói chuyện với một cô gái đẹp nào đó, ở một nơi nào đó. Chuyện này rất có thể xảy ra được lắm vì trước khi Hà quen Huy, chàng đã từng có rất nhiều người yêu. Chính Huy cũng đã thú thật với nàng như thế !

« Trước khi biết em, anh đã từng yêu và được yêu, nhưng vì em, anh sẽ quên hết, anh chỉ còn biết có em mà thôi ! »

Hà đã nghi ngờ hỏi lại: « Liệu

có chắc không? » — « Anh chắc hẳn như vậy! » — « Em cũng hơi tin thôi! », Hà trả lời nửa đùa nửa thật, riêng Huy chỉ mỉm cười không đáp. Nhìn Huy cười, Hà vừa ghét lại vừa thấy mình yêu chàng hơn lên.

Giờ đây, Huy không có nhà để chờ đón nàng, Hà tin chắc là Huy đã hò hẹn với ai rồi. Nghĩ thế, Hà vội chớp mau mắt để cố ngăn chặn những giọt lệ đang muốn dâng lên. Nàng giận dỗi bỏ ra về và tự hứa sẽ không bao giờ tìm gặp Huy nữa. Nàng sẽ cố quên chàng, quên hết!...

Chiều thứ bảy sau, Hà không đến thăm Huy. Sự giận ghét đã ngăn nàng tới thăm người yêu, nhưng cũng vì thế, Hà đã sống trong khổ-sở, nhớ-nhung.

Chiều nay Hà đã bán-khoăn trong sự đi và ở. Đã mấy lần nàng mặc áo dài vào rồi lại cởi ra. Cho tới khi nàng quyết-định ở lại nhà thì trời đã tối sầm đi rồi giờ đây nàng phải trần-trọc mãi không ngủ được.

Hà biết mình không thể nào quên được Huy. Nàng có ghét giận Huy cũng chỉ vì nàng đã quá yêu chàng. Tình yêu sâu đậm quá rồi! Không phải đây là lần đầu tiên nàng mới biết

hương-vị của tình yêu, nhưng với Huy, nàng mới thấy đầy đủ ý-nghĩa của sự yêu, ghét, nhớ, giận, hôn, tui.

Hà vội tay bóp quả bấm đèn. Ánh sáng neon tưới chan hòa căn phòng, dù vẫn mát dịu nhưng cũng làm cho Hà cay mắt. Nàng vén rèm chui ra và bước ra ngoài balcon. Công-viên trước đây cư-xá nơi Hà ở vắng lặng. Những chiếc ghế đá nằm tro trên dưới ánh đèn neon. Gió thổi nhẹ nhưng Hà cũng nhìn thấy rõ những ngọn cỏ lay động.

Đột nhiên Hà thấy thêm một điều thuốc lá. Nàng cũng không hiểu tại sao, vì sự thật nàng không biết hút thuốc lá. Hà nhớ hồi nàng lên Đà-lạt nghĩ mát và cũng để ôn lại bài vở đề dự thi Tú-tài II kỳ nhì, sau khi Hà gửi thư về Saigon cho Huy rồi, nàng đã không học được gì cả, trong lòng chỉ mong mỗi nhận được thư trả lời của người yêu.

Một buổi tối, trời mưa bụi, Hà đang ngồi chơi ở nhà thì Lan, bạn của Hà, tới rủ đi chơi phố. Cùng đi với Lan còn có người chú của nàng và một người bạn trai của chú Lan.

Bốn người đi bộ tới quán cà-phê ở đường Duy-Tân. Hà và

Lan uống cà-phê, còn hai người đàn ông uống la-ve. Người bạn của chú Lan mời Hà uống la-ve. Hà từ chối vì nàng không biết uống. Sau vì Lan ép quá, Hà đành miễn cưỡng cầm ly nước lên uống. Trước khi uống, nàng có nói với ba người: « Tôi uống ly này là để uống thay cho một người ở Saigon! ». Chút nước lạnh và đắng làm Hà nhăn mặt, rùng mình.

Hà thầm nghĩ: « Trong lúc mình nghĩ tới Huy, không hiểu Huy có nhớ tới mình không hay là chàng đang ngồi uống say sưa trong một quán rượu nào đó với mấy cô chiêu-dãi trẻ. »

Tim Hà chợt đau nhói khi nàng nghĩ như vậy. Hồi sáng nàng có gửi thư cho Huy. Nàng nhớ nhất mấy dòng chữ đầu tiên: « Khi xe chuyên bánh, em còn cố nhìn chung quanh xem có thấy anh tới không nhưng em đã thất vọng. Dù đã nói trước với anh là em không muốn phiền anh phải đi tiễn, nhưng lúc này không thấy anh em buồn phát khóc... »

— Kia, sao mắt Hà đỏ hoe thế?

Tiếng nói của Lan vang lên làm Hà giật mình. Nàng đã khóc

thật khi nghĩ tới Huy. Đề dấn kín tâm-tư của mình, Hà gượng cười:

— À, tại gió biển thổi về mang theo chất muối đấy!

Thấy mấy người đàn ông hút thuốc lá liên miên, Hà hỏi:

— Thuốc là đắng mà các anh hút hoài được ư?

Chú của Lan vội nói:

— Cô Hà không hiểu, trời lạnh mà hút thuốc lá thì tuyệt.

Hà nhớ tới lời nói của Huy khi nàng không muốn cho người yêu hút thuốc lá.

« Anh không ghiền thuốc lá nhưng thỉnh thoảng có một điều để hút cũng hay hay, nhất là những lúc ngồi uống cà-phê. Nếu không có thuốc lá kèm theo, ly cà-phê dù có ngon tới mấy cũng trở nên tẻ nhạt, vô vị... Nhưng em đã muốn anh bỏ thuốc lá, anh cũng xin chiều em! ».

Miệng nói vậy nhưng Huy lại mở ngăn kéo lấy bao thuốc lá rút ra một điếu châm lửa hút. Hà chưa kịp nói thì Huy đã mỉm cười tinh quái: « Anh hút một điếu này nữa thôi! »

Dù Hà đã cấm như vậy nhưng mỗi lần tới thăm Huy, nàng đã ý, ngón tay của người yêu luôn

luôn bị ám vầng vì khói thuốc. Huy đã giữ lời hứa không hút thuốc lá nhưng chàng chỉ không hút khi Hà ở bên, còn khi nàng về rồi, thì dẫu lại vào đó. Hà sợ ý khó chịu thì Huy chỉ cười trừ.

Một cơn gió lạnh thổi ủa tới làm Hà rung mình ớn lạnh. Nhìn vườn hoa lạnh lẽo, tịch mịch, Hà thấy nỗi cô-đơn của mình thêm thấm thía hơn. Hà chợt nghĩ có một lần nàng đi lang thang một mình ngoài phố. Chợt nghe có tiếng còi xe lửa hú vang, nàng mới giật mình và nhận thấy mình đang đi ngang qua cửa nhà ga Saigon. Tự nhiên Hà tạt vào guichet, bỏ ra 3 đồng để mua một vé ra sân ga.

Hà không có một người quen nào đi chuyến tàu này về ra sân ga tiến họ nhưng nàng cũng không cả thieu tại sao mình lại muốn ra sân ga để rồi băng-khuâng như thấy mình mất một cái gì khi con tàu chuyển bánh.

Những cánh tay vẫy vẫy, trao nhau giữa kẻ ở người đi làm mất Hà mờ hẳn vì ánh nước.

Hà vội vã ra về và đã khóc nhiều bữa đêm đó.

Cánh con tàu hùng hục chạy mờ dần và công-viên lặng lẽ hiện ra dưới mắt nàng.

Hà thở dài buông - khuâng rồi thân thờ quay vào phòng ngủ. Ngồi nơi bàn học, nàng thấy mình thêm được đọc lại những cánh thư của Huy gửi cho mình khi Hà ở Đà-lạt.

“... Em bảo em nghi ngờ anh khi anh nói anh yêu em ư ? Em bảo em không muốn làm cái trạm để anh ngừng lại một hai phút nghỉ ngơi rồi lại tiếp tục lên đường ? Nhưng anh bảo với em rằng, anh muốn em là cái trạm và anh là con tàu muốn đỗ lại cái trạm đó, vì đối với anh, đó là chiếc trạm chốt để cho con tàu dừng hẳn lại là vĩnh-viễn.

Một lần nữa anh nói lại cho em rõ : “ Anh yêu em ! ”

Em nghĩ sao ? ”

Nhìn những hàng chữ được gạch đứt bằng nét chì nguyên-tử màu đỏ, Hà thở dài, nói nhỏ :

— Em cũng mong như vậy, nhưng Huy ơi, em vẫn lo sợ nếu anh chỉ muốn bốn cột với tình yêu.

Ấp lá thư vào ngực, Hà nhắm mắt thì thầm :

— Dù sao, thứ bảy tới mình cũng phải đến tìm Huy. Nếu chàng có lỗi mình cũng nên tha thứ !

HOÀNG-THẮNG

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

★ THẨM-THỆ-HÀ



ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN



ĐỖ-TRỌNG-HUÊ

việt-nam
ca-trù
biên khảo

tác giả : — ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN
— ĐỖ-TRỌNG-HUÊ
tác giả xuất bản, năm 1962
trình bày bìa : Họa-sĩ TẠ-TY

Huê. Sách dày 682 trang, chia ra hai phần, mỗi phần gồm hai chương :

PHẦN THỨ NHẤT

Chương I. — Ca-trù lược-khảo.

Chương II. — Những truyện ả đào lưu-danh sử sách và các vị tiền-bối hay nghe hát.

VIỆT-NAM CA-TRÙ BIÊN-KHẢO là một tác-phẩm khảo cứu rất công phu của hai ông Đỗ Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-

PHẦN THỨ NHỊ

Chương I. — Ca-trù hợp-tuyền

Chương II. — Tiều truyện
tác giả.

Phần thứ nhất, chương I, tác giả xét về « Lược sử ca-trù. »

Theo ý tác-giả, ca-vũ của ta một phần chịu ảnh hưởng của ca-vũ Trung-quốc, một phần chịu ảnh hưởng các điệu múa hát của Chiêm-Thành và của các rợ óc những cuộc chinh-phục đời Lý, đời Trần du-nhập vào, nên tác giả bắt đầu biên-khảo « *Ca-vũ thời cổ ở Trung-quốc* » rồi mới xét đến quá trình tiến hóa của « *Ca-vũ ở nước ta* ».

Khuyết-diễm đáng tiếc là tác giả đã có công nghiên cứu về ca-vũ Trung-quốc, sao lại không nghiên-cứu về ca-vũ Chiêm-Thành và các rợ, đề cho điều nhận xét và tài liệu dẫn chứng được nhất-trí, đầy đủ ? Đã đành ở đoạn *Ca-vũ ở nước ta*, tác giả có nói đến vài nhạc khúc Chiêm-Thành (như khúc Tây-Thiên, Chiêm-Thành nhạc khúc) du nhập vào nước ta từ đời vua Thái-Tông (1044) đến đời vua Cao-Tông (1203), nhưng những

tài-liệu quá đơn-sơ ấy không cho ta hiểu được, đâu là khái-quát, nguồn gốc ca-vũ Chiêm-Thành.

Tác - giả nghiên - cứu khá công - phu về lịch - trình tiến triển của ca - vũ nước ta từ năm Thiên-Thành thứ hai đời Lý Thái-Tông (1029), năm sản-xuất ra điệu múa hát đầu tiên, đến năm 1924 đời vua Khải-Định, năm ca-vũ đã được đem trình-diễn ở sân-khẩu lộ thiên trong những vở tuồng cổ-diễn lịch-sử.

Ở *Tiết IV, Những lối ca-trù*, tác-giả chia ca-trù ra làm 3 lối chính :

1. — Hát chơi
2. — Hát cửa đình
3. — Hát thi.

Tác-giả lần-lượt khảo-cứu về 3 lối hát này với những tài-liệu dẫn-chứng thật xác-đáng. Tác-giả khéo chọn lọc thi-ca đặc-sắc của những nhà thơ tài-hoa của ta và của Trung-hoa như : Nguyễn Công-Trứ, Tam-Nguyên Yên-Đỗ, Dương-Khuê, Phan Huy-Vĩnh, Bạch-Cư-Đị, Đỗ-Phủ, v.v...

Một điều làm cho ta hơi thắc-mắc về bản dịch bài thơ

THU HỨNG của Đỗ-Phủ. Tác giả dẫn bản dịch này :

*Lác-đắc rừng phong hạt móc sa,
Vu-Sơn Vu-Giáp khí thu mờ.
Lưng trời sóng rộn lòng sông*
thắm,

*Mặt đất mây dùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn hai hàng lệ cũ,
Con thuyền buộc một mối tình*
nhà.

*Lạnh-lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành quạnh đồn châm, bóng*
ác tà.

và cho dịch-giả là Ngô-Thế-Vinh, Trong quyển THƠ ĐƯỜNG cuốn II của Trần-Trọng-San, trang 142, họ Trần lại cho người dịch là Phan Huy-Vĩnh. Đối chiếu hai bản dịch của hai tác-phẩm, ta thấy hai bản giống nhau, chỉ trừ câu thứ nhì và câu thứ năm :

Câu 2 trong V.N.C.T.B.K :
Vu-Sơn Vu-Giáp khí thu mờ

Câu 2 trong THƠ ĐƯỜNG :
Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ.

Câu 5 trong V.N.C.T.B.K :
Khóm cúc tuôn hai hàng lệ cũ,

Câu 5 trong T.Đ. :
Khóm cúc tuôn rơi dòng lệ cũ.

Vậy thì dịch-giả là ai ? Và

nguyên-văn bản-dịch nào đúng ? Trước một tài-liệu còn mờ ám, tưởng tác-giả nên đề-dặt nêu ra thành nghi-vấn chớ đừng vội xác-nhận, làm cho người đọc có thể hiểu lầm. Trên đây, chúng tôi chỉ nêu lên một thí-dụ điển-hình, chớ trong phần *Ca-trù hợp-tuyền*, còn bao nhiêu tài-liệu trích dẫn không nhất-trí với những tác-phẩm đã xuất-bản, như những bài hát nói của Nguyễn Công - Trứ, Nguyễn - Khuyến, Dương-Khuê, v.v...

Ở mục khảo về « *Hát nói* » (tr. 65, 66, 67), tác-giả chia hát nói ra làm 2 lối : *Đủ khổ, Dôi khổ* và hai hình-thức đặc-biệt *Gối hạc* và *Mưu hậu*. Đến *Tiết II, Chương I, phần nhì*, mục khảo về « *Văn-thề hát nói* » (tr. 233, 234, 235) tác-giả lại chia ra làm 3 lối : *Đủ khổ, Dôi khổ* và *Thiếu khổ*. Sự phân-loại đã không nhất-trí mà dẫn-chứng cũng không đầy đủ. Tác-giả chỉ dẫn-chứng hai lối *Đủ khổ* và *Dôi khổ*, vô tình hay cố ý đã bỏ sót lối *Thiếu khổ*. Riêng về hình-thức *Gối hạc*, tác-giả giải-thích và chứng-minh rõ-ràng, có thể giúp thêm tài-liệu cho giáo-sư và học-sinh, vì hiện nay các sách

giáo-khoa đều không đề-cập đến hình-thức này, thật là một điều lạ !

Bản về cách *Bổ-cục* loại Hát nói, tác-giả cho rằng một bài hát nói đủ khổ gồm có 11 câu, chia ra làm 6 khổ :

1.— *Khò nhập-đề* : câu 1 và 2 mở bài.

2.— *Khò xuyên-tâm* : câu 3 và 4.

3.— *Khò thơ* : hay *khò đan*, câu 5 và 6

4.— *Khò xếp* : câu 7 và 8

5.— *Khò rải* : câu 9 và 10.

6.— *Khò kết* : câu 11, tóm tắt ý kiến toàn bài.

Và tác giả dẫn chứng bài « *Gặp đào Hồng đào Tuyết* » của Dương-Khuê :

Khò Nhập-đề { 1. Hồng Hồng Tuyết Tuyết,
2. Mới ngày nào chưa biết cái chi chi.

Khò Xuyên tâm { 3. Mười lăm năm thắm thoát có xa gì,
4. Ngoảnh mặt lại đã tới kỳ tơ liễu.

Khò Thơ { 5. Ngã lãng du thì quân thượng thiếu,
6. Quân kim hứa giá ngã thành ông.

Khò Xếp { 7. Cười cười nói nói thẹn-thùng,
8. Mà bạch phát với hồng nhan chừng ái-ngại.

Khò Rải { 9. Riêng một thú Thanh-Sơn đi lại,
10. Khéo ngậy ngậy đại đại với tình.

Khò Kết { 11. Đàn ai một tiếng Dương-tranh...

Theo quyền « *Việt Thi* » của Trần-Trọng-Kim, quyền « *Việt-Nam thi văn hợp tuyển* » của Dương-Quảng-Hàm và tất cả các sách giáo khoa trung-học đệ-nhất và đệ-nhi cấp đã xuất bản, cách bố cục bài hát nói đủ khổ được các học giả và giáo-sư phân chia ra làm 3 khổ như sau :

I.— *Khò đầu* { — Lá đầu (câu 1 và 2)
— Xuyên thưa (câu 3 và 4)

II.— *Khò giữa* { — Câu thơ (câu 5 và 6)
— Xuyên mau (câu 7 và 8)

III.— *Khò xếp* { — Câu đồn (câu 9)
— Câu xếp (câu 10)
— Câu keo (câu 11)

Như bài « *Hoài nhân* » của Cao-Bá-Quát sau đây :

I.— *Khò đầu* { *Giai nhân nan tái đắc,*
Trót yêu hoa nên đan đầu với tình. { Lá đầu
Mãi tây hiên nguyệt gác chênh chênh { Xuyên thưa
Rầu rĩ lắm xuân về oanh nhớ.

II.— *Khò giữa* { *Phong-lưu tài-tử đa xuân tứ,*
Trường đoạn Tiên nương nhất chỉ thư. { Câu thơ
Nước sông Tương một dải nông sờ, { Xuyên mau
Cho kẻ đây, người đây mong mãi.

III.— *Khò xếp* { *Bút rút nhẹ, trăm đường nghìn nỗi,* { Câu đồn
Chữ chung tình biết nói cùng ai. { Câu xếp
Trót vì gần bó một hai .. ! { Câu keo

Trước những sự dẫn giải khác nhau như thế, những nhà soạn sách giáo-khoa, các giáo-sư và học-sinh biết tin nơi ai ? Thiết tưởng nếu hai tác-giả *Việt-Nam ca-trù biên khảo* chịu khó giải-thích kỹ-càng những điểm dị đồng trên, thì tác-phẩm của hai ông sẽ giúp ích nhiều hơn nữa cho độc giả trí thức lẫn học-sinh, đúng

như mục-dịch của tác-giả đã ghi rõ ở « *Lời nói đầu* » : « *Cuốn sách này còn có mục-dịch giúp ích cho giáo-khoa nữa. Các bạn học-sinh và sinh-viên, sau khi đọc sách này, nếu cảm thấy cái hay cái đẹp của văn-chương hát nói, nhận định được nguồn gốc, địa vị của thể-văn này và những tương-quan của nó với các thể-*

văn khác, thì công việc biên chép tầm-thường của chúng tôi tưởng cũng không đến nỗi vô ích ».

Ở Chương II, Phần I, hai tác-giả sưu-tầm những truyện á-đào lưu danh sử sách và các vị tiền-bối hay nghe hát. Chương này đem lại cho độc-giả nhiều thích-thú. Có truyện làm cho ta cảm động trong niềm phấn khởi như truyện *Nàng ca-nhi vì nước liêu minh*. Có truyện gieo cho ta niềm cảm-khái như truyện *Lương-thị-Huệ dùng ca-nữ đồ rượu cho giặc Minh rồi cùng tướng-sĩ Lam-sơn hạ thành Cổ-lộng*. Cũng có truyện đem đến cho ta một nguồn thí-vị đậm-dà như *Những giai-thoại phong-lưu của Nguyễn-Công-Trứ*.

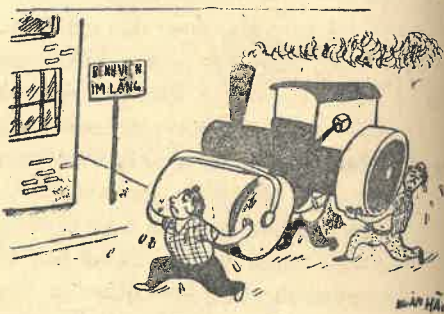
Những truyện nơi Chương này đã được hai tác giả tuyển chọn trong các tác-phẩm quý-giá mà ngày nay ta khó tìm thấy : *Lê-triều dã-sử*, *Công-dư tiếp ký*, *Tang-thương ngẫu-lục*, *Kiến văn lục*, *Thanh-hiên tiền biên tập*, *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, *Quốc-sử di biên*, *Kim-giang dật-sự v.v...*

Ở phần thứ II, Chương I, tác-giả tuyển những bài hát ở cửa đình đời Lê và những bài hát nói bằng Hán-văn và quốc-âm.

Chương này dày gần 400 trang gồm có 4 bài hát ở cửa đình, 5 bài hát nói bằng Hán văn và trên 200 bài hát nói quốc âm. Những tài-liệu đó rất có ích cho giáo-sư và học-sinh, nhờ phần hợp-tuyển ca-trù rất phong-phú, phần chú-thích rất kỹ-lưỡng, những bài thơ chữ Hán được dịch nghĩa rất uyên-chuyên, bay bướm và tài-tình.

Mặc dầu tác-phẩm **VIỆT-NAM CA-TRÙ BIÊN-KHẢO** vẫn còn vướng vài khuyết-diểm nhỏ — điều không thể tránh khỏi ở bất cứ một tác phẩm nào — ta vẫn phải công-nhận giá-trị thiết-thực của nó về phương-diện lịch-sử, văn-chương cũng như về phương-diện giáo-khoa, ngôn-ngữ-học. Đó là phần thưởng khích-lệ tinh-thần cho hai nhà soạn-giả họ Đỗ vậy.

THẨM-THỆ-HÀ



Tôn trọng kỷ luật



★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 91)

Tôi muốn đề nghị với các bạn : chúng ta hãy nán lại hơi lâu-lâu một tý trong năm 1924. Tôi muốn phác họa bức tranh sinh-hoạt của xã-hội Việt-nam, và riêng của thanh-niên, trong năm này với nhiều chi-tiết nữa, về các phương diện tinh-thần và vật-chất, đề rồi sang năm 1925 chúng ta sẽ chứng kiến một cuộc đổi thay toàn-diện, do một vài yếu-tố chính-trị gây ra một cách bất ngờ. Các bạn sẽ thấy năm 1924 chấm-dứt một giai-đoạn của Lịch-sử Việt-nam, và đồng thời cũng chấm dứt một thời niên-thiếu của thế-hệ chàng trai đất Việt mà sau này người ta sẽ gọi là **Thế-hệ Thanh-niên 1925**. Thế-hệ này sẽ đóng một vai trò rất quan-

trọng trong Lịch-sử dân-tộc cho đến năm 1945... và 1955.

1924, sự tiếp-xúc với người Pháp ở toàn cõi Việt-nam, trên phương diện chính-trị cũng như xã-hội, đã được bình-thường, sau 8 năm thái-bình an-lạc, kể từ cuộc thất bại gần như âm-thầm của phong trào Duy-Tân tháng 5 năm 1916.

Thời-kỳ 1918-1924 là thời-kỳ an-ninh nhất trong lịch-sử đô-hộ của Pháp ở khắp ba cõi Nam-Trung-Bắc kỳ, và người Pháp thường hãnh-diện cho là thời-kỳ « Thái-bình của Pháp, nhờ nước Pháp tạo nên », họ gọi là « *La Paix française* ».

Năm « xứ » Đông-Dương do họ cai-trị, gồm có Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Ai-lao, Cao-miên,

họ gọi là « *Indochine française* » và được dịch ra danh từ chính thức là « *Đông-Pháp* ». Uy tín của người Pháp ở đây lúc bấy giờ thật là lớn-lao, địa-vị của họ rất là bền vững, xét bề ngoài hình như không có sức mạnh nào làm lung-lay nổi uy-quyền của họ.

Lá cờ Pháp với ba màu nổi bật, bay rực-rỡ một mình trên ngai bá-chủ, ngự-trị khắp cõi bờ thuộc-địa, uy-nghĩ trên các thành quách lâu đài, phất phới trên mái nhà tranh nhà ngói...

Việt-Nam không có cờ, bởi lẽ rất dễ hiểu là không có nước Việt-Nam. Chỉ riêng xứ Trung Kỳ có lá cờ của Nam-Triều, nền vàng với một miếng cờ Pháp chiếm một góc trên, bên trái, nhưng cờ này chỉ treo nơi cửa Ngọ-Môn ở Huế và tại các tỉnh đường mà thôi. Dân chúng không một ai treo cờ Nam-triều, (cũng có chỗ gọi là *cờ An-Nam*; có nơi gọi là *cờ Khai-Định*). Từ 1932, cờ này đổi lại cờ mới, kiểu khác, dân chúng gọi là *cờ Bảo-Đại*). Và lại không ai bắt buộc phải treo « *cờ An-Nam* » cho nên không ai may cờ ấy làm chỉ cho tốn vải, vô-ích ! ở Nam-

Kỳ, chỉ treo cờ Pháp, mà dân-chúng thường gọi là « *Cờ Tam-Sắc* ». Ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, gọi là « *cờ Tam-Tài* ».

Trở Tuần có hỏi vài ông Tư nhà Nho tại sao gọi là « *cờ Tam-Tài* », các cụ giảng nghĩa : « *Cờ Đại Pháp gồm cả Thiên-tài, Địa-tài, Nhân-tài, nên gọi là cờ Tam-tài* ». Tuần hỏi ai đặt ra danh-từ ấy, thì các cụ chịu thua. Một cụ Cử trả-lời bông-lông : « *Chắc là có một ông Quan An-Nam nào đặt ra như thế, đề Quan Tây vui lòng* ». Một vài ông Giáo-sư Tây-học lại trả lời cho Tuần như sau đây : « *Màu xanh là tượng-trưng nền da trời, cao-siêu tột bậc. Màu trắng là trong sạch, tinh-khiết, quang đại vô biên. Màu đỏ là rực-ỡ như vầng Thái-dương rọi khắp hoàn-cầu* ». Nhưng Tuần tò-mò, ham học hỏi, muốn biết đến nơi đến chốn, bèn hỏi thẳng một người Pháp, ông Ch..., giáo sư Sử-ký. Ông này giảng rõ-ràng cho Tuần nghe : « *Lá cờ ba sắc của Pháp có từ hồi khởi cuộc Cách mạng 1789. Lúc bấy giờ nước Pháp hãy còn là một nước quân chủ chuyên-chế, lá cờ của nhà vua là màu trắng ; dân chúng Paris*

nổi dậy đòi nhà vua phải chia-sẻ quyền-hành cho dân, và sau khi phá ngục Bastille, đòi vua phải triệu-tập một hội-nghị nhân-dân. Chính trong Hội-nghị ấy, nhà lãnh-tụ La Fayette đề-nghị bỏ lá cờ trắng có hoa huệ (*Drapeau blanc fleurdelisé*) của vua mà thay vào cờ 3 sắc, xanh-trắng-đỏ. Hai màu xanh và đỏ là màu cờ của dân-chúng thủ đô Paris, kèm hai bên màu trắng của vua. Lá cờ tam sắc được dân chúng hoan-hô nhiệt-liệt và từ đấy được coi là cờ cách-mạng. Đến khi tòa án nhân-dân giết Vua và Hoàng-hậu, lập chính thể dân-chủ, lá cờ tam-sắc vẫn được chính-thức nhìn nhận là lá cờ của Cộng-Hòa, Pháp-Quốc, lá cờ của Nhân-dân Pháp ».

Tuần nghe ông giáo-sư Pháp giảng rõ lịch-sử lá cờ tam-sắc, liền nhớ lại những lời giảng quá văn-chương triết-lý của mấy cụ nhà Nho và mấy vị giáo-sư « *An-Nam* ». Tuần nghĩ rằng các ông ấy chỉ muốn đề-cao nước Pháp, và chính những kẻ nào đã đặt ra danh-từ « *cờ tam tài* » cũng chỉ có mục-đích nịnh-bợ người Pháp, không cần căn-cứ đúng trên ý-nghĩa lịch-sử chân-chính của nó.

Trừ các nhà cách-mạng Việt-nam đã đi ở tù, hoặc bị đày nơi xa, (như đã nói ở một chương trên) còn hết thầy các người trí-thức Nho-học và Tây-học mà trò Tuần được dịp tiếp-xúc, học hỏi, đều khen Tây và « *phục Tây sát đất* ».

Như thế, xét về tình hình toàn diện đến cuối năm 1924, thì quyền bá chủ của người Pháp ở Đông Dương đã được mặc-nhiên công-nhận. Không ai chối-cãi rằng nước Pháp quả thật văn-minh tiến-bộ về khoa-học hơn nước ta nhiều. Một số người trí-thức Tây-học đã không ngần-ngại, trong sách báo cũng như trong các bài diễn-thuyết trước công-chúng, tán-dương vai trò lãnh-đạo của nước Pháp, mà họ hãnh-diện suy tôn là « *văn-minh bậc nhất hoàn-cầu* ». Nhiều nhà Báo kỳ-cựu ở Nam-kỳ thuộc về hàng thượng-lưu và trung-lưu văn-thường nói : « *Thầy Đại-Pháp của chúng ta* », các nhà Nho-học và Tây-học ở « *Trung-Bắc lương kỳ* », lại ưa dùng những danh-từ mới, — mới đặt ra trong thời-kỳ ấy —, những danh-từ rất thịnh-hành mà người ta thường gặp luôn trong các sách, báo và

các bài diễn-văn như : *Khai-hóa, đước văn-minh, mẫu-quốc, Nhà nước Bảo-hộ, Quan Thầy Đại Pháp*, v.v...

Trò Tuấn thường đọc trong sách báo những câu đại-khái như : « *Nhà-nước Đại-Pháp đến khai-hóa cho dân An-nam* »... « *Dân An-nam ngày nay đã văn-minh tiến-bộ, ta phải nhớ đến công-ơn Thầy Đại-Pháp*... » v.v... và v.v...

Nhiều người « *lý-sự* » nhất trong tỉnh, những « *tay ăn-nói cừ* » nhất, thuộc về hạng Trung-lưu, nếu không đua nịnh người Pháp, thì cũng cho rằng người Pháp cai-trị xứ An-nam là một việc dĩ-nhiên, không đem ra làm đề tài mớ-xẻ, chỉ-trích, phê-bình gì nữa cả.

Duy có tụi thiếu-niên học-sinh là ngây-thơ chưa biết gì. Chính là học-trò trường Nhà-nước, học chữ Tây đã khá, nói tiếng Tây đã trôi-chảy, viết chữ Tây đã thông thạo văn-phạm, và đã biết diễn tả những câu văn-hoa bóng-bẩy, chính bọn trai trẻ An-Nam đang được thấm nhuần văn-học và khoa-học tiến-bộ của Pháp, lại có những nhận-xét khác hơn người lớn. Một vài việc mà Tuấn cũng như các bạn cùng

thế-hệ hoa-niên, được mắt thấy tai nghe rõ-ràng, đã gieo trong đầu óc của các trò một vài ý-nghĩ không tốt đẹp gì cho người Pháp cả. Đại-khái như việc ông Gabriel, Giáo-sư Toán, đã chửi người An-nam là « *giống dân bần-thù* » — *Sale Race* — là « *bọn dã-man* » — *Sauvages* — đã gây trong tâm-trí các trò một mối căm giận ngấm-ngấm, không dám thổ-lộ. Hoặc-giả như vụ ông Quan Ba tàu *Orénoque* đã bày ra trước mắt Tuấn và mấy đứa bạn, một « *trò chơi* » kỳ-quái, ngoài sự tưởng-tượng của tụi thiếu-niên học-sinh.

Một buổi chiều ngồi hóng gió trên bãi biển Qui-nhơn, Tuấn nhắc lại vụ kia với mấy đứa bạn, rồi phê bình : « *Thế thì người Pháp rất văn-minh cũng có những cái rất dã-man đấy ! Những kẻ nịnh Tây, thờ Tây, có lẽ chỉ thấy bề mặt của Tây mà không thấy bề trái của Tây...* »

Đó là một vài ý-nghĩ giản-dị của các cậu học-trò đã được tiếp-xúc gần-gũi với Tây.

Biết bao nhiêu người Pháp đã làm cho Tuấn thần-phục Văn-chương, Tư-tưởng, Triết-lý, Khoa-học của Pháp ! Tuấn đã

nghiên-ngẫm say-mê những tiểu-thuyết hấp dẫn của Bernardin de St. Pierre, của Lamartine, Chateaubriand, Alphonse Daudet, những bài thơ bất hủ của Victor Hugo, Théophile Gauthier, André Chénier, Alfred de Musset, những bản kịch thâm-thúy, cao siêu, xúc động, của Corneille, Racine... những thuyết-minh khoa-học, Y-học của Lavoisier, Pasteur... những cử-chỉ anh-hùng, những danh-ngôn thâm-thúy, của Danton, Mirabeau, La Fayette, Napoléon...

Còn biết bao nhiêu, bao nhiêu những danh nhân khác nữa, mà Tuấn đã học hỏi say-mê trong các sách Giáo-khoa Pháp của lớp Đệ-nhất niên !

Ấy thế mà chỉ có **vài** người

Pháp, một giáo-sư Toán chửi Tuấn là « *giống An-Nam như bần* », « *người An-nam mọi-rợ* », và một viên Quan-Ba tàu thủy cời trần truồng bảo mấy đứa học trò cầm roi đánh vào mông đít và xoa muối ớt lên những lằn roi rớm máu, hai người Tây điển-hình ấy đã làm cho Tuấn tự-nhiên mất hết nhiều lòng yêu chuộng say-mê của Tuấn đối với cả một nước Pháp đầy rẫy những danh-nhân vĩ-dại !

Tuấn, thiếu-niên nước Việt, tâm hồn còn ngây-thơ, trong-trắng, đã bắt đầu nhìn thấy một vài khía-cạnh thực-tế « *khả-ố* » « *khả-bĩ* » của nước « *Đại-Pháp* » văn-minh oai-vệ kia !

(còn nữa)



* KHÔNG THỂ LÁI THẺ

Một ông trọc hủ, gần đất xa trời, cho gọi anh tài xế trung tâm đã hầu hạ ông bấy lâu nay, đến bên giường bệnh, cầm tay anh ta và nói trong hơi thở phì phào rằng :

— Chú ba... ơi, tôi sắp... đi một chuyến... thật xa đấy, trên .. con đường gay go... hơn hết thấy... các con đường... chú đã... đưa tôi đi... từ bấy lâu nay

Anh tài xế, vì mặt rầu rầu, an ủi :

— Dạ tiếc quá, tôi không thể lái thế cho ông được... nhưng, không hề gì ông ạ, con đường ấy toàn là đồ dốc cả, tôi đã coi thẳng cần thận rồi và ông cũng khỏi mệt công sang số...



« CÁ - CẬP »

TÔI ít mua vé sô kiên-thiết, vì tôi tin theo sô Tử-Vi của tôi không bao-giờ được của toạnh-tài. Tôi phải làm ra tiền với mồ-hôi nước mắt. Tôi phải kiên-thiết đời tôi bằng nước mắt, mồ-hôi.

Nhưng bạn tôi lại ham mua Vé sô Từ khi sông bạc Kim-chung bị đóng cửa, anh vẫn còn máu me cờ-bạc, muốn đặt 1 trứng 10, bỏ 10 hột 100. Huống chi mua vé sô kiên-thiết, bỏ 10. — à quên, bỏ 12 — có thể trúng 100, hoặc 500 5000, 10.000 cho đến 1 triệu ! Say-sưa « chơi vé sô », anh triết-lý với tôi rằng đây là một môn thể thao mê-ly. Tôi nhắc đúng câu bạn tôi nói bằng tiếng Anh : « It's a very passionate sport ! »

O. K. ! Nhưng tôi bảo bạn tôi : « Tôi không thích Thể-thao chợ đen. » Bạn tôi bắt chước thằng Ngọng trong truyện « Lợi-Ngược », trỏ mắt hỏi tôi : « Thề nà thề nào ? »

Tôi cười, cười, cười...

Bạn tôi cũng cười, và bảo : Anh cười sặc-sụa 3 tiếng, giồng hệt Vé sô kiên-thiết từ nay có 3 chữ A AAA, BBB, v.v...

Tôi ngắt lời bạn tôi : « Còn hơn Brigitte Bardot một chữ B ! » Bạn tôi đang hút pipe, phì ra một đụn khói đen ngòm, rồi tiếp tục triết-lý :

— Tại anh không chơi cá-cập, nên không thấy cái thú bao-la hấp-lân của nó. Trước kia, chưa có Luật bỏ tù những kẻ bán vé sô chợ đen, tôi vẫn mua mỗi vé sô 11đ. Ngay hôm các báo đăng đạo Luật mới ban hành ấy nơi trang

★ TÂM-TRÍ

BỨC TRANH VĂN CẦU

nhất, tôi được diễm-phúc mua mỗi vé sô 10đ. Tôi hạnh diện bảo vợ tôi : « Nước Việt-nam ta thật lành-mạnh rồi, em ơi ! » Vợ tôi cũng gật đầu đồng ý. Nhưng sáng hôm sau, giá vé sô lại trở lên 11đ. Tôi thăm trách các báo, nhưng tôi vẫn vui lòng mua vé sô 11đ. Ba hôm sau, tôi cũng vui lòng bỏ ra 11đ mua thêm một vé sô nữa. Nhưng cô hàng bán vé bảo tôi :

— « Thấy Hai cho em thêm 1đ nữa. »

— 12đ ? — Dạ. — Tại sao thế ? — Dạ, tại vì bây giờ vé sô lên giá 12đ.

Tôi mua 2 vé, vì vợ tôi dẫn tôi mua 2 vé.

Vé sô có hai series A và AA. Tôi mua một vé A và một vé AA thành một cặp in trùng một hàng sô. Vì vợ chồng tôi tâm-đầu ý-hợp, làm gì cũng giồng nhau.

Tôi trả tiền 2 vé 24 đồng. Cô hàng tùm tùm cười, bảo : « Xin Thấy Hai cho thêm một đồng nữa. » — Ủa ! tại sao thế ? — Dạ tại Cá-cập 25đ lận, Thấy Hai mua giùm em.

— Mua cô ? A, xin lỗi, cô cũng « cá-cập » nữa sao ?

Cô hàng mặc cở đồ bưng đôi má, nhưng câu nói đùa của tôi vẫn không làm mất giá vé sô cá-cập, nhất định hai vé 25đ.

Thế rồi bây giờ vé sô ra thêm ba chữ : AAA, BBB... Hơn Brigitte Bardot 1 chữ B, như anh vừa nói ban nãy, Thề là bắt đầu từ 1 tháng 10 năm 1962, tôi sẽ vui lòng mua mỗi vé sô là 13\$, 3 vé sô « cá-cập », hay « cá-ba » là 35\$00.

— Anh tính sai rồi.

— Thề nà thề nào ?

— Trước kia, vé sô có 2 chữ A, anh mua 2 vé thường là 24\$ và 2 vé cá-cập là 25đ phải không ?

— Ừ, phải.

— Thề thì bây giờ anh phải mua 3 vé thường là 36đ, và 3 vé « cá-cập », hay « cá-ba » là 37đ50 chứ bộ !

— OK. It's a very passionate sport !

Thật là một môn thể-thao mê-ly...

TÂM-TRÍ

tình xuân

★ TRẦN - TUẤN - KIẾT

Còn em đón đợi trăng nồng,
Con đường hoa cải gió đồng vi-vu.
Mùa chim xuân hội rộn xao,
Trên bèo bạc nước bến nào phiêu du.
Cuộc đời sóng vỗ luân-lưu,
Trần gian bờ bãi hầu như mơ màng.
Khoát vai màu lụa ửng vàng,
Ru em ngủ dưới lau ngàn sương pha.
Về khuya mây thấp mái nhà,
Ái ân buốt lạnh trăng tà chơi vơi.

muốn quên

★ CHIỀU - THIÊN - THƯƠNG

Tiếng ai hát ngoài ngõ
Nghe buồn như cô-đơn
Cục đầu mình muốn ngủ
Mặc đời mang túi-hồn
Ngồi lắng nghe lòng nhủ
Về che phủ chiếu-chăn
Ôm hôn lên chơi mộng
Tìm nơi gửi tình-thần
Dàn tim ngân êm-địu
Buông xuôi niềm bán-khoăn
Máu lạnh chảy về nguồn
Bạc màu xa mái tóc
Thời-gian là đêm trường
Thấy đầu mằm cô-độc
Bóng đầu mà yêu-thương
Đường dài trong gang-tấc
Vũ-trụ khép đen ngòm
Mịt-mù trùm khoảng vắng
Danh-lợi toàn tay trơn
Tương-lai cùng đi-vãng
Chơi-vơi vào cõi không

cô đơn

Toute poésie est l'expression d'une solitude
François Mauriac

Mưa đêm rả rích
Từng hạt nước rơi rơi
Âm thanh buồn áo nào
Mái nhà tranh dệt nát, ướt áo thân gầy
Gió thổi lạnh lạnh
Ánh đèn dầu leo lét chập chờn
Buồn cho mình mãi kiếp cô đơn...

Đêm nay,
Ngồi đây,
Lặng nghe mưa rơi đây
Mình ngỡ lòng mình đang thồn thức.

Một hạt mưa, hai hạt, ba hạt
Một giòng nước mắt, hai giòng, ba giòng
Tuôn xuống má
Đôi bàn tay gầy guộc
Quờ quạng trong đêm thâu
Mái tóc dài rũ xuống dáng âu sầu
Đôi mắt huyền mở rộng
Cặp môi hồng mấp máy :
« Ước gì mình đừng nghĩ ngợi suốt đêm nay ! »

★ HỒNG-KHẮC-KIM-MAI
(Đài-Trang — Đà-Nẵng)

nhân anh

Một sớm thu về trên nẻo cũ
Buông-khuông buồn nghĩ chuyện ngày xưa
Nhớ ai tâm sự bên hè vắng,
Biết mấy sầu thương buổi tiễn đưa.

Chiều ấy phi trường chật lối đi
Em buồn đưa tiễn ướt hoen mi
Người đi mấy dặm xa xôi quá
Sương tỏa chiều rơi « cánh quạ » mờ !

Đã bốn thu rồi hoa lá rơi.
Dặm trường doi-doi tiếng ly bôi
Thời gian nghiêng ngửa bên sườn núi
Anh ở trời Âu chắc biết rồi ?

Mỗi một dòng thơ một tắc lòng
Gửi người anh mến một hoài mong
Xa xăm giá lạnh ghé anh nhĩ ?
Đêm phủ trời khuya nhớ đắp bông.

★ VƯƠNG HUYỀN TRANG (K.H.)
(Gia-Định)

tổng động viên, mỗi công-dân từ 33 đến 40 tuổi, hoặc từ 41 đến 48 tuổi, hoặc lớp trẻ từ 20 đến 32 tuổi, tùy theo tình thế hòa-hoãn hay trầm-trọng, sẽ trở thành binh-sĩ, sẵn-sàng ra biên giới để bảo-vệ Đất-đai. Mặc binh-phục có sẵn ở nhà, mỗi công-dân binh-sĩ liền chạy tới các đồn trại đã có ghi sẵn trong giấy, để cùng với đồng đội trong đơn-vị của mình, hợp thành đoàn-ngũ, thi-hành phận-sự. Cùng một lúc, Hội-đồng Liên-bang chỉ định một vị Đại-tướng Tổng-Tư-Lệnh và một vị Tổng-Tham-Mưu-Trưởng, rồi các vị này để cử các cấp bậc chỉ-huy.

Theo cô bạn Suisse cho chúng tôi biết, trong thời bình người công-dân đàn ông nào từ 20 tuổi, cũng phải trải qua một thời-kỳ huấn luyện quân-sự, nhập vào mỗi ngành tùy theo khả-năng mỗi người.

Thỉnh-thoảng lại có cuộc tập dượt toàn-thể, và tất cả công-dân mỗi *Tổng*, hay mỗi Thành-phố, đều phải tham-gia. Cuộc diễu binh trong ngày Quốc-Khánh 1-8 mà chúng tôi được hân hạnh chứng-kiến, gồm

toàn những công-dân binh-sĩ tình-nguyên, chứng tỏ rằng trong Thời Bình nước Suisse không có binh-lính thường-trực, nhưng nếu có chiến-tranh thì toàn thể nhân-dân kết thành một Quân-đội anh-dũng mà lực-lượng hùng-cường có đủ khả-năng bảo-vệ Đất Nước, chống lại kẻ thù.

Quân-đội tham-gia cuộc diễu binh này nào có kém quân-đội nước khác. Họ cũng sử-dụng đầy đủ các khí-giới tối-tân, Lục-quân và Không-quân, đủ các đơn-vị. Nhưng hết cuộc diễu binh, qua hết ngày Quốc-Khánh, thì bộ-đội hùng-mạnh này tự-nhiên biến mất! Họ đã trở về nhà làm công-dân, cỡi binh-phục xếp cất trong tủ, mặc quần-áo thợ-thuyền, hoặc công-chức, tư-chức, kỹ-nghệ-gia, thương-mãi, trạng-sư, bác-sĩ, giáo-sư, kỹ-sư, văn-sĩ...

Sau ngày Quốc-Khánh, phô-trương lực-lượng nhân-dân quân-sự bảo-vệ biên-thùy, nước Suisse trở lại một quốc-gia hòa-bình, thơ-mộng, độc-đáo trên Thế-giới.

Sự yêu chuộng Hòa-bình của Dân-tộc Suisse, và tính-



cách trung-lập tuyệt-đối của quốc-gia Suisse đã được toàn-thể thế-giới tôn-trọng, cho nên ngay hồi Thế-giới Đại-chiến 1939-45 Hitler cũng không bao giờ dám nghĩ đến chuyện xâm-lăng nước Suisse hoặc kéo quân đi ngang qua Suisse.

Khi Jane và tôi hỏi cô bạn Suisse: « Tại sao phụ-nữ Suisse không tham-gia việc nước, không đòi quyền bầu cử, ứng cử, không kêu gọi Nam-nữ bình quyền? »

Cô bạn Suisse mỉm cười:

— Để chi vậy? Chúng tôi, phụ-nữ Suisse, đã sung sướng với tình-thế hiện tại, với sự tự-do hoàn-toàn, với sự vui sống trong Thái-bình an-lạc. Không ai đề nện chúng tôi. Không ai khinh rẻ chúng tôi. Không ai cướp hạnh phúc của

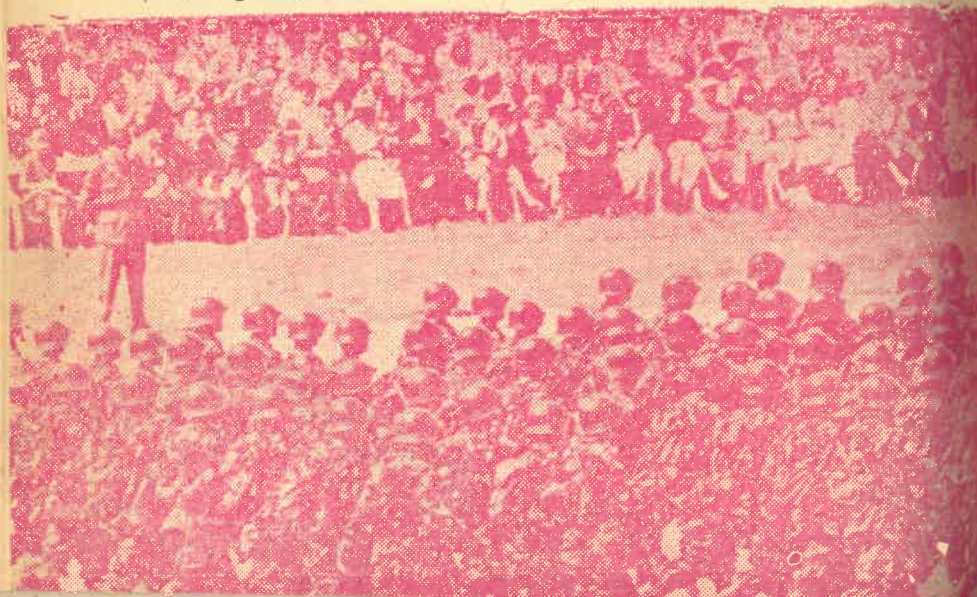
chúng tôi. Như thế, tranh đấu làm chi? Tại sao các bạn lại muốn thấy phụ-nữ Suisse ra tranh giành với đàn ông những công việc mà chính họ thích làm giúp cho chúng tôi?

Ngày Quốc Khánh 1-8 ở Berne, thủ-đô nước Suisse. Trong khi đàn ông làm binh-sĩ mặc chiến-phục đi biểu-diễn, phụ-nữ ngồi trên khán-đài hân-hỉ diện thầy chồng, cha, chú, bác, anh em của họ bước đi hùng-dũng, hiên ngang... không thua gì một đoàn quân chuyên nghiệp!

Thăm xứ Thụy-ĩ, chúng tôi nhận lãnh được một bài học quý-báu của một Dân-Tộc đã biết lựa chọn Hòa-bình — Tự-do — Tình-ái.

LÊ-THỊ-ĐÌNH

(Genève 9-1962)



Mình đi!

— Sẽ có Thế-giới Chiến-tranh vì vụ Cuba không?

— Mình trả lời kỳ-cục quá! Lúc Mình nói là « không chắc » lúc Mình nói là « chắc không ». Rút cuộc là *chắc*, hay *không chắc*?

— Chắc không.

— Thôi, em không đùa với Mình nữa đâu, nhen! Mình trả lời rõ ràng cho em hiểu đi chứ!

— Thì anh đã trả lời rằng: không chắc. Nghĩa là chắc không. Là chắc không có chiến tranh Thế-giới vì vụ Cuba. Rõ-ràng như thế, còn rõ cách nào nữa. Đó là ý-kiến riêng của

K HÔNG!

— Chắc không, hà Mình?

— Không chắc.

— Nghĩa là thế nào?

— Nghĩa là chắc không.

anh. Còn muốn chắc hơn nữa thì em chịu khó hỏi ý-kiến hai ông K.

— Hai ông K là ai?

— Ông Kennedy, Tổng-thống Mỹ, và ông Krouthchev, chúa-tể Nga-sô.

— Em muốn biết ý-kiến của ông Tú này thôi nê!

— Kể ngu-sĩ này thì tin rằng sẽ không có chiến-tranh giữa Nga và Mỹ vì một hòn cù-lao của Fidel Castro.

— Chắc không?

— Chắc không.

— Sao em đọc báo thấy tình-hình thế-giới coi bộ bagay quá! Minh giảng cho em nghe tại sao không có chiến-tranh, để em bớt sợ, kéo em cứ phập-phồng hoài.

— Em sợ gì dữ vậy?

— Em sợ chết vì bom Nguyên-tử, Minh ơi! Phên này nếu có chiến-tranh, chắc họ ném bom Nguyên-tử lung-tung!

— Em đừng lo... Năm nay em mấy tuổi nhĩ?

— 27.

— Em tha lỗi cho anh nhé. Anh cứ quên hoài, tại lúc nào anh cũng cứ tưởng là em mới có 18 tuổi... thế thì em sinh

năm 1935, và hai trái bom Nguyên-tử thả lần đầu tiên trên Trái đất lúc em 10 tuổi... Em vẫn sống từ bây đến nay, và suốt 17 năm trời không có năm nào là không có chiến-tranh, hoặc nơi này, hoặc nơi nọ. Ngay như bây giờ chúng ta đang sống trong chiến-tranh, và chắc chắn chúng ta còn sống mãi trong chiến-tranh... Chính ông John Foster Dulles, cô Ngoại-trưởng Mỹ, đã viết trong quyển sách « War or Peace » của ông, xuất bản ở New-York năm 1957: « Today we live, and I fear for long shall live, under the shadow of war... »

— Nghĩa là gì, hả Minh?

— « Hiện giờ chúng ta đang sống, và tôi sợ sẽ còn sống lâu nữa, dưới bóng của chiến-tranh... »

— Như thế thì có chiến-tranh, sao lúc này Minh nói không có?

— Có mà không có. Không có mà có. Bởi vì chúng ta đang sống ở thời-đại mâu-thuân, mọi việc đều trái-cự, cho nên chúng ta phải hết sức điềm-tĩnh, đừng quá bi-quan, chớ quá lạc-quan. Đừng thầy yên-ôn đây mà vội tưởng là hòa-

bình, cũng như nghe súng bắn, lựu-đạn nổ, chớ tưởng rằng đó là chiến-tranh thật sự.

Thế-giới đang bị, và sẽ còn bị, chưa biết bao giờ mới thoát khỏi, cái ám-ảnh của chiến-tranh; sự hăm-dọa của chiến-tranh nguyên-tử đang đè-nặng trên mặt Địa-cầu, và sẽ còn đè-nặng chưa biết bao giờ mới hết, nhưng xét kỹ cuộc diện chính-trị hiện thời giữa hai khối Nga-Mỹ, thì chúng ta có thể hy-vọng rằng Thế-giới Đại-chiến thứ 3 của Thế-kỷ XX, và chắc chắn sẽ là chiến-tranh nguyên-tử, sẽ không xảy ra nay mai.

— Không nay, mai; thì... một?

Ông Tú cười:

— Một cũng chưa đâu. Không có thần-thánh nào biết trước được ngày nào chiến-tranh sẽ bùng nổ, nhưng căn-cứ theo những dữ-kiện chính trị và binh-bị hiện tại của hai lực-lượng hùng-hậu nhất trên Thế-giới, là Mỹ và Nga, người ta có thể tin-tưởng rằng Đệ-tam Thế-chiến sẽ còn tránh được lâu ngày. Có lẽ 10 năm nữa, 15 năm nữa chẳng, có lẽ sớm hơn hoặc chậm hơn năm

ba năm, nhưng chưa có thể có được trong một tương-lai gần đây.

— Tại sao, hả Minh? Vì những lý-do gì chiến-tranh Thế-giới chưa xảy ra được? Minh giải thích rõ-ràng cho em nghe đi. Chứ em đọc báo thấy Nga-Mỹ hăm dọa chiến-tranh, em cứ lo-lo là! Em nói thật cho Minh biết, em không phải là người đàn-bà nhát gan đâu, nhưng từ hôm hai ông Kennedy và Krouthchev soạn chiến-tranh, trái tim của em cứ kéo còi báo-động mỗi ngày.

— Chúng ta cần phải tìm hiểu đích-xác cái tâm-lý của những kẻ hiện đang nắm trong tay cả vận-mệnh của loài người, và thực-tế các động-cơ chính-trị chủ-hòa hay chủ-chiến.

Chúng ta biết rằng cuộc Đại-chiến toàn-diện khắp mặt Địa-cầu từ 1940 đến 1945 là hai khối Dân-chủ và Cộng-sản hiệp-lực nhau lại chống Độc-tài Phát-xít Đức-Y-Nhật. « Trục » phát-xít bị gậy, lực-lượng quân-phiệt Hitler — Mussolini — Tojo vừa bị tiêu tan trong khói lửa thì hai phe

« Đông-Minh » thắng trận, là Dân-chủ và Cộng-sản, vội quay lại đương-đầu với nhau, từ « bạn » đổi ra « thù ».

Thay vì sau khi ca khúc khải-hoàn thê-giới hăng-hái bắt tay nhau xây-dựng Hòa-bình, Tự-do, Hạnh-phúc, hai đại cường-quốc lãnh-tụ hai khối người và hai khối lý-tưởng tương-phản nhau, lại chuẩn-bị một cuộc Thê-chiến thứ ba. Xét đúng ra, các cường quốc Dân-chủ vẫn ưa chuộng hòa-bình hơn, nhưng Nga-sô lại đeo-đuôi mục phiêu cách-mạng Cộng-sản và quyết dùng mọi phương-tiện, chính-trị, ngoại-giao, binh-bị, cả khoa-học nữa, — để làm bá-chủ Hoàn-cầu. Cờ nhiên là các cường-quốc Dân-chủ cũng triệt-để khai-thác chính những phương-tiện ấy để đòi-phó lại. Do đó, đã phát khởi ra các trận « Chiến-tranh nguội » làm khó-khăn và trở-ngại cho chính-sách gây ảnh-hưởng và có mục đích cô-lập-hóa đôi thù.

Chiến-tranh nguội (Cold War) đã diễn ra thường-xuyên dưới hai hình-thức mới nghe qua thì hình như mâu-thuẫn, nhưng kỳ-thực vẫn cùng một mục-phiêu : 1, là cuộc « phản-

công hòa-bình » (*Peace Offensives*) ; 2, là chiến-ranh địa-phương.

— « Phản-công hòa-bình » là sao, hả Minh ? Hai danh-từ, em nghe sao như trái-ngược nhau vậy ?

— Nghĩa là hô-hào Hòa-bình, cổ-xúy lập-trường hòa-bình, nhưng sự thật là dùng chiêu - bài hòa-bình để dễ chuẩn-bị chiến-tranh. Mặc dầu các cường-quốc Tây-phương tuyên-bồ loại trừ chiến-tranh ra ngoài vòng pháp-luật, « Outlaw War — La Guerre hors-la-loi » và Nga-sô thúc đẩy mạnh-mẽ phong-trào hòa-bình khởi điểm từ bản Tuyên-ngôn Hòa-bình Stockholm (*Manifeste de Stockholm*), hai khối địch vẫn ráo-riết dự-bị và phòng-thủ chiến-tranh. Sự thật thì chiến-tranh đã xảy ra tại một vài địa-phương và đã gây ra tai hại vô-số, như các cuộc nội-chiến ở Hy-Lạp, Cao-Ly, ở biên giới Iran, cuộc chiến-tranh Việt-Pháp ở Việt-Nam, nội-chiến Cuba (Fidel Castro và Batista), đều là những trạng-thái khác nhau của chung một vấn-đề : xung-đột Nga-Mỹ, hay là xung-đột giữa hai khối « Đông-phương » và « Tây-phương ».

— Còn « Sống chung hòa-bình » là sao, hả Minh ?

— Sống chung Hòa-Bình (*La Coexistence pacifique*) chính là một chiến-lược của « Phản-công hòa-bình » do Cộng-sản đưa ra để cô-lập-hóa nước Mỹ, để bứt vây-cánh của phe Dân-chủ Tây-phương, để trung-lập-hóa những địa-diểm mà Nga xét thấy vị-trí rất quan-trọng về phương-diện chiến-thuật của họ. Nhưng ở đây họ thu thắng-lợi được một phần nào thôi, vì hầu-hết các nước chủ-trương Trung-lập, hoặc Sống chung hòa-bình, vẫn còn phải nhận viện-trợ của Mỹ và vẫn ủng-hộ lập-trường của Mỹ trong các vấn-đề trọng-đại mà họ thấy rõ nguy-cơ « sống chung hòa-bình » với phe Cộng-sản. Đây là trường-hợp các nước Yougoslavie, Egypte, Indonesia, Cambodge, Laos, v.v... Trái lại, ông Nehru, là một thủ lĩnh có uy-tín nhất của khối Trung-Lập, luôn luôn giữ nước Ấn-độ trong cuộc sống chung hòa-bình với hết thấy hai phe Dân-chủ và Cộng-sản, thì đã thấy chính-sách ấy hoàn toàn thất-bại. Người bạn Trung-cộng « sống chung hòa-bình » với ông trên mười mấy năm nay, và được ông ủng-hộ nhiều phen tại Hội-đồng Liên-

hiệp-Quốc, bỗng dưng ngày nay đem quân đến xâm-lãng vào biên-giới của nước ông. Năm nguyên-tắc « Sống chung hòa-bình » của ông Nehru đã bị phá-sản, chính cũng là một thất-bại của chiến-thuật « Phản-công hòa-bình » của Nga xô Nhìn gương Ấn-Độ, những nước nào còn chủ-trương « sống chung hòa-bình » sẽ hoài-nghi về cái hiệu-lực của chính sách sống chung và sẽ dè-dặt hơn nữa trong sự tin-tưởng vào hòa-bình thật sự. Tuy nhiên, chiến-tranh giữa Trung-cộng và Ấn-Độ chỉ là một chiến-tranh nhỏ-nhỏ, chỉ ở trong phạm-vi một địa-phương, cũng như chiến-tranh Cao-Ly, chiến-tranh Việt-Pháp vừa qua, hay là chiến-tranh giữa Mỹ và Cuba, nếu xảy ra. Chiến-tranh toàn-diện Thê-giới vẫn còn tránh được, và chắc-chắn không thể nào xảy ra trong một ngày gần đây. Mặc dầu tình-hình thê-giới căng-thẳng ở Berlin, ở Cuba, ở biên-giới Ấn-Độ, ở eo-biên Đài-Loan, ở Yeman và Jordanie, trận Đại-Thê-Chiến thứ 3 vẫn không thể xảy ra được trong lúc này.

— Tại sao, hả Minh ?

— Tại vì Đại-Thê-Chiến chỉ xảy ra khi nào có chiến-tranh thật sự giữa Nga và Mỹ.

Như chúng ta đã biết, và ai cũng biết điều đó, nếu Nga và Mỹ đánh nhau, chắc chắn sẽ không phải là đánh nhau bằng súng đại-bác, xe tank, xe thiết-giáp, tàu bay, tàu ngầm. .

— Bằng bom nguyên-tử chứ gì ?

— Cô nhiên. Bằng bom nguyên-tử, bom khinh-khí, bằng hỏa-tiên, bằng các khí giới khoa-học tồi-tân giết muôn vạn người trong nháy mắt.

Sau vụ Mỹ ném hai trái bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima và Nagasaki, thế-giới tưởng rằng chỉ có một mình nước Mỹ là chế-tạo ra được loại bom kinh-khủng này mà thôi. Nhưng ngày 23 tháng 9 năm 1949, Tổng-thống Truman báo tin cho nhân-dân Mỹ biết rằng, Nga cũng có Bom Nguyên-tử. Cả Thế-giới đều kinh-ngạc và lo sợ. Ngày 19-12-1949, nhân ngày Nga-sô long-trọng mừng lễ kỷ-niệm sinh-nhật Staline 70 tuổi, ông Vichinsky chính-thức tuyên-bố rằng Nga-xô đã chế-tạo được Bom Nguyên-tử, và đó là « một thắng lợi kêt-xù của Sô-viét : *a gigantic success for the Soviet state* », và ông bảo : *« in a period of all kinds of devaluations, the Soviet Union has accomplished the most important devaluation — devaluation of the atomic bomb »* (Trong thời kỳ mà mọi thứ đều bị sụt giá, Liên-xô đã thực-hiện được một sự sụt-giá quan-trọng nhất, sự sụt-giá của bom Nguyên-tử). Đây là một lời nói mỉa-mai, có ý nói rằng Mỹ không còn giữ độc-quyền Bom Nguyên-tử nữa.

Nhưng chính nhờ sự Mỹ và Nga chạy đua sản xuất bom Nguyên-tử mà Thế-giới có hy-vọng tránh khỏi chiến tranh nguyên-tử chẳng ? Vì lẽ, nếu hai địch-thủ đem bom Nguyên-tử ra dùng thì chắc-chắn cả hai đều sẽ bị tiêu-diệt vì bom Nguyên-tử.

Vì sợ hậu quả cực-kỷ nguy-hiểm của bom nguyên-tử mà cả Nga lẫn Mỹ đều cố hết sức tránh chiến-tranh nguyên-tử. Từ 1945 đến nay, biết bao lần Mỹ, hoặc Nga, có thể dùng Bom Nguyên-tử để giải-quyết các trận giặc hao-tồn ở các địa phương chiến-lược, như ở Cao-Ly, Berlin, Việt-nam, Cuba..., nhưng họ không dám dùng.

Trong nháy mắt, một vài trái bom khinh-khí của Mỹ có thể làm tiêu-diệt thủ-đô Moscou của Nga, hoặc một loạt Bom khinh-khí thả cùng một lúc xuống các thị trấn lớn của Nga, thì tức khắc lãnh-thỏ Nga sẽ biến thành mềnh-mông

luation — devaluation of the atomic bomb » (Trong thời kỳ mà mọi thứ đều bị sụt giá, Liên-xô đã thực-hiện được một sự sụt-giá quan-trọng nhất, sự sụt-giá của bom Nguyên-tử). Đây là một lời nói mỉa-mai, có ý nói rằng Mỹ không còn giữ độc-quyền Bom Nguyên-tử nữa.

một từ-lịa ngón-ngang xác chết. Nhưng cùng lúc đó, lục địa Mỹ châu cũng sẽ bị san bằng thành một bãi tha-ma, không hơn không kém.

Chính nhờ sự ghê-sợ chiến tranh nguyên-tử mà Nga và Mỹ đều nhượng-bộ lẫn nhau trong những cuộc « chiến tranh nguội » để cho nó khỏi thành ra « chiến tranh nóng » thật sự.

— Như thế thì, theo Minh, Thế-giới sẽ không có chiến tranh Nguyên-tử ?

— Anh tin rằng không có. Giả sử Krouthchev có háo chiến thế mảy đi nữa, ông ấy cũng không ngu-dại gì liều-linh một cuộc phiêu-lưu mà chính ông và mấy trăm triệu dân Nga sẽ là nạn-nhân đầu tiên.

— Em hiểu rồi, Minh ơi ! Có lẽ tại vậy cho nên Trung-Cộng to lớn như thế mà đâu dám đồ bộ lên đảo Đài-loan, vì sợ Mỹ can-thiệp bằng bom Nguyên-tử. Và Tướng-giới-Thạch dù có lực-lượng hùng-hậu của Mỹ viện trợ cũng đâu dám vượt biển trở về lục-địa, vì sợ bom Nguyên-tử của Nga-xô... Phải không ?

— Đúng thế. Cho nên các vụ thử-thách như Cuba, Berlin, cũng như Lào, chỉ là những « chiến-tranh nguội » nơi đây Nga và Mỹ đều nhượng bộ lẫn nhau, không ai thua ai,

hơn ai. Vụ chiến tranh ở biên giới Ấn-độ—Trung-Cộng cũng thế, sẽ thành hòn núi Himalaya để ra con chuột nhất. Chiến tranh thật sự sẽ làm sôi nổi lịch sử Thế giới, chỉ có thế là chiến tranh giữa Mỹ và Nga mà thôi.

Chiến-tranh này sẽ xảy ra nếu một ngày kia một trong hai địch-thủ bị thua kém về khí-giới Nguyên-tử, hoặc Khoa-học không-gian. Nhưng chiến-tranh mới này chắc sẽ không kéo dài năm này tháng nọ như tất cả những chiến-tranh cổ-hủ từ xưa đến nay. Chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ là cả Nga lẫn Mỹ sẽ biến thành Hỏa-ngục. Vì thế nên Krouthchev và Kennedy đều dùng đủ các biện-pháp để tránh khỏi chiến-tranh nguyên-tử.

— Nghe Minh giảng-giải như thế, em mới hết sợ Bom Nguyên-tử.

Ông Tú ôm đầu bà Tú áp vào ngực, mỉm cười hỏi :

— Em có sợ anh không ?

— Minh, thì em sợ ghê đi rồi !

— Tại sao ?

Bà Tú âu-yêm đưa tay bá cổ chồng, nói rất khẽ :

— Tại vì Minh cứ ăn-nhiếp em hoài !

Diệu-Huyền



GIẢI THƯỞNG NOBEL VĂN-CHƯƠNG 1962

JOHN STEINBECK

Tin Stockholm. — Hôm thứ năm 25-10-1962, Hàn-Lâm-Viện Suê e đã tuyên-bố nhà văn Mỹ JOHN STEINBECK được giải thưởng Văn-chương Nobel năm 1962.

Số tiền thưởng được 244.350 đồng NF, tức là 3.665.250 \$ V.N.

★

SINH năm 1902 tại Californie, Mỹ, trong gia-đình nghèo, giòng dõi người Đức, mẹ người Ireland, lúc nhỏ xosy xô đủ các nghề để sống, chăn bò, làm thợ, viết báo, làm « gác-dang », v.v... Chuyên môn viết tiểu thuyết mô-tả những nhân-vật nghèo rách trong giới bình dân lao-động. Văn viết rất hay, có nhiệt-hùng mãnh liệt. Nổi tiếng từ năm 1935 nhờ quyển truyện **Tortilla Flat**, và các quyển khác rất hấp dẫn, nhân vật được mô-tả rất tài tình, tâm-lý tế-nhị và thâm trầm, triết-lý cao siêu, lời văn rất cảm động.

PHỔ-THÔNG THẾ-GIỚI QUANH

★ XUÂN-ANH

Hoa-Thịnh-Đốn. — Bay cao 93.000 thước

Kỷ-lục gần 100 cây số bay cao này do Thiếu-tá phi công Robert White vừa lập được trên chiếc máy bay hỏa tiễn X-15. Loại máy bay này là một loại phản-lực cơ do một chiếc máy bay lớn khác đèo dưới bụng (như mẹ bồng con) bay lên thật cao chừng 12 cây số mới thả ra và chiếc X-15 này mới tự bay lấy.

Theo Thiếu-tá Robert White thuật lại thì khi ông ta bay theo cái vòng cung lên cho đến 100 cây số thì lúc lên đến tuyệt đỉnh cao, ông ta đã bị ở trong trạng thái « vô trọng lực » nghĩa là thoát ra khỏi sức hút của trái đất trong 3 phút.

Lập được kỳ công này với một chiếc máy bay tự mình điều khiển, Thiếu tá Robert White đã được Tổng Thống Mỹ tiếp và trao tặng huy-chương không-gian với danh hiệu « phi-hành-gia không-gian » giống như Glenn, Shepard, Carpenter và Shirra là những phi hành gia chính thức đã bay quanh quỹ đạo trái đất trước đây.

Hiện nay, thấy khả năng phi thường của chiếc X-15, các kỹ-sư hàng không và các nhà bác học Mỹ cũng như Nga đã nghĩ ngay ra dự án sản xuất những chiếc máy bay có thể bay quanh quỹ đạo trái đất do người điều khiển

Chiếc « máy bay vệ tinh » sau này sẽ không còn phải do một chiếc « máy bay mẹ » khác « bông » lên trên thượng tầng không khí rồi mới « thả » ra như trước nữa mà sẽ do một hỏa tiễn đưa lên quỹ đạo. Khi đã đạt đến tốc độ của một vệ tinh thì máy bay không còn dùng đến máy cũng sẽ quay quanh trái đất trong cao độ từ 150 đến 200 cây số với một tốc lực 7, 200 cây số một giờ (tức là mỗi giây đồng hồ, 2 cây số). Khi muốn trở về trái đất thì phi công sẽ điều khiển cho máy bay lượn dài để đáp xuống nơi nào nhút định. Dự án của Mỹ hiện nay là chiếc « máy bay liệng ». Chiếc này sẽ dự định chịu được tốc độ 27.000 cây số một giờ và có thể bay cao đến 480 cây số. Với tốc độ trên, chiếc « máy bay vệ tinh » này chỉ mất 90 phút để bay vòng quanh trái đất.

Á-Căn-Đình.—

● Chỉ vì một sợi dây « cáp »

Chỉ vì một sợi « cáp » truyền điện cao độ của hệ thống

dẫn điện bị quá nóng đến phát cháy mà đã gây nên một trận hỏa hoạn kinh khủng, tiêu diệt nhà máy phát điện của Thủ-đô Á-căn-đình. Trận hỏa hoạn này đã gây nên những tai hại trầm trọng như sau :

— 2 triệu dân thành phố không đèn, không nước.

— 20 xí nghiệp quan trọng và các xí nghiệp về kỹ-nghệ lạnh tích trữ thường xuyên 5000 tấn thịt để cung cấp cho thành phố phải ngưng trệ.

— 12.000 doanh nghiệp hàng trung bình phải đóng cửa.

— 300.000 nhân công làm vào cảnh thất nghiệp.

Ta thường có câu tục ngữ : « Cái sầy này cái ung » thật là đúng cho trường hợp này.

Mỹ.—

Một lỗi phạt vạ... lạ kỳ

Để tránh những tai nạn lưu thông thường xảy ra ở Santa-Monica (tiểu bang Ca-li-pho-ni) ông Tòa của thành phố này đã quyết định thêm vào vài lỗi phạt vạ mới trong bộ luật thành phố để trừng trị... một cách hữu hiệu hơn những người ham chạy xe... ầu.

Mỗi lần có một người nào vi phạm luật lệ đi đường thì ông. Tòa chẳng cần phạt tiền, phạt tù gì cả và chỉ bắt người kia... cầm chổi quét một đoạn đường dài hay quét bãi bãi cho thật sạch trước mặt mọi người.

Có một thiếu-nữ muốn làm «le» chạy hết ga, ông ta bắt cô ta ở lại từ 4 giờ sáng đến 9 giờ sáng trong nhà thương đô-thành và phải «khảo cứu» về tất cả các bệnh nhân đang nằm do tai nạn xe cộ đã xảy ra, kể những lý do tai nạn và phải làm thành một bản tường trình đầy đủ đưa lên cho ông.

Nhờ những lỗi phạt vạ... lạ kỳ này mà từ ngày đem ra áp dụng, mỗi tháng số tai nạn ở thành phố này đã giảm xuống được 25%.

Mong ở Saigon chúng ta cũng nên áp dụng vài môn... phạt vạ lạ như kiểu này để tránh bớt dùm tai nạn cho dân chúng nhờ.

Pháp.—

● Một cái giường cho Tổng-Thống De Gaulle

Dưới đầu đề « Tổng Thống

De Gaulle ngủ đầu đây ? » tờ báo General Anzeiger của Đức xuất bản tại Bonn đã đề cập đến vấn đề « tế nhị về ngoại giao » này của chánh phủ Tây Đức tiếp đón Tổng Thống De Gaulle trong dịp công du của Tổng Thống tại Tây Đức.

Vấn đề ấy là tìm một cái giường vừa kích thước cho Tổng Thống.

Báo ấy viết rằng :

Tướng De Gaulle chẳng những có một cái mũi « bự » giúp cho các họa sĩ chuyên môn về hí-họa sống mà thôi, lại còn có một thân hình dư thước dư tấc nữa (Tổng Thống De Gaulle rất cao, hơn hai thước). Kiếm giường đầu cho vừa để ông ngủ ở nước Đức chúng ta đây ?

Đã đành rằng thủ-đô Bonn hiện nay đang còn giữ lại cái giường dài 2 thước 2 phải đặt làm gấp trong dịp viếng thăm chớp nhoáng của Tổng Thống kỳ năm ngoái và nay còn đem ra dùng được, nhưng thử hỏi, trong cuộc công du này, Tổng Thống Pháp sẽ còn viếng Hamburg và Munich nữa thì liệu

Tổng Thống sẽ nằm vào đâu trong 2 nơi này?

● Ồ, khó gì, chúng ta có thể ước đoán rằng đoàn xe của Tổng Thống sau này đi công du ở Đức thế nào cũng sẽ có một chiếc bít bùng cùng chạy theo đoàn « công-voa » như xe của một nhân vật cao cấp tháp tùng nhưng để chở... riêng cái giường đặc biệt ấy tới mỗi nơi kê trên chứ gì!

Kề ra, vấn đề « thước tắc » cũng là một vấn đề khó khăn và rắc rối cho ngoại giao không kém gì vấn đề « mực thước » chứ phải chơi sao!

Y.—

● Đi bộ còn bị phạt... quá tốc độ

Có đời thuở nào đã đi bộ... mà còn phải bị phạt tội quá tốc độ bao giờ không? Thế mà có đấy, và chính anh chàng Silvia Ferrante, người La-Mã đã bị phạt 120 tiền quan mới (1800\$ bạc V.N) vì tội đi quá mau, không « làm chủ » được tốc độ của mình.

Có chi đâu! Anh ta đi trên lề đường, bỗng gặp trời đổ mưa giông, anh hấp tấp chạy và quẹo

quá nhanh nên đụng phải một người khác làm cho người này té ngửa, phải đi nằm nhà thương mất mấy ngày.

Đã bị phạt lại còn bị cái ông này đòi tiền bồi thường, anh ta tức quá, chống án và mướn thầy kiện cãi. Ông thầy kiện này viện lẽ rằng: « Không có một đạo luật nào định tốc độ cho một người đi bộ cả. Đã đành là luật bắt buộc người đi bộ phải đi trên lề đường nhưng đây không có nghĩa là bắt buộc người ấy phải đi chậm chậm ».

● Thật là rắc rối ở những cái xứ mà thường cho là văn-minh. Cái xứ mà ai cũng cho là « chậm tiến » như nước ta coi vậy mà không có những vụ rắc rối như vậy vì chúng ta hay trọng tình hơn trọng lý, hay « chín bỏ làm mười »... có lẽ đụng nhau thì cũng xin lỗi một tiếng và « cười trừ » chứ đến nỗi đâu lại phải kéo nhau ra giữa pháp luật để cho người ta chê cười là « vô phước đáo tụng đình ».

Đức.—

Hoàng-Hậu Soraya

Có lẽ ai cũng đã từng biết đến thiên tình sử... đắm lệ của

Soraya, bà Hoàng Hậu xứ Ba-Tur vì không con mà phải bị Triều-đình Ba-Tur, theo luật, truất ngôi Hoàng Hậu.

Từ đấy, bà Hoàng Hậu có đôi mắt mờ buồn nhứt hoàn cầu ấy đã ngao du đây đó để cố gắng quên những nỗi đau thương của đời hồng nhan... bạc phước.

Năm tháng trôi qua đã xóa nhòa bớt nỗi đau thương và con người đa cảm đa tình cũng... cảm thấy lòng xuân rào rạt để men tình nồng thắm...

Một người thuộc vào hàng.. hào hoa phong nhã và tỷ phú Đức đã lọt vào mắt xanh của Hoàng-hậu. Ông ta cũng là một kỹ-nghệ-gia danh tiếng được hoàn cầu biết tiếng, kể cả Việt Nam ta nữa, vì tên ông là Gunther Sachs, cái tên được khắc trên bộ máy SACHS gắn trên hàng trăm triệu cái xe gắn máy chạy khắp thế giới...

Không hiểu, sau nhiều cuộc gặp gỡ với những bậc vương tôn công tử, những nhà thượng lưu, trí thức trên thế giới, cuộc gặp gỡ này có đem lại cho bà Hoàng hậu đau thương này nụ cười tươi thắm để gây dựng lại hạnh phúc cho mình không nhỉ?

Ấn-Độ.—

Voi sỏ... rừng

Một đàn voi hoang vì nước lụt dâng lên quá cao, đã sỏ rừng và kéo nhau nhào đại ra phố phường trong tỉnh Assam, đạp nhàu hết những chướng ngại cản lại chúng. Kết quả 4 người bị voi dày chết và 49 nhà bị sập nát.

Á Phi.—

Có Cừu... mới cưới được vợ.

Các gia-đình Á-Phi (xứ Nigeria) có tục đòi thật nhiều cừu mỗi lần có một chàng trai đến xin cưới một cô con gái. Tục lệ khắc khe này đã làm cho các bộ lão của xứ này họp nhau lại trong một phiên đại hội đồng quan-trọng, để bàn cãi rất sôi nổi về vấn đề này. Họ đã tổ cáo những sự lạm-dụng quá-trớn tục-lệ này khiến cho có nhiều đám cưới không thể thực-hiện được vì những nhà gái đã bắt buộc chàng rể phải có đủ 60 con cừu mới cưới được vợ về. Những sự lạm-dụng ấy đã trở thành một loại chợ đen nguy

hại làm cho nhiều thanh-niên không thể nào kiếm nổi một người vợ, và lại còn làm cho phong-hóa suy-đổi thêm nữa.

Các vị bỏ lão đã đồng thanh định lại những giá biểu như sau :

1) Về lễ vấn danh : — 500 quan tiền và 100 quả « cô-la » (thứ trái cây dùng chế nước ngọt coca-cola bên ta đó).

2) Về lễ cưới : — 1000 quan làm quà biếu cho cha mẹ bên gái.

— 6000 quan làm quà biếu cho họ hàng nhà gái

— 3000 quan, 1 cây vải nguyên, 2 khổ vải hoa in, 1 khăn choàng và 1 đôi giày làm quà cho vị-hôn-thê,

— 500 quan làm quà cho người cha đỡ đầu cho cô gái.

— 10.000 quan hồi môn đem về cho nhà gái

— 2000 quan dùng làm tiền phí tiệc bàn do nhà gái thiết đãi họ hàng.

— 1000 quan thù-lao cho

các cô phù dâu.

Thế là từ nay, các cậu thanh niên xứ Nigeria biết được đích xác số tiền « phải có » vào khoảng 30.000 quan để được thành đôi thành lứa rồi, khỏi phải lo chạy cho ra cừu mới « đổi » được một cô vợ « bỏ trên đầu trên cổ » như trước nữa.

Kề ra các cô gái xứ Nigeria cũng tốt phước đấy chứ, nhưng nếu các ông cha bà mẹ cứ giữ cái mừng đòi hỏi đến cái mức như trên (đầu không còn là 60 con cừu đi nữa) thì các cô cũng khó mà có chồng.

Cho biết, vậy là bên ta dễ dãi thật.. Có nhiều cha mẹ chỉ bằng lòng « miếng trầu chén rượu » cũng đủ. Nhưng, sao dễ dãi vậy lại còn có hàng bao nhiêu gái quá lứa ? E, vì chính sự dễ dãi ấy chẳng mà con trai họ làm núng. Cứ treo cao giá thử coi họ có tìm đến không nào !

XUÂN-ANH



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-ĐƯỢC

ĐỢT-NGỌT LỢI-NGỌC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 91)



TRONG lúc tôi chế cùi, thằng Ngọng làm cá. Nó ngồi bên cạnh tôi, hỏi

thăm tôi :

— Cậu ơi, Bà Quảng-Nội gả cô Hai cho cậu sao cậu không lấy, mà cậu này cô Ngọc là học-rò của cậu, thế nà thế nào ?

— Cậu đâu có lấy cô Ngọc ?

— Thế nà thế nào ?

— Cậu để cô Ngọc ở tạm đây vài ngày thôi chứ.

— Thế nà thế nào ?

— Cô ấy trốn nhà.

Thằng Ngọng ngo-ngác nhìn tôi :

— Thế nà thế nào, hở cậu ?

— Vợ chồng ông Thừa đánh cô ấy suýt chết, con ạ.

— Thế nà thế nào ?

— Ông Thừa muốn gả cô Bích-Ngọc làm vợ bé ông Lớn, cô ấy không chịu.

Thằng Ngọng đột-ngột làm rớt dao xuống đất kêu một tiếng « choảng ». Nó trở mặt ngó tôi.

— Thế nà thế nào, há cậu ?
Thế nà thế nào ?

— Cậu muốn biết rõ sự thật về vụ này. Tôi nay cơm nước xong, cậu cho con đi chơi. Con hỏi dò chị-ở của bà

Thừa xem sao, và con nghe-ngóng dư luận ngoài phố thê nào, về cho cậu hay. Chuyện này bí mật. Cậu cảm con không được thô lộ cho ai, biết rằng cô Ngọc hiện ở nhà mình, con nghe chưa? Ai có nghi ngờ hỏi con, con cứ bảo không có. Và ở nhà, con phải lễ phép với cô Ngọc. Con hiểu không?

— Dạ, con hiểu, thê nà thê nào?

— Con cũng đừng tò mò hỏi cô Ngọc về chuyện riêng của cô nhé!

— Dạ.

Rồi nó lăm băm một mình:

— Thê nà thê nào? Thê nà thê nào, hả ta?

★

Đêm hôm ấy, rửa bát chén và dọn dẹp bếp núc đầu vào đây, thằng Ngọng đi biển mặt, cả đêm nó không về ngủ.

Bích-Ngọc ăn cơm rất ít. Đôi mắt cô sưng to lên. Cơm xong, tôi bảo cô vào phòng nghỉ.

Ngồi phòng ngoài chằm bài và soạn bài, tôi nghe cô khóc. Cô không dám khóc lớn, nhưng nghe cô âm-ức, lòng tôi xáo-động. Trong phòng

vắng-vẽ. Tiếng đồng hồ kêu tíc-tác. Tôi không ngó giờ. Mấy lần tôi bỏ bút xuống bàn, chằm thuốc hút, ngồi nghĩ vẩn-vơ.

Một lúc lâu, tôi nghe cô rên. Tôi lắng tai nghe, lòng bồi-hối lo ngại. Tôi chỉ sợ cô uống thuốc-phiện dầm thành hay là thuốc ngủ thật nhiều để tự tử. Tôi hơi ăn-năn sao lúc nãy tôi không vào buồng liếc mắt ngó xem cô có để vật gì khả nghi trên đầu giường không? Nhưng tôi nhớ rõ lúc chiều cô đèn hai tay không, chẳng mang vật gì cả, cũng không có một món áo-quần để thay!

Bích-Ngọc càng rên nhiều. Cô lăn qua lăn lại trên giường. Hình như cô mê-mạn. Thình thoảng cô khóc nức lên một tiếng rồi im. Muốn biết rõ, tôi bước vô nhà trong, gõ cửa buồng. Tôi gõ ba lần. Cửa không mở. Tôi đẩy cửa vào, thì ra Bích-Ngọc lên giường nằm mà không khóa cửa. Tôi đã đóng chặc các cửa phòng ngoài, và tắt hết các đèn, chỉ thấp ngọn đèn nhỏ trong phòng Bích-Ngọc.

Thiếu-nữ nằm lãn lóc trên

giường. Làn sóng tóc ngập tràn trên gối tôi. Cô mặc nguyên quần áo ban chiều, áo tím dài, quần lụa trắng. Cô ngủ say-mê, nhưng mặt nhợt. Ánh đèn rọi vào mặt cô một nét diễm-lệ thần tiên, ngây thơ và tinh-khiết, vô cùng. Tôi bước nhẹ đến gần cô. Hình như Bích-Ngọc không nghe tiếng động.

Tôi nhìn kỹ người cô. Mắt còn sưng. Mái tóc huyền bù rôi như đã bị một bàn tay độc ác vò nát, kéo dứt không thương hại. Trên cổ gấn ót, có mấy đường lằn đỏ bầm. Bàn chũn trái hình như phồng lên.

Tôi khẽ ngồi xuống giường cầm nhẹ tay cô bắt mạch. Mạch chạy không đều. Bích-Ngọc giật mình mở mắt. Trông thấy tôi, cô vội vàng ngồi dậy. Tôi nhìn cô:

— Cô Bích-Ngọc, cô tha thứ cho tôi... Tôi vào đây vì tôi nghe cô rên và cô nói mê-sảng, giấc ngủ cô không yên. Trên cổ cô có những đường lằn gì đỏ bầm kia?... Chân cô sao sưng lên như thế? Có đau lắm phải không?

Bích-Ngọc cúi đầu e-lệ:

— Dạ.

Tôi đứng dậy, hỏi cô:

— Tôi đi lấy các thứ thuốc xoa cho cô bớt đau, cô bằng lòng không?

Bích-Ngọc dịu dàng đáp:

— Dạ.

Tôi đèn tú lấy rượu go chũ, pom-mat, và gói bông-gòn, đem lại săn-sóc những vết thương của cô. Cô buồn-bã kể cho tôi nghe rằng bác gái cô đánh cô bằng cái cán chổi, và cầm chổi sả vào người cô từ trên xuống dưới. Ông Thừa thì đánh cô ba-bạt tay. Cô bị thương nhiều nhất ở trên đầu, trên cổ, và sau lưng. Tôi xoa gấn hết nửa ống bôm băng-ghe và lấy bông gòn đánh lên gấn khắp cả những nơi thịt da bị bầm tím trên thân thể của cô, rồi bảo cô nằm xuống nghỉ. Tôi đun nước thật sôi nâu kim và ông chích, chích vào cánh tay cô một ống thuốc để cô ngủ yên giấc và đưa cô uống một viên can-min.

Tôi săn sóc cô xong, cô cảm ơn tôi. Tôi thấy trên mặt cô rưng rưng hai ngấn-lệ. Tôi bảo:

— Thôi cô ngủ yên, đừng khóc nữa.

Tôi dọn dẹp các ve thuốc

và hộp ông chích vào tủ, vặn nhỏ đèn trong phòng rồi quay ra, khép cửa lại để cô nằm. Đồng-hồ đã chỉ 12 giờ khuya. Tôi tắt đèn con dưới phòng thằng Ngọng. Đêm nay tôi ngủ trên giường nó, cạnh bếp. Nó đi suốt đêm, mãi đến 7 giờ sáng, mới về nhà. Nó gõ cửa, và khẽ gọi :

— Cậu... cậu ơi! Cậu... cậu mở cửa cho con, thề nà thề nào!

Tôi mở cửa. Vừa trông thấy tôi nó cười, nói nho-nhỏ, sợ cô Bích-Ngọc nghe :

— Thưa cậu, con nghe người ta đồn nhiều chuyện lắm, thề nà thề nào?

Tôi ngắt lời nó :

— Chút nữa con hãy nói những chuyện ấy. Bây giờ con đi nấu cho cậu một tô cháo đậu xanh, để chốc nữa cô Bích-Ngọc ăn lót lòng.

— Thề nà thề nào?

— Nhanh lên! Rồi đi chợ.

— Dạ.

Cả ngày hôm ấy tôi dặn thằng Ngọng khép kín luôn cánh cửa vào nhà trong, và buông bức màn xuống. Tôi cầm nó vén màn và mở cửa

như thường lệ. Tôi dặn đi dặn lại thằng Ngọng ba lần, chỉ sợ nó quên :

— Con đừng mách-lẻo cho ai biết rằng có cô Bích-Ngọc ở nhà mình nhé. Có ai nghi-ngờ hỏi, con cũng đừng nói thật, nghe không?

— Thề nà thề nào?

Nó hỏi như thề, nhưng nó vẫn kín mồm kín miệng như tôi đã bảo nó.

Bích-Ngọc ngủ đến 8 giờ sáng. Nghe cô thức dậy, tôi bảo thằng Ngọng vào buồng. Thằng Ngọng gõ cửa, vào báo :

— Thưa cô, con đã pha nước nóng với nước nạnh để cô rửa mặt, thề nà thề nào? Mời cô ra đây để con chỉ phòng tắm và cầu tiêu, để cô đi tiêu, thề nà thề nào. Có khăn mặt, xà phòng, thuốc đánh răng, bàn chải, đủ cả. Xong rồi mời cô ăn nót nòng. Con nấu cháo đậu xanh chín rồi. Cô rửa mặt xong, thì con múc cháo nên dọn, xong rồi con đi chợ, cậu con đã dặn con nằm kỹ-nưỡng như thề, thề nà thề nào?

Bích-Ngọc mỉm cười, kéo

thằng Ngọng lại gần cô, vuốt ve đầu nó :

— Em dễ thương quá.

Tiếng nói của cô rất dịu-dàng, thằng Ngọng cúi đầu có vẻ cảm động. Rồi cô ra phòng tắm. Nửa giờ sau, lúc ăn cháo tôi hỏi Bích-Ngọc :

— Cô không đem áo quần để thay?

Bích-Ngọc thẹn, cúi mặt không trả lời. Thằng Ngọng cùng ngồi ăn điểm tâm với chúng tôi, liền nhanh mồm bảo :

— Thưa cậu, hay nà con đi này áo quần về cho cô thay, thề nà thề nào?

Tôi cười :

— Con đi lấy ở đâu?

— Dạ, con này ở nhà cô Ngọc.

Tôi hỏi đùa nó :

— Thề nà thề nào?

Nghe giọng khôi-hài của tôi nhái thằng Ngọng Bích-Ngọc cũng phải cười. Thằng Ngọng nói :

— Con sẽ đến nhà ông Thừa để này áo quần của cô Ngọc đem về đây cho cô mặc, thề nà thề nào?

— Con làm sao lấy được?

— Dạ thưa cậu, con nấp mưu-kê này được.

Tôi phì cười, lại hỏi nó :

— Thề nà thề nào?

Bích-Ngọc cũng không thể nhịn cười được nữa.

Tôi biết tính thằng Ngọng, tuy là hơi thực-thà, nhưng được cái nhanh nhẹn, và rất tận tụy cương-quyết, muốn làm gì là cố làm cho kỳ được mới chịu. Nhưng lần này tôi cho nó là hăng-hái mà không suy-nghĩ kỹ. Có lẽ vì thầy Bích-Ngọc đau-khổ, nó cảm thương, quý-mến, cho nên nó tình-nguyên làm một việc mà tôi thấy rằng không thề nào làm được.

Tôi cười cho vui rồi bỏ qua, không nhắc đến chuyện ấy nữa. Ăn cháo xong, tôi đưa tiền bảo nó đi chợ và dặn nó về sớm vì thường ngày mỗi lần tôi sai nó đi chợ, là nó ra lẽ la chỗ này chỗ nọ, mãi đến 11 giờ trưa mới thấy bóng-dáng nó hiện về. Lần này có Bích-Ngọc, tôi hy-vọng nó về sớm hơn để kịp làm cơm. Thằng Ngọng đi rồi, tôi hỏi Bích-Ngọc :

— Cô có cần dùng viết thư cho ai, tôi có sẵn giấy, phong bì và tem.

— Dạ em định viết cho người chị-em bạn ở Sài-gòn. Tôi đàn bà viết, m ở ngăn

kéo lấy giấy, phong bì, tem và cây bút máy. Tôi đem tất cả vào phòng ngủ của tôi. Hôm nay tức là phòng ngủ của Bích-Ngọc. Trờ ra, tôi hỏi:

— Cô đã bớt đau chưa?

— Dạ em đỡ nhiều, nhưng còn nhức mỗi lần.

Tôi nhìn bàn chân trái của cô còn sưng, chạy đi lấy chai thuốc bóp và gói bông gòn. Tôi định xoa thuốc và bóp cho cô. Nhưng lần này Bích-Ngọc tỏ vẻ bối rối. Cô muốn đứng dậy, miệng lầm-bầm:

— Thấy dễ mặc em.

Tôi nhìn cô. Hai má cô đỏ ửng, hồng-hào và e-lệ. Tôi biết tay cô yếu và cũng bị nổi lằn đầy khắp làm sao cô tự bóp thuốc cho cô được? Tôi phải mượn bộ mặt nghiêm-nghị của một thầy giáo truyền lệnh cho học-trò:

— Cô ngồi yên để tôi bóp rượu thuốc cho cô

Bích-Ngọc vẫn e-lệ, không dám để tôi sờ-sóc một cách thân mật như thế. Nét mặt tôi vẫn giữ nghiêm-trang như lúc bảo cô trả bài:

— Tôi muốn cô ngồi xuống ghế đang hoàng, để tôi bóp rượu trên tay và trên chân

cho cô.

Bích-Ngọc không dám ngó tôi:

— Thấy dễ mặc em.

Tôi nổi quạu:

— Để mặc thế nào được?

Cô muốn bàn chân cô sưng và mãi thế này à? Cô ngồi xuống!

Bích-Ngọc nghe lời tôi, ngồi xuống. Tôi ngồi bên chân cô, mở nút chai, lấy bông-gòn thấm rượu để thoa lên bàn chân cô.

Nhưng cô bắn-khoăn rút chân vào:

— Thấy dễ em thoa được.

Tôi phải dõ giọng độc-đoán:

— Cô mắc cỡ phải không?

Tại sao cô mắc-cỡ vậy chứ? Tôi không muốn cô bắn tay, tôi không muốn cô cúi xuống vì lưng cô đã bị nhiều vết thương bầm tím hết! Cô hãy ngồi yên, đừng rắc-rối!

— Dạ em thoa được.

— Không được! Tay cô yếu lắm. Phải thoa rượu thật mạnh nó mới thấm vào trong thịt được chứ?

Tôi nói mạnh như thế, nhưng khi Bích-Ngọc bẽn-lẽn

để tôi thoa rượu, tôi thoa rất nhẹ-nhàng. Tôi sợ cô đau. Tôi cầm cục bông thấm rượu thoa rất cẩn-thận trên bàn chân cô nữ-sinh của tôi. Tay tôi bị vướng lại quần của cô, tôi bảo:

— Cô kéo ông quần lên một tí. Một tí thôi.

Bích-Ngọc nghe lời tôi, kéo ông quần lên một tí, một tí thôi. Tôi lấy miếng bông gòn khô đánh khá mạnh cho rượu thật thấm vào trong da chân cô. Rồi tôi đứng dậy:

— Xong rồi! Cô xem có gì phiền-phức đâu nào? Bây giờ cô đi vào buồng nằm nghỉ cho khỏe. 12 giờ trưa tôi sẽ chích cho cô một ông thuốc nữa, trước bữa cơm.

Tôi ngạc-nhiên thấy hai ngón-ê long-lanh trên đôi mắt huyền mơ của Bích-Ngọc. Cô cúi đầu xuống thành ghe, khóc êm-đềm. Tôi cắt chai rượu, đi rửa tay, vào thấy cô vẫn còn khóc, đầu gác trên cánh tay che mặt. Tôi đứng gần, dịu-dàng bảo:

— Bích-Ngọc! Cô nên giữ gìn đôi mắt đẹp của cô, đừng để sưng lên nữa! Cô nghe tôi, đi vào buồng nằm. Cô cần nghỉ cho khỏe-khoăn rồi tôi sẽ liệu-định công việc cho cô. Cô không viết thư cho bạn cô ở Sài-gòn à?

Bích-Ngọc lấy tà áo tím thấm nước mắt, đầu tóc xinh-xắn của cô vẫn gác lên cánh tay để trên thành ghe. Tôi đặt bàn tay tôi trên vai cô:

— Cô đứng dậy. Tôi đưa cô vào buồng để cô nghỉ... Đừng khóc nữa. Cô phải có can-đảm, cô Bích-Ngọc!

Bích-Ngọc đứng dậy. Cô để tự-nhiên cho tôi đỡ cô vào phòng. Đèn giương, tôi bảo:

— Cô nằm xuống đi, và cầm khóc nhé! Chốc nữa cô muốn viết thư thì ngồi dậy thắp đèn kê giấy trên bàn con này mà viết. Dán phong bì xong đưa tôi đi bỏ thùng thư. Bây giờ cô nằm yên, để tĩnh-táo tinh-thần.

Tôi lấy một viên can-min, rót chén nước nóng đưa cô uống. Xong, tôi đi ra. Quay lại khép cửa buồng, tôi nói đùa một câu:

— Nếu cô còn khóc, tôi sẽ phạt cô viết mười trang giấy Pensum, nghe?

Thật ra tôi cười đùa để Bích-Ngọc vui, chứ trong bụng tôi đâu có cười đùa được! Tôi khép hẳn cửa, ra phòng ngoài, đồng hồ đã 9 giờ rưỡi. Ngồi một mình, tôi suy-nghĩ về bốn-phận của tôi đối với Bích-Ngọc sẽ phải thế nào, và tôi sẽ phải làm những gì trong tương hợp oai-oăm này?

(còn nữa)



★ **Tuyển lựa ca - sĩ**

(Của cô Lê Thị Thu-Hồng (Sinh viên — Trúing tâm Hưng-Lộc)

...Chắc ai có đi xem cuộc thi Tuyển lựa Ca-sĩ do Đài Phát Thanh SAIGON tổ chức tại rạp Quốc-Thanh, hoặc những ai có Radio đều có theo dõi cuộc thi tuyển này.

Trong cuộc Thi, Quý vị đều được thưởng thức ngoài những giọng hát khác biệt của mỗi ca-sĩ tương-lai, còn được thưởng thức tài khôi hài của vị Xướng Ngôn viên nào đó (chúng tôi chưa được biết tên).

Trước hàng ngàn khán giả cũng như trước bao nhiêu triệu đồng bào trên đất nước, vị Xướng-ngôn-viên đành rằng phải vui vẻ và đôi khi cần phải khôi hài. Cái khôi hài cần cho một vị Xướng-ngôn-viên là điểm thêm duyên dáng và hấp dẫn. Nhưng nó không được vượt khỏi phạm vi lịch thiệp và nhã nhặn, và nhất là không nên làm cho người khác bị chạm lòng tự ái.

Trở lại câu chuyện Tuyển lựa ca sĩ khi nãy; chắc quý vị cũng như chúng tôi đều công nhận vị xướng ngôn viên giữ mục giới thiệu ca sĩ khôi hài rất hay. Tuy nhiên chúng tôi không khỏi bực mình khi nghe vị ấy khôi hài quá lỗ. Những câu khôi hài sau đây mà chúng tôi còn nhớ:

— Tiếp theo đây, chúng tôi xin giới thiệu giọng ca của Tuyệt Thu.

Xin mời Tuyệt Thu...Thu...A, mùa Thu này vắng ta lại có mùa Thu khác...v.v...

— Mời cô Thu Nguyệt...Chà, vàng trắng mùa Thu chắc đẹp lắm.

Một lần khác chúng tôi được nghe Ông ấy nói:

— Mời cô Hương Duyên...Chắc cô này có duyên lắm...Và theo ý quý vị thì mấy tuổi ạ.

Thật là lặt lẻo và vô duyên quá. Thí sinh dự thi hát, chứ đâu

phải thi Hoa hậu mà cho xấu hay đẹp? Trước hàng triệu khán và thính giả, liệu cô Ca-sĩ ấy có đủ can-đảm trình bày thật hay nhạc phẩm của mình không. Hay là cô chỉ tiếp rước sự bèn lèn, mất bình tĩnh và gầy đồ bản nhạc nửa chừng...

Là một thính giả, chúng tôi xin. Quý Vị cho biết ý kiến và những cảm nghĩ của tôi trên đây đúng hay sai ???

★ **Đoàn nghệ-sĩ Việt-Nam sang Hongkong và Tokyo**

(của cô Huỳnh-thị-Hai, 153-C Phan-dinh-Phùng, Saigon)

Thưa Ông, tôi rất thắc-mắc về bài « xã-luận » của Ông đăng trong tờ Phồ-thông số 89 ra ngày 1-10.

Theo bài của Ông, thì có thể tóm tắt là « Đoàn V.N.V.N. » thất bại hoàn-toàn, trong chuyến lưu diễn ở Hương-Cảng.

Riêng cá-nhân tôi, thì nhận thấy Đoàn V.N.V.N. cũng không hơn gì các buổi « Đại nhạc hội » của một vài ban tân nhạc ở Thủ-đô. Về sự ủng-hộ của khán-giả còn kém nữa là khác.

Thưa Ông, thế mà đoàn lại đại diện cho V.N., cả một xứ V.N. thì nghĩ cũng hơi ngại!

Thưa Ông, giờ tôi xin trở lại đoạn đầu là điều tôi thắc-mắc.

Ngày 5-10 các báo xuất-bản hằng ngày ở Thủ-đô có đăng bài trích theo V.T.V. ở Hương-Cảng gởi về, là « Đoàn V.N.V.N. » được khán-giả ở Cảng-thơm ủng-hộ nhiệt-liệt, và có thể nói đoàn thành công về mọi mặt, nhất là « vũ ».

Thưa Ông, tôi không biết sự thật thế nào. Mong Ông vui lòng giải thích hộ...

● **của Ô. Trần-văn-Quỳnh**

745/12, Nguyễn-trãi, Quận V. Saigon

Trong số 89 Phồ Thông ra ngày 1-10-62 nơi bài xã-luận « Đem chuông đi đánh xứ người » thì kết quả là một thất bại thê thảm.

Tiên đây là tiếng chuông thứ nhất. Nhưng tôi xin gởi đính kèm 2 bài báo trích trong « J. E. O. » và « Tiếng Dội Miền Nam » đã ca tụng « Đoàn Văn Nghệ ».

Đó là tiếng chuông thứ nhì.

Vậy xin ông vui lòng cho biết đâu là sự thật.

● của một độc-giả không có đề tên ở Long-xuyên

... Mặc dầu đoàn đó có thất bại đi nữa nhưng đâu đến nỗi phải đi trình diễn với đoàn gái « THOÁT-Y-VŨ » để kiếm thêm tiền? Thất bại đến đôi « một số nghệ-sĩ không có tiền trả tiền phòng đã bị xiết đồ hành-lý và một số khác phải « BỊ BẮT BUỘC » trình diễn với bọn gái thoát-y-vũ, để một vài tờ báo ngoại-quốc nếu ra, làm mất cả thể diện của giới nghệ-sĩ V. N. ?

Theo tôi nghĩ, về vấn-đề bị xiết-đồ, thì không thể có được, vì khi ra đi, trưởng đoàn đã tiên-liệu mọi vấn-đề rồi, trong đó có cả tài chánh nữa, sao có thể bị xiết đồ như thế?...

● Đáp

1) Bài đăng trong Việt-tấn-xã, và trong báo J.E.O ở Saigon có tính cách một thông cáo nhờ đăng giùm.

2) Sau khi xem bài trong Phở-Thông, bạn Trần-văn-Trạch, một nhân viên trong phái đoàn có nhà-ý đến tòa soạn Phở-Thông thăm chúng tôi. Hỏi về việc phái-đoàn ở Hồng-Kông bị xiết đồ, có hay không? Bạn Trần-văn-Trạch đáp: « Có ». Vụ ấy bị người chủ Hôtel thừa ra Cờ-Bốt ở Hồng-Kông ai cũng biết, làm sao giấu được? Sau phải nhờ ông Lãnh-sự Việt-Nam ở Hồng-Kông cho mượn một số tiền mới « giải thoát » tạm được 6 người đi qua Nhật trước cho kịp ngày giờ đã định... ». Hỏi về việc bắt buộc phải diễn với bọn gái Thoát-y-vũ, có hay không? — Bạn Trần-văn-Trạch cười, đáp: Có. Vì thế nên có vài nữ-ca-sĩ trong phái đoàn từ chối không diễn trên rạp Mikado với bọn thoát-y-vũ. Tầm hình đăng trong Phở-Thông số 90, do Hội Sinh-viên Việt-Nam ở Tokyo gửi về, là vì phái-đoàn đến thăm Hội Sinh-viên Việt-Nam và chụp hình kỷ-niệm vì xã-giao thông thường mà thôi.

Chúng tôi có nhận được 3 bài, của hai bạn Nữ Sinh-Viên Đại-học Saigon, và một bà ở đường Hồng-Thập-Tự, công kích kịch-liệt « phái đoàn ca-sĩ sang Nhật-bồn », nhưng chúng tôi rất tiếc không thể đăng được, vì chúng tôi không muốn nhắc lại vụ này nữa. Vậy xin ba bạn thông cảm.

★ Tài xế... đà xa...

(của ông Bao-la cư-sĩ, Sài-gon)

Trong Phở Thông số 89, trong mục Đáp bạn bốn phương, anh Lê ngọc Trụ và chị Diệu-Huyền giải đáp về hai chữ tài-xế.

Tài-xế không phải do Đà-công, hay là Driver gì cả, mà chính là do hai chữ Đà Xa (拖車). Đà có nghĩa là : dắt kéo. Xa có nghĩa là xe.

Cũng có những chữ Đà có nghĩa tương tự như :

Đà : 駁 bánh lái thuyền,

Đà : 馱 chở, mang, vật gì trên lưng.

Ngoài ra, tôi cũng rất thắc mắc chưa hiểu rõ nguyên ủy hai chữ hồ-sơ (dossier) xuất xứ từ đâu ra? Tôi có hỏi nhiều vị túc-nho, nhưng chẳng có ai cho biết rõ cả. Duy chỉ thấy trong Tự-điển « Dictionnaire Vietnamien-Chinois-Français » của Félix Gouin, có ghi rằng :

Hồ sơ (au début) — Hồ : 乎 Note du datif, à, pour.

Hồ sơ (dossier)

Hồ tử tập (dossier)

Có quyền Tự-điển ghi hai chữ hồ sơ (Hồ có thêm nhơn đứng, Sơ là ban đầu). Vậy hai chữ hồ sơ có nghĩa là : bắt đầu từ đâu mà ra? Cũng gần như câu La-tinh : Quis, Quid, Ubi, Quibus auxiliis, Cur, Quomodo, quando? (Ai? Cái gì? Ở đâu? Bằng cách gì? Tại sao? Làm sao? Khi nào?)

Xin Quý Chủ-Nhiệm và độc-giả bốn phương chỉ giáo giùm cho chúng tôi...

Bao-La Cư-Sĩ

Đ. T 24.633

THUỐC ĐAU LƯNG
HÔNG-NGUYỄN



TR! *Thân suy
yếu, nhức mỗi tay,
chân, phong thấp,
gân xương đau nhức.*

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN
Bà Đường-xuân-Lang chế
246, Đại-lộ NG. HOÀNG Chơn

KIỂM-NHẬN SỐ 238-BYT/QCDP. NGÀY 7.8.62.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Bạn Tuyết-Mai, đường Nguyễn-Hoàng, Phan-Thiết**

Ngày 6 tháng 6, năm Nhâm-ngọ = 18-7-1942 (Ngày thứ bảy)

★ **Bạn Nguyễn-thị-mộng-Hà, Tòa Hành-chánh, Long-khánh**

Ngày 28 tháng 10, Mậu-thìn = Chủ-nhật 9-12-1928

« 7 » 3, Mậu-dần = Thứ Năm 7-4-1938

★ **Bạn Hoàng-Lan, Saigon**

Ngày 3-4-1944 = 11 tháng Ba năm Giáp-Thân

★ **Bà Khuê, 172 Võ-Tánh, Qui-nhơn**

Bà nên viết thư hỏi Bà Hội-trưởng Hội Thông-Thiên-học, 420 Võ-di-nguy, Phú-nhuận, Gia-dịnh. Hội này có một cô-nhi-viện lớn, theo Phật-giáo.

★ **Ông Trần-Tam, Biên-Hòa**

Theo hệ-thống hành-chánh, nhân viên ở Ty muốn gửi đơn lên ông Giám-đốc, phải đề « *Kính gửi ông Giám-đốc Nha...*

Kính nhờ ông Trưởng ty... chuyển đệ »

★ **Bạn Anh-Điệp-Thu, Tam-Kỳ**

Ngày 10-12-1942 = mùng 3 tháng 11 Năm Nhâm-ngọ.

★ **Cô Tào-Mỹ Ánh, Trường Tư-thục Dục-Anh.**

Xin cho biết rõ ở Tỉnh nào, để chúng tôi gửi mấy số báo cô hỏi.

★ **Bạn Thanh-Nhơn, Mỹ-tho**

Quyển « *Solitude — Loneliness* » sẽ xuất bản trong năm 1963, hiện giờ chưa in xong, và chúng tôi chưa biết giá.

★ **Bạn Tâm-Tình, Saigon.** Xin cho biết rõ địa chỉ để gửi sách. Thành thật cảm ơn về bài thơ « *Cảm đề chuyện « Minh ơ »* ».

★ **Bạn Hoàng-Ấn, Định-quán**

Xin cho địa-chỉ rõ ràng để gửi sách.

★ **Bạn C.T.T.N. Kiều-Oanh, Saigon.** Thành thật cảm ơn bức thư ưu-ái của bạn. Tạp chí P.T. vẫn in ở Thư-lâm ấn quán. Nhà in Phò-Thông ở Trần-Hưng-Đạo in sách của Phò-Thông từng-thư, hiện đã in *Hoang-Vu*, và đang tiếp tục in các tác-phẩm khác.

★ **Bạn Nguyễn-đức-Tấn Nha-Trang thành**

Quả phụ : đàn bà góa. Nhiều người viết và nói : « *góa phụ* » là sai.

Sương-phụ : cũng nghĩa là Đàn bà góa. Danh từ này có hơi văn-hoa hơn, chứ không khác nghĩa với chữ quả-phụ.

★ **Ô. Ngô-Châu, đường Đề-Thám, Saigon**

● Theo chúng tôi thì nên viết : Xử-dụng — Trương-mục.

● Nói : *học-giả, luật-gia*, chứ không nên nói « *nhà học-giả, nhà luật-gia* ». Cũng như nói : *độc-giả*, (độc, chữ Ộ) hoặc *người đọc, bạn đọc* (chữ Ộ).

Có thể tặng bạn gái, hoặc vi-hôn-thê, những món nàng dùng hằng ngày (trâm cài đầu, vòng đeo tay, plaque, v.v...)

★ **Em-Hoài-Ấn, Hồng-bàng, Nha-Trang**

20-9-Ất-dậu = 25-10-1945

8-12-Nhâm-ngọ = 13-1-1943

Thơ đăng không có tiền nhuận bút.

★ **Cô Minh-Nguyệt, Saigon**

4-5-1944 = Ngày thứ Năm, 12 tháng Tư năm Giáp-thân

★ **Cô Hồng-khắc-kim-Mai, đại-lộ Hoàng-Điêu, Đà-nẵng**

9-9-Giáp-thân = 25-10-1944

★ **Bạn Trịnh-Phùng, Quảng-Ngãi**

Ngủ bị « *mộc dè* », phần nhiều là do ăn uống không tiêu-hóa, hoặc máu chảy không đều, hoặc mệt nhọc quá độ, hoặc thần kinh yếu.

Nhà bác-học Freud lại giảng giải rằng *ác-mộng* (mộc dè) là một hiện-tượng của nội-tâm tìm phá-hoại các giấc mơ của người.

★ **Cô Hành-lý thị-Mai, Kỳ-sơn, Tam-kỳ**

Nên hỏi lòng cô.

★ **Bạn Võ-tuấn-Minh, Centre provincial d'Education Paksé**

Thành thật cảm ơn về bức thư rất khả-ái của bạn.

★ **Ô. Lê-quang-Sử, Vientiane**

● 13-6-1935 = Ngày thứ Năm, 10 tháng 5, năm Ất-hợi

● Diện-tích nước Lào là 237.000 km². Dân-số không quá 2 triệu người (bằng dân-số Sài-gòn)

★ **Ô. T. Thi. Trường sư phạm Qui-nhơn**

Chúng tôi sẽ tìm cách mở rộng thêm mục Triết-học và Văn-học ngoại-quốc.

★ **Bạn T. M. Đà-nẵng**

Bạn làm đơn trình-bày rõ hoàn-cảnh gia-đình, và nên thân hành đem đơn đến tại Phòng Trung-bình địa-phương.

★ **Cô Jacqueline M. — Nice**

● Vi-hôn-thê: **Vị = chưa**

● Cô có thể gửi mua tập thơ H. V. tại Tổng-phát-hành của P. T. ngay ở Pháp: hăng Long-Hiệp, 13 Rue de la Montagne St Genevière Paris — V.

★ **Bạn ký tên không rõ, ở Kiến-an**

Bạn có thể khai danh-dự với tư-cách một công-chức.

★ **Bạn Ng. v. Đê**

Muốn mua các sách về Judo, Jiu-jitsu, Yoga, v.v... Bạn viết thư hỏi thẳng nhà sách Khai-Trí, đường Lê-Lợi, Sài Gòn.

★ **Ô. Đông H. KBC 4244**

Ở Saigon, chúng tôi không quen biết với trường Hàm-Thụ nào cả.

★ **Ô. T. S. I Lê-trọng-Huỳnh kbc 4375**

Trẻ em ăn đường nhiều không hại gì lắm.

● Rau sống rửa bằng thuốc tím, nên rửa lại bằng nước lạnh trong sạch trước khi ăn.

★ **Em Mộc-Châu, Phan-đình-Phùng, Dalat**

Bài thơ « Pensée » không đăng được em ạ. Mến em.

★ **Bạn Ng-an Khương, Nguyễn Du, Vĩnh-Long**

Bạn gửi thư hỏi Nha cải-cách điền-địa.

★ **Cô Hồng-Oanh, Pasteur, Saigon**

«... Em nhờ chị Diệu-Huyền thân-yêu giăng hộ câu ca-đạo:

Hai tay cầm 4 trái dưa,

Trái ăn, trái đề, trái đưa cho chàng,

tức là 3 trái, còn 1 trái nữa đâu, hả chị?»

— Đáp: Trái thứ nhất nàng ăn, trái thứ hai cho chàng, trái thứ ba nàng đề dành đấy, khi nào chàng ăn hết trái thứ hai nàng lại đưa cho chàng trái thứ ba, rồi chàng ăn xong trái thứ ba nàng sẽ đưa nốt trái cuối cùng mà nàng vẫn cầm trong tay. Rốt cuộc, 4 trái dưa mà vì quá yêu chàng, nàng chỉ ăn 1, còn đề cho chàng 3.

★ **Ông Y-hoại Tam-kỳ**

Térence, thi-sĩ trào phúng của xứ La-tinh, sinh năm 190 trước J.C. chết năm 159. Ông chuyên viết những vở hài kịch đề chế riễu những lỗi lạng của thời đại ông.

★ **Bà C.T.T.N. Dạ-Hương, Dalat**

● Ở Saigon có nhiều Bác-sĩ giỏi chuyên môn về khoa ấy, những Bác-sĩ thời trước, có nhiều kinh-nghiem.

● Chỉ có B.S. khám xét rồi mới quyết định được.

★ **Ông Leung Koung Ping, Vũng-Tàu**

● Rê của Vua gọi là Phò-mã. Còn đầu của vua gọi là Công-chúa.

★ **Trần-v-Khệt, 59 Đặng-v-Trước, Phú-đức, Tây-ninh**

Các sách ông hỏi: Dây bí rợ, Hai Thiêng-Liêng v.v... đều hết đã lâu. Phở Thông từ số 1 đến số 33 cũng đã hết.

XIN LỖI

Còn nhiều thư quá (trên 300 thư) chưa trả lời kịp kỳ này, vì hết chỗ, vậy xin lần lượt-phúc đáp trong các số sau.

Mong quý Bạn thông cảm.

Đạ tạ.
D. H.

TÌM VIỆC

Nữ sinh đệ-nhi công-lập có bằng Trung-học đệ-nhất-cấp, cần một việc làm vừa sức như dạy các lớp từ lớp nhất trở xuống tại các tư-thục, thư ký, kèm trẻ tư-gia, bằng lòng đi xa, lương tạm đủ, thư cho: cô Kim-Chi 8 bis Huỳnh-tĩnh-Cửa Mỹ-tho, nhờ chuyển giao.

TÌM MẸ

Con là Sửu, lạc mẹ tại ga Phan-thiết. Khi mẹ lãnh thuốc cho con ra bán tại ga.

Con theo mẹ từ Nam-định vào để chạy nạn lụt, đói kém và luôn tiện tìm cha con.

Hiện nay mẹ ở đâu, xin liên lạc với ông Nguyễn-Học số 5 Trưng-nữ-Vương Nha-trang (nhờ chuyển cho Nghĩa).

TIN BUỒN

Chúng tôi vừa được tin buồn: cụ NGUYỄN - TRI - KHƯƠNG, một nghệ sĩ lão thành miền Nam,

Thân phụ hai anh Nguyễn-Tri-Hữu (giáo sư ở Cần-Thơ) Nguyễn-Tri-Thuận (hội trưởng hội phụ huynh học sinh Vĩnh-Kim, Định-Tường), chú và cậu ruột các bạn Nguyễn-Mỹ-Ca, Trần-văn-Khê, Trần-văn-Trạch, vừa mệnh chung tại nhà riêng ở Sầm-Giang tỉnh Định-Tường, ngày 2-11-1962, hưởng thọ 75 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và xin cầu chúc hương hoa cụ được tiêu điều nơi miền cực lạc.

KHÔNG-NGHI, LÊ-THƯỜNG, TƯ-CHƠI, BA-VĂN, PHẠM-DUY, NGUYỄN-HỮU-BA, LÊ-VĂN-SIÊU, NGUYỄN-NGU-Í

thơ Hoang-Vu

đã có bản tại các nơi sau đây:

Saigon.— Tòa soạn Phồ-Thông tạp-chí
231, Phạm-ngũ-Lão,
— Nhà in Phồ-Thông
531, Trần-hưng-Đạo
và các hiệu sách lớn : Khai-Trí, Xuân-Thu, Tự-Lực, Đoàn-Văn, vv...

Huế. —	Tân-Hoa	Định Tường. —	Đỗ-Quang
	Ứng-Hạ	An-Xuyên. —	Minh-Đức
	Gia-Long	Thủ-Thừa. —	Lam-Sơn
	Bình-Minh	Vĩnh-Long. —	Mai-Lan
Đà Nẵng. —	Lam-Sơn		Minh-Trí
	Toàn-Mỹ	Ba-Xuyên. —	Thanh-Quang
	Văn-Hóa	Vientiane. —	Bà NguyễnThị
	Bạch-Đăng		Nam 25 Chao In
Qui-Nhon. —	Lê-văn-Khánh	Paksé. —	Bà NguyễnThị Mỹ
	Việt-Long		Lan 92 Chao Anou
Sông Cầu. —	Bình-Minh	Savannakhet. —	Bà Guin-
Tuy-Hòa. —	Phan-Ghi		quine 28 Fiaos
Nha Trang. —	Vĩnh-An-Thành	Pnon Penh. —	Hồn Dũ
	— Nghiệp - đoàn sách Báo	Gò-Công. —	Lưu Bình
	Khánh-Hòa	Sàdec. —	Tân-Lợi
Phan-Rang. —	Quảng-Thuận	An Giang. —	Vinh-Bà
Phan-Thiết. —	Hiệp-Thành	Cà-Mâu. —	Minh-Đức
Banmethuot. —	Cao-Trí	Tây Ninh. —	Trường-Xuân
Dalat. —	Phùng-Xuân		
	Liên - Thanh		

Tổng phát-hành
ở **Âu-Châu và Phi-Châu :**
Long-Hiệp, 13, rue de la Montagne Ste.. Genevière Paris — V.

Xin chú ý

● Sách của *Phồ-Thông Tùng-Thư*, đã gửi bán tại các Địa-lý có viết thư về thương-lượng với chúng tôi.

Các quý vị Đại-lý nào ở các tỉnh, chưa liên-lạc với chúng tôi, xin viết thư cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ xin gửi sách đến ngay.

Các bạn đọc thân-mến ở những nơi không có đại-lý bán «Thơ Hoang Vu», xin gửi bưu-phiếu hoặc tem bưu-điện về Tòa-soạn Phồ-Thông.

Xin biên tên và địa-chỉ thật rõ-ràng.

Thơ *Hoang-Vu*, bán giá nhất định **30\$** và **85\$**.
(Cước-phí chúng tôi chịu)

Công - Ty Bảo - Hiểm

« **LE SECOURS** »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

CẦN MUA LẠI

TẬP THƯ của ĐỖ VĂN

do Nguyễn Du — Hà-Nội xuất bản khoảng năm 1944 — 1943.
Xin liên lạc với GS Lâm vị Thủy, văn phòng trường
Hùng-Việt — 380 Phan-thanh-Giản Sài-gòn (hỏi cụ Hiệu)

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT

Hàng tuần vé số Kiến-Thiết
phát-hành 3.000.000 vé:

- 1.000.000 vé mang mẫu tự A,B,C v.v..
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AA,BB,CC v.v..
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AAA,BBB,CCC v.v...
- đều được ghi số như sau từ 000.000 đến 999.999.

NGÀY MỞ SỐ :

THỨ BA HÀNG TUẦN

TỔNG SỐ CÁC LÔ TRÚNG:

3 lô trúng độc đắc mỗi lô 1.000.000\$			
15	—	—	100.000\$
15	—	—	50.000\$
180	—	—	10.000\$
600	—	—	5.000\$
3.000	—	—	1.000\$
3.000	—	—	500\$
30.000	—	—	100\$
165	—	an ủi	2.000\$

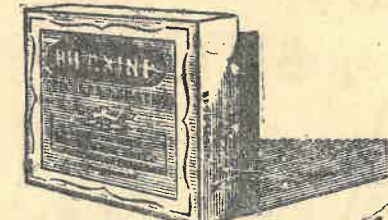


POLYVIT Ca

TÉVÉTÉ

DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC





BILAXINE

*Thuốc
nhuận trường*

CÓ BÁN KHAP NHÀ THUỐC ẬU MỸ

K.N. số 93 của Bộ Y-Tế ngày 5-8-62



K.N. số 56 Bộ Y-Tế/QCDP ngày 20-6-61

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

XÁ-XỊ
HỎA-TIẾN

Được mọi
người ưa
ch chuộng

NƯỚC NGỌT "CON CỌP" Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE, MẠNH-SỐNG LÂU
YÊU ĐỜI



Tinh chế với rễ cây xá xỉ chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xỉ, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tính căn bản quý giá của rễ cây xá xỉ, như: giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon; tinh khiết, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.